

Lời nói đầu

Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ là một bộ phận của giáo dục học Mầm non. Đây là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo Giáo viên mầm non ở các hệ đào tạo. Vì vậy để đáp ứng nhu cầu dạy - học và thực hành cho thầy trò ngành Giáo dục Mầm non, chúng tôi biên soạn tập bài giảng ***Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ***. Tập bài giảng được chúng tôi biên soạn dựa trên những thành tựu nghiên cứu của các nhà sư phạm, các nhà nghiên cứu Nga và Việt Nam... với mục đích cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, khoa học, hiện đại về phương pháp dạy nói cho trẻ từ 0 – 6 tuổi. Nội dung tập bài giảng gồm 7 chương:

Chương I: Những vấn đề chung về bộ môn Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

Chương II: Nhiệm vụ, phương pháp và các hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

Chương III: Phương pháp luyện phát âm cho trẻ

Chương IV: Phương pháp phát triển vốn từ cho trẻ

Chương V: Phương pháp dạy trẻ nói đúng ngữ pháp

Chương VI: Phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc

Chương VII: Phương pháp dạy trẻ làm quen chữ cái

Tác giả

Chương I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BỘ MÔN PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ

I. Đối tượng nghiên cứu của bộ môn

1. Đối tượng nghiên cứu

Môn phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ là một khoa học thực hành. Nó được xây dựng dựa trên đặc điểm ngôn ngữ nói chung, đặc điểm tiếng mẹ đẻ nói riêng, dựa vào quy luật tâm lý của quá trình tiếp thu tiếng mẹ đẻ ở từng lứa tuổi. Mặt khác, nó còn dựa vào nguyên lý giáo dục để xác định một cách khoa học mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, biện pháp, các hình thức và phương tiện phát triển ngôn ngữ cho trẻ từ 0- 6 tuổi.

Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ có thể xem là một môn khoa học thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng. Dựa trên cơ sở của ngôn ngữ học và một số ngành khoa học cơ bản khác, phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ nhằm xác định phương hướng, nội dung, phương pháp trong việc làm cụ thể là dạy nói cho trẻ.

Vậy đối tượng nghiên cứu của môn học được hiểu là *các quy luật hoạt động sư phạm nhằm hình thành và phát triển ngôn ngữ cho trẻ*. Nói cách khác: đó là những đặc điểm của quá trình giáo dục và dạy học trong lĩnh vực ngôn ngữ nhằm phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

2. Sơ lược về quá trình hình thành, xây dựng bộ môn phương pháp phát triển ngôn ngữ

Từ sau Cách mạng tháng 8, tiếng Việt được dùng để giảng dạy trong tất cả các môn học ở nhà trường phổ thông cũng như trường đại học. Môn tiếng Việt dần dần được hình thành ở các cấp học và ngày càng được cải tiến. Đảng, nhà nước và ngành giáo dục đã có ý thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò của tiếng Việt

trong cách mạng văn hoá tư tưởng, cách mạng khoa học - kỹ thuật và đặc biệt trong sự nghiệp giáo dục thế hệ thanh niên.

Việc giảng dạy môn tiếng Việt ở nước ta từ sau cách mạng tháng 8 đến nay có thể phân ra thành 3 thời kỳ:

Thời kỳ 1: Thời kỳ nghiên cứu về tiếng Việt chưa nhiều, việc giảng dạy tiếng Việt được tiến hành chủ yếu thông qua môn văn học. Cách dạy này không cung cấp cho học sinh những hiểu biết có cơ sở khoa học về hệ thống tiếng Việt.

Thời kỳ 2: Khoảng từ năm 1960 trở đi là thời kỳ mà các thành tựu nghiên cứu về tiếng Việt đã khá phong phú. ở các trường đại học và cao đẳng, việc giảng dạy ngôn ngữ học ở các khoa Ngữ văn đã có hệ thống và ngày càng chất lượng được nâng cao. Nhiệm vụ của môn tiếng Việt ở trường phổ thông được quan niệm là cung cấp cho học sinh các tri thức về tiếng Việt và thực hành các tri thức này nhằm sử dụng tốt tiếng Việt.

Tuy nhiên tình hình nói, viết tiếng mẹ đẻ của người học chưa tốt.

Thời kỳ 3: Thời kỳ ý thức được sự cần thiết phải xây dựng ở Việt Nam một ngành khoa học nghiên cứu về việc dạy và học phải đưa vào chương trình giảng dạy các trường sư phạm môn phương pháp dạy tiếng Việt. Một số hội nghị khoa học ở T.W cũng như địa phương đã hướng nội dung vào việc thảo luận nâng cao chất lượng giảng dạy môn tiếng Việt ở nhà trường. Trên một số tạp chí đã xuất hiện rải rác một số bài nghiên cứu về nội dung, phương pháp dạy tiếng ở nhà trường. Đặc biệt có cuốn "*Dạy nói cho trẻ trước tuổi cấp 1*" của Phan Thiều (1979) và cuốn "*Dạy trẻ phát âm đúng và làm giàu vốn từ cho trẻ*" của Tạ Thị Ngọc Thanh (1980). Tuy nhiên, nhìn chung nội dung các báo cáo khoa học, các bài nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở mức độ giải thích, vận dụng các tri thức ngôn ngữ học, các thành tựu nghiên cứu về tiếng Việt vào nhà trường.

Phải đến hội nghị khoa học về dạy tiếng Việt trong nhà trường tổ chức năm 1982 tại trường ĐHSP Hà Nội, chuyên ngành phương pháp dạy tiếng mới

được đặt ra với tư cách là một khoa học độc lập trong mối liên hệ chặt chẽ với các ngành khoa học khác như giáo dục học, tâm lý học, ngôn ngữ học...

Năm 1983, Bộ giáo dục quyết định đưa vào chương trình cải cách khoa Ngữ văn các trường ĐHSP môn Phương pháp dạy học tiếng Việt. Tiếp theo đó là khoa Tiểu học, khoa Mầm non của trường đại học sư phạm Hà Nội I được thành lập và môn phương pháp dạy tiếng cũng được giảng dạy, nghiên cứu.

3. Mối liên hệ giữa môn phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ với các ngành khoa học khác

a. Mối liên hệ với học thuyết Mác - Lênin về tiếng nói

Học thuyết Mác- Lênin đã chỉ ra rằng: Ngôn ngữ bắt đầu từ lao động, bắt nguồn từ nhu cầu giao tiếp giữa con người với con người trong lao động và trong cuộc sống. ở trẻ em, ngôn ngữ phát triển trong nhu cầu giao tiếp giữa trẻ với môi trường xung quanh. Trẻ bắt chước mọi người nói và được mọi người dạy nói.

Từ đó, chúng ta có thể khẳng định rằng: chỉ có dựa trên học thuyết Mác- Lênin về nguồn gốc của ngôn ngữ, khi đó các nhà giáo dục mới có phương pháp đúng đắn nhất để hình thành và phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

Bộ môn Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ dựa trên quy luật biện chứng, nhìn nhận sự phát triển ngôn ngữ của trẻ như sự chuyển đổi từ lượng thành chất. Lúc đầu ngôn ngữ của trẻ chỉ là những từ riêng lẻ xuất phát từ sự nhận thức thế giới xung quanh. Trẻ chưa thể nói thành câu hoàn chỉnh. Qua quá trình tiếp xúc với mọi người, vốn ngôn ngữ của trẻ tăng lên, trẻ học được cách nói của người lớn, lúc đó trẻ mới nói được thành câu hoàn chỉnh.

Rõ ràng, triết học Mác- Lênin là cơ sở phương pháp luận của bộ môn “Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ” và chính dựa vào khoa học này chúng ta mới có thể giải quyết được vấn đề cốt lõi, đó là: hiểu về sự phát triển ngôn ngữ và xây dựng phương pháp phù hợp với quy luật phát triển ngôn ngữ.

b. Mối quan hệ với ngôn ngữ học

- Hai khái niệm ngôn ngữ và ngữ ngôn:

Ngôn ngữ được dùng để chỉ một hệ thống các ký hiệu ngữ âm có ý nghĩa chung đối với một tập hợp người và có những quy tắc phát âm, ngữ nghĩa và ngữ pháp thống nhất trong toàn bộ tập hợp người sử dụng ngôn ngữ ấy.

Hoạt động ngôn ngữ là quá trình sử dụng một ngôn ngữ nào đó để giao tiếp.

Hoạt động ngôn ngữ là một dạng hoạt động tâm lý, là hiện tượng có tính chủ quan. Hoạt động ngôn ngữ của một chủ thể nói năng nào đó phản ánh đặc điểm tâm lý về tính cách, sở thích về tình cảm, nói năng. Vì thế qua hoạt động ngôn ngữ các nhà khoa học nghiên cứu đặc điểm tâm lý: tư duy, tưởng tượng, chú ý, ghi nhớ... của các chủ thể hoạt động. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ là dạy trẻ sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp, tư duy.

- Mô hình cấu trúc ngôn ngữ:

Khi trẻ em học ngôn ngữ thì học cụ thể những gì? Ngôn ngữ cấu tạo từ tiểu hệ thống, bao gồm: âm thanh ngôn ngữ, ngữ nghĩa, cấu trúc ngữ pháp chung và cách thức sử dụng ngôn ngữ hàng ngày. Biết một ngôn ngữ là phải nắm vững các lĩnh vực trên và tổng hợp chúng vào hệ thống giao tiếp linh hoạt, hiệu quả.

Thành tố đầu tiên là ngữ âm: đây là thành tố đầu tiên khi học một ngôn ngữ. Lĩnh hội năng lực này như thế nào là khoa học về sự phát triển ngữ âm. Mỗi ngôn ngữ có một cách thức phát âm riêng, học một ngôn ngữ là học cách thức phát âm ngôn ngữ, là học nghe âm thanh ngôn ngữ, là để hiểu ngôn ngữ.

Thành tố thứ hai là ngữ nghĩa:

ở đây yêu cầu cần làm giàu vốn từ và cách thức nắm một khái niệm nào đó được diễn đạt trong một từ hay một tập hợp từ.

Khi trẻ mới sử dụng từ, từ đó không có ý nghĩa như giống từ như ở người lớn. Để xây dựng vốn từ đa năng, trẻ phải thấu hiểu nghĩa của hàng ngàn từ và

liên kết chúng lại vào mạng lưới khái niệm có liên quan đến nhau. Lớn dần trẻ trẻ chỉ không chỉ sử dụng từ chính xác mà còn luôn có ý thức về ngữ nghĩa của các từ. Như thế trẻ luôn làm rõ nghĩa của từ và thực hiện chúng theo cách thức sáng tạo.

Thành tố thứ ba là kiến thức về ngữ pháp:

Khi trẻ lĩnh hội được vốn từ, trẻ bắt đầu biết liên kết các từ và biến đổi chúng theo một ý nghĩa nào đó.

Kiến thức ngữ pháp bao gồm hai thành phần: - cú pháp (những quy luật là từ được liên kết trong câu); - hình thái học (cách thức sử dụng các quy luật ngữ pháp về thời, giống, số, thể chủ động, thể bị động).

Thành tố cuối cùng là tính thực tiễn, tức là vấn đề giao tiếp ngôn ngữ của chủ thể sử dụng. Để giao tiếp có hiệu quả, trẻ phải học cách thức tham gia vào hoạt động giao tiếp, tiếp tục và phát triển chủ đề giao tiếp, thể hiện ý nghĩ của mình một cách rõ ràng. Thêm vào đó trẻ phải biết diễn đạt bằng cử chỉ, điệu bộ, giọng nói và vận dụng ngữ cảnh để giao tiếp.

Tính thực tiễn bao gồm cả kiến thức về xã hội, vì xã hội luôn quy định cách thức sử dụng ngôn ngữ. Để giao tiếp thành thạo, trẻ phải học các nghi lễ giao tiếp trong một xã hội nhất định.

Bốn thành tố trên phụ thuộc chặt chẽ vào nhau, nắm vững mặt này của ngôn ngữ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc lĩnh hội các mặt khác. Học ngôn ngữ là học tất cả các thành phần ngôn ngữ một cách thống nhất với nhau trong một mô hình giao tiếp linh hoạt.

- Mối quan hệ của phương pháp phát triển ngôn ngữ với ngôn ngữ học:

Như trên đã nói, ngôn ngữ là công cụ để biểu hiện, để tích lũy và mở rộng các khái niệm của tư duy, nhận thức và là phương tiện để hình thành ý thức của con người. Cho nên ngôn ngữ phục vụ cho những mục đích bình thường hàng ngày và cả những mục đích cao cả nhất trong cuộc sống.

Bộ môn Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ phải biết và nắm vững những thành tựu khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ học để không ngừng cải tiến nội dung và phương pháp dạy nói cho trẻ.

Rõ ràng bộ môn này có mối quan hệ khăng khít với ngôn ngữ học. Bởi vì những người làm công tác phát triển ngôn ngữ chỉ có một mục đích duy nhất, đó là giúp trẻ nắm vững ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ.

c. Mối quan hệ với tâm lý học

- Ngôn ngữ là một dạng hoạt động tâm lý

Trong tâm lý học, ngôn ngữ được coi là một dạng hoạt động tâm lý đặc biệt. Nó có những chức năng sau:

Ngôn ngữ là một phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người.

Ngôn ngữ là phương tiện bảo tồn giữ gìn và truyền đạt kinh nghiệm lịch sử của xã hội loài người. Ngôn ngữ còn là phương tiện để tư duy, hoạt động trí tuệ.

- Lý thuyết Tâm lý học Mac-xít về sự phát triển ngôn ngữ

Theo lý thuyết Tâm lý học Mac-xít, yếu tố sinh lý là yếu tố tiền đề quan trọng, là yếu tố tiên quyết đóng vai trò cho sự phát triển ngôn ngữ trẻ em (não, bộ máy phát âm, tai nghe).

Yếu tố giáo dục và dạy học trong lĩnh vực phát triển ngôn ngữ cho trẻ em là yếu tố quan trọng nhất, quyết định và có động lực thúc đẩy cho sự phát triển ngôn ngữ của trẻ em. Môi trường giáo dục của gia đình tác động đầu tiên vào đối với sự phát triển ngôn ngữ của trẻ. Dạy ngôn ngữ cho trẻ trong trường mầm non là quan trọng nhất đối với trẻ. Chương trình phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non được xây dựng có mục đích, có hệ thống, đảm bảo tính khoa học. Trường mầm non là nơi có phương tiện và điều kiện phát triển ngôn ngữ tốt nhất. Chương trình phát triển ngôn ngữ cho trẻ nhằm mục đích phát triển những kỹ năng ngôn ngữ một cách toàn diện, giúp cho trẻ nói thành thạo trước khi đến

trường phổ thông. Chương trình còn nhằm khắc phục những khuyết tật của trẻ em về mặt ngôn ngữ.

Môi trường xã hội là điều kiện để phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Trẻ em muốn học nói bình thường thì phải được giao tiếp trong môi trường ngôn ngữ, trẻ em học cách thức giao tiếp, học tập ngôn ngữ từ những người xung quanh mình. Vì vậy môi trường xã hội cũng phải là môi trường văn hoá. Ngoài ra môi trường tự nhiên góp phần ảnh hưởng đến sự phát triển ngôn ngữ của trẻ.

Tính tích cực của bản thân trẻ cũng đóng vai trò tích cực đến sự phát triển ngôn ngữ của mình.

- *Mối quan hệ với Tâm lý học:*

Đứng ở góc độ tâm lý học, các nhà ngôn ngữ học nhận thấy rằng: việc tiếp thu ngôn ngữ của trẻ có nhiều điểm khác với việc tiếp thu kiến thức trong các lĩnh vực khác. Ngôn ngữ được hình thành rất sớm. Trẻ em không có ý thức về ngôn ngữ nhưng bằng cách bắt chước có tính chất bản năng, trẻ sẽ học được cách nói từ những người xung quanh. Đó là cách học theo phương pháp tự nhiên. Nhưng đến độ tuổi nhất định, khi tư duy phát triển đến một mức độ cần thiết thì có thể tổ chức dạy nói cho trẻ như các môn học khác, nghĩa là bằng cách lý giải, phân tích, phân loại... Đó là cách học có ý thức. Hai phương pháp này đều có những ưu, nhược điểm riêng có thể bổ sung cho nhau. Người làm công tác nghiên cứu phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ phải biết đặc điểm tâm lý đó của trẻ để tiến hành dạy nói cho trẻ.

Mặt khác, tâm lý học lứa tuổi (tâm lý học trẻ em trước tuổi đi học) còn chia các giai đoạn phát triển ngôn ngữ của trẻ thành nhiều thời kỳ. Điều đó rất quan trọng đối với các nhà nghiên cứu phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Họ có cơ sở để xác định mục đích yêu cầu, nội dung, tìm ra phương pháp và các hình thức tổ chức dạy nói phù hợp với từng độ tuổi.

Rõ ràng sự liên hệ giữa bộ môn Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ với bộ môn tâm lý học làm cho phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ trở thành một khoa học tích cực, có hiệu quả giúp cho các cô giáo có chương trình dạy trẻ sát đối tượng.

d. Mối quan hệ với giáo dục học

Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ là một bộ phận khoa học chuyên nghiên cứu các quy luật hoạt động sư phạm nhằm hình thành và phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Nó là một bộ phận của giáo dục học trước tuổi đi học. Cho nên nó có mối quan hệ mật thiết với giáo dục học. Cũng như các môn học khác, phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ góp phần thực hiện các mục tiêu giáo dục trẻ. Từ mục tiêu đó, phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ xác định mục đích của mình là phát triển ngôn ngữ cho trẻ để giao tiếp.

Mặt khác, muốn dạy nói cho trẻ đạt kết quả tốt, cô giáo phải đảm bảo các nguyên tắc trong giáo dục học: tính khoa học, tính hệ thống, tính trực quan, tính vừa sức tiếp thu và nguyên tắc lý luận kết hợp với thực tiễn.

Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ phải dựa trên giáo dục pháp đại cương để lựa chọn những phương pháp đảm bảo cho sự tích cực của đứa trẻ lựa chọn những điều kiện phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ còn sử dụng những thành tựu mới trong lĩnh vực giáo dục học như: khẳng định việc dạy nói cho trẻ ở mọi lúc mọi nơi.

Như vậy: giáo dục học là cơ sở để xác định nội dung và phương pháp tốt nhất để dạy nói cho trẻ.

e. Mối quan hệ với giải phẫu sinh lý

Mối quan hệ này được coi là cơ sở tự nhiên của phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

Trẻ em sinh ra thừa hưởng cơ chế di truyền những đặc điểm sinh lý theo kiểu người từ thế hệ đi trước. Những đặc điểm sinh lý tham gia vào hoạt động

ngôn ngữ, là điều kiện tiên quyết cho sự lĩnh hội phát triển của trẻ em. Những cơ quan: trung tâm ngôn ngữ trên võ não, cơ quan thính giác, hệ thống cơ quan phát âm (phổi, khí quản, dây thanh, khoang miệng, lưỡi, răng...) hình thành và phát triển chín muồi là tiền đề cho sự phát triển ngôn ngữ sau này.

Học thuyết về hệ thống tín hiệu đã khẳng định: ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu thứ hai, là sự hoạt động đặc biệt của vỏ bán cầu đại não. Học thuyết này đảm bảo phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ lựa chọn đúng các phương pháp trong việc dạy nói cho trẻ, nhấn mạnh tính hiệu quả của những phương pháp tích cực: tích cực nhận thức và thực hành ngôn ngữ.

Chính vì ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu thứ hai, là sự hoạt động đặc biệt của vỏ bán cầu đại não cho nên việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ phải được liên mật thiết với việc phát triển, hoàn thiện bán cầu đại não và hệ thần kinh trung ương nói chung. Các nhà giải phẫu sinh lý đã khẳng định: trong ba năm đầu là kết thúc sự trưởng thành về mặt sinh lý những vùng não chỉ huy ngôn ngữ. Vì vậy cần phải phát triển ngôn ngữ đúng lúc mới đạt kết quả tốt.

Tóm lại: Bộ môn phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ có quan hệ khăng khít với với nhiều ngành khoa học khác. Dựa trên cơ sở của các ngành khoa học khác mà phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ tìm ra những cách làm đúng nhất để dạy nói cho trẻ.

II. Vai trò của ngôn ngữ trong sự phát triển trẻ em

Ngôn ngữ có vai trò rất lớn trong cuộc sống của con người. Nhờ ngôn ngữ mà con người có thể trao đổi với nhau những hiểu biết, truyền cho nhau những kinh nghiệm, tâm sự với nhau những nỗi niềm thầm kín.

Bác Hồ của chúng ta đã dạy: *“Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc chúng ta phải giữ gìn và bảo vệ nó”* (Ngôn ngữ và lý luận văn học - Tài liệu dùng trong trong các trường sư phạm mẫu giáo).

Trong công tác giáo dục trẻ mầm non cho đất nước, chúng ta càng thấy rõ vai trò của ngôn ngữ đối việc giáo dục trẻ thơ. Ngôn ngữ góp phần đào tạo các cháu trở thành những con người phát triển toàn diện.

1. Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp

“Bản chất con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội” (Marx).

“Con người muốn tồn tại thì phải gắn bó với cộng đồng. Giao tiếp là một hoạt động đặc trưng quan trọng của con người. Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất” (Lênin). Nhờ có ngôn ngữ mà con người có thể hiểu được nhau, cùng nhau hành động vì những mục đích chung: lao động, đấu tranh, xây dựng và phát triển xã hội.

Không có ngôn ngữ, không thể giao tiếp được, thậm chí không thể tồn tại được nhất là trẻ em, một sinh thể yếu ớt cần được sự chăm sóc, bảo vệ của người lớn.

Ngôn ngữ chính là một trong những phương tiện thúc đẩy trẻ trở thành một thành viên của xã hội. ở trẻ nhỏ nhu cầu giao tiếp của trẻ rất lớn. Ngôn ngữ là công cụ hữu hiệu để trẻ có thể bày tỏ nguyện vọng của mình từ khi còn rất nhỏ để người lớn có thể chăm sóc, điều khiển và giáo dục trẻ là một điều kiện quan trọng để trẻ tham gia vào mọi hoạt động và trong hoạt động sẽ hình thành nhân cách.

2. Ngôn ngữ là công cụ để phát triển tư duy, nhận thức

Usinxki đã nhận định: *“Tiếng mẹ đẻ là cơ sở của mọi sự phát triển, là vốn quý của mọi tri thức”* (Phát triển ngôn ngữ trẻ em, Nguyên bản tiếng Nga, NXB Matxcova, tr3).

Ngôn ngữ có vai trò rất lớn trong việc giáo dục trí tuệ cho trẻ. Trước hết ngôn ngữ là phương tiện giúp trẻ nhận thức thế giới xung quanh. Bởi vì sự phát triển trí tuệ của trẻ chỉ diễn ra khi các cháu lĩnh hội những tri thức về sự vật hiện tượng xung quanh. Song sự lĩnh hội những tri thức đó lại không thể thực hiện được khi không có ngôn ngữ.

Ví dụ: Khi dạy trẻ từ “*quả cam*” chúng ta có thể cho trẻ quan sát, cho trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm quả cam đó gắn với các từ tương ứng như: quả cam, vỏ cam, múi cam, hạt cam, ăn cam có vị ngọt...

Ngôn ngữ chính là cơ sở của mọi sự suy nghĩ và là công cụ của tư duy. Trẻ em có nhu cầu rất lớn trong việc nhận thức thế giới xung quanh, trong quá trình nhận thức sự vật và hiện tượng, muốn cho các cháu phân biệt được vật này với vật khác, biết được tên gọi, màu sắc, hình dáng, công dụng và những thuộc tính cơ bản của vật, nếu chỉ cho các cháu xem xét mà không dùng từ ngữ để giải thích, hướng dẫn và khẳng định những kết quả đã quan sát được thì những tri thức mà các cháu thu nhận được sẽ rời rạc, nông cạn, có khi còn sai lệch. Trong khi nhận biết các sự vật đó, trẻ phải dùng từ để gọi tên sự vật, tên các chi tiết, đặc điểm, tính chất, công dụng của sự vật. Từ đó trẻ biết phân biệt sự vật này với sự vật khác.

Khi trẻ đã lớn, nhận thức của trẻ phát triển thì trẻ không chỉ nhận biết những sự vật hiện tượng gần gũi xung quanh trẻ mà trẻ không trực tiếp nhìn thấy. Trẻ muốn biết về quá khứ và về tương lai, trẻ muốn biết về công việc của người lớn, của bố mẹ. Để đáp ứng những nhu cầu nhận thức đó của trẻ không có cách nào khác là thông qua lời kể của người lớn, thông qua các tác phẩm văn học có kết hợp với hình ảnh trực quan.

Khi đã có một vốn ngôn ngữ nhất định, trẻ sử dụng ngôn ngữ của mình để như là phương tiện biểu hiện nhận thức của mình. Trẻ có thể dùng lời để diễn đạt những hiểu biết và suy nghĩ, cảm xúc của mình. Trẻ hiểu được lời chỉ dẫn của người lớn, của cô giáo thì các hoạt động trí tuệ, các thao tác tư duy của trẻ được chính xác, kích thích trẻ tích cực hoạt động, kích thích trẻ nói và hiểu biết đó ngày càng nâng lên.

Trẻ còn dùng ngôn ngữ để đặt ra muôn vàn câu hỏi, yêu cầu, nguyện vọng, thể hiện biết bao nguyện vọng, thái độ, tình cảm yêu ghét... Biểu hiện bằng

ngôn ngữ giúp nhận thức của trẻ được củng cố sâu sắc hơn, tạo cho trẻ được sống trong môi trường có các hoạt động giao tiếp, trên cơ sở đó nảy sinh nhiều suy nghĩ sáng tạo mới. Vì vậy trong các trường mầm non, khi cho trẻ tiến hành các hoạt động vui chơi, lao động, học tập... cần tạo điều kiện và kích thích trẻ nói. Một trong những phương pháp để kiểm tra nhận thức của trẻ là phải thông qua ngôn ngữ.

Rõ ràng ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục trí tuệ cho trẻ. Thông qua ngôn ngữ, trẻ có thể nhận thức về thế giới xung quanh một cách sâu rộng, rõ ràng, chính xác. Ngôn ngữ giúp trẻ tích cực sáng tạo trong hoạt động trí tuệ. Vì vậy, việc phát triển trí tuệ cho trẻ không tách rời với việc phát triển ngôn ngữ.

3. Ngôn ngữ là công cụ để giáo dục đạo đức cho trẻ

Phát triển và hoàn thiện nhân cách dần dần nhân cách cho trẻ mầm non không những có ý nghĩa to lớn trong việc phát triển trí tuệ mà còn có tác dụng quan trọng đối với việc giáo dục tình cảm, đạo đức. ở lứa tuổi mầm non, đặc biệt là lứa tuổi mẫu giáo, các cháu đã bắt đầu hiểu biết và lĩnh hội những khái niệm, quy tắc, những chuẩn mực đạo đức của xã hội. Tuy mới chỉ là bước đầu nhưng lại vô cùng quan trọng, có tính chất quyết định đến việc hình thành những nét tính cách riêng biệt của mỗi con người trong tương lai. Muốn cho các cháu hiểu và lĩnh hội những khái niệm đạo đức này, chúng ta không chỉ thông qua những hoạt động, hành vi cụ thể hoặc những sự vật hiện tượng trực quan đơn thuần mà phải có ngôn ngữ. Nhờ có ngôn ngữ mà các cháu có thể thể hiện được đầy đủ những nhu cầu, nguyện vọng và tình cảm của mình. Cũng nhờ có ngôn ngữ mà các nhà giáo dục, các bậc phụ huynh có điều kiện để hiểu con cháu mình hơn. Từ đó uốn nắn, giáo dục và xây dựng cho các cháu những hành vi đạo đức trong sáng và chuẩn mực nhất.

Ví dụ: khi trẻ được nghe kể câu chuyện "Ba cô gái", trẻ sẽ nhận ra rằng: cô út mới thực lòng thương mẹ và cô được sống cuộc đời hạnh phúc. Từ đó, trẻ có suy nghĩ và hành động sao cho tốt hơn.

Như vậy, ngôn ngữ rất quan trọng trong việc giáo dục đạo đức cho trẻ. Ngôn ngữ đã góp phần không nhỏ vào việc trang bị cho trẻ những hiểu biết về những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức, rèn luyện cho trẻ những tình cảm và hành vi đạo đức phù hợp với xã hội mà trẻ đang sống.

4. Ngôn ngữ là công cụ để giáo dục thẩm mỹ cho trẻ

Ngôn ngữ có vai trò quan trọng trong việc giáo dục, tác động có mục đích, có hệ thống nhằm phát triển ở trẻ năng lực cảm thụ cái đẹp và hiểu đúng đắn về cái đẹp trong tự nhiên, trong đời sống xã hội, trong nghệ thuật; giáo dục trẻ lòng yêu cái đẹp và năng lực tạo ra cái đẹp.

Thật vậy, trong đời sống hàng ngày, khi giao tiếp với người lớn, trẻ nhận thức được cái đẹp ở xung quanh từ đó trẻ có thái độ trân trọng cái đẹp và tạo ra cái đẹp.

Đặc biệt khi tiếp xúc với những bộ môn nghệ thuật như: âm nhạc, tạo hình, trẻ có thể cảm nhận được cái đẹp tuyệt vời của cuộc sống xung quanh qua âm thanh, đường nét... Từ đó giúp trẻ nhạy cảm hơn khi đứng trước cái đẹp. Và khi trẻ đã làm quen với các tác phẩm văn học, trẻ có thể tìm thấy ở đó những hình tượng nhân vật điển hình, mỗi nhân vật mang một sắc thái riêng, một vẻ đẹp riêng (những nét đẹp về thể chất, về tinh thần). Từ đó, trẻ tự biết mình phải sống như thế nào.

Ví dụ: Khi được nghe người lớn kể chuyện "Tám Cám", trẻ tìm thấy ở cô Tám những nét đẹp bề ngoài và những nét đẹp trong tâm hồn: hiền lành, đôn hậu, chịu khó... còn ở cô Cám là lười biếng, độc ác, tham lam... Từ đó, trẻ hiểu ra rằng phải sống tốt và sống đẹp như cô Tám.

Chúng ta có thể khẳng định rằng ngôn ngữ đã góp phần không nhỏ vào vào quá trình giáo dục cho trẻ những tình cảm thẩm mỹ cao đẹp.

5. Ngôn ngữ đối với việc giáo dục thể chất cho trẻ

Giáo dục thể lực cho trẻ trong trường mầm non là quá trình tác động chủ yếu vào cơ thể trẻ, tổ chức cho trẻ vận động, rèn luyện cơ thể, giữ gìn vệ sinh, tổ chức chế độ sinh hoạt hợp lý nhằm bảo vệ, làm cho cơ thể trẻ khoẻ mạnh, phát triển hài hoà, cân đối, sức khoẻ tăng cường, đạt đến trạng thái hoàn thiện về mặt thể chất.

Để giáo dục thể lực cho trẻ, các nhà giáo dục đã kết hợp nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó, ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng đáng kể.

Trong chế độ sinh hoạt hàng ngày, cô giáo và người lớn đã dùng ngôn ngữ hướng dẫn trẻ thực hiện tốt các yêu cầu do mình đề ra, góp phần làm cho cơ thể trẻ phát triển. Đặc biệt, trong các giờ thể dục, giáo viên dùng lời, tạo điều kiện giúp trẻ phát triển cân đối. Ngoài chế độ sinh hoạt hàng ngày, trẻ còn phải được ăn ngon, ăn đủ chất thì cơ thể trẻ mới phát triển hoàn thiện. Trong khi trẻ ăn, người lớn cần phải dùng ngôn ngữ động viên, kích thích để trẻ ăn được nhiều và ăn ngon hơn.

Kết luận: Ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng trong quá trình giáo dục trẻ trở thành những con người phát triển toàn diện. Sự phát triển chậm trễ về mặt ngôn ngữ có ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của trẻ. Cho nên, các nhà giáo dục cần phải đề ra nhiệm vụ, nội dung, phương pháp phát triển ngôn ngữ trẻ đúng lúc và phù hợp với lứa tuổi.

III. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học nói của trẻ

Trẻ lớn lên không phải tự nhiên mà nói được, muốn nói được trẻ phải trải qua quá trình rèn luyện lâu dài và phức tạp.

Quá trình lĩnh hội và rèn luyện tiếng nói phụ thuộc vào nhiều yếu tố như sau:

1. Yếu tố sinh lý

- Não: phải phát triển bình thường. Sự sắp xếp các tế bào võ não, sự phân chia các miền chức năng nghe, nói được hoàn thiện cơ bản vào lúc một tuổi rưỡi đến lúc hai tuổi.

- Bộ máy phát âm: muốn nói được con người phải vận dụng cơ bắp của nhiều cơ quan khác nhau.

+ Phổi đóng vai trò quan trọng trong việc phát âm, là kho chứa không khí. Luồng không khí từ phổi đi ra làm rung động dây thanh, cọ xát vào các bộ phận khác để tạo ra việc chú ý đến tư thế của trẻ khi học, khi nói cũng như việc rèn luyện cho trẻ biết cách thở ra hít vào là điều rất cần thiết.

Ví dụ: Để giúp trẻ điều khiển cơ môi và luyện hơi thở có thể sử dụng trò chơi: Thổi bóng hay làm chuồn chuồn bay lâu hơn.

+ Hầu và dây thanh: là chỗ gồ ra ở cổ có bốn miệng sụn chính tạo thành một hộp có dây thanh. Dây thanh có hai màng mỏng có thể mở ra khép vào, lúc căng lúc chùng khi nói. Dây thanh dài khoảng 20mm và dày lên theo lứa tuổi.

+ Khoang miệng và khoang mũi: có vai trò như hộp cộng hưởng biến đổi âm thanh do dây thanh phát ra. Âm thanh phát ra từ dây thanh được uốn nắn qua miệng và hốc mũi trở nên đa dạng, dễ nghe. Muốn nói được con người không chỉ có bộ máy phát âm bình thường mà bộ máy này cần phải được rèn luyện đúng lúc, đúng mức. Cần phải tìm mọi cách tác động đến thời kỳ phát triển ngôn ngữ quan trọng này (từ sơ sinh đến 7 tuổi), thời kỳ mà bắt đầu sử dụng cơ chế vận động ngôn ngữ và những khuyết tật của người lớn đều do sự phát triển không đầy đủ của cơ chế vận động từ khi còn rất bé.

Ví dụ: Để luyện cơ quan phát âm cho trẻ có thể sử dụng các bài tập luyện cơ môi, cơ hàm, hàm dưới sau đây: Đánh răng (luyện cơ lưỡi); Trón tìm lưỡi: (luyện cơ lưỡi, hàm dưới); Thi cười (luyện cơ môi).

- Tai nghe: muốn học nói được thì trước tiên trẻ phải xem người lớn nói như thế nào mới bắt chước được. Trẻ bị điếc không thể học nói được. Muốn nói được đòi hỏi cơ quan thính giác của trẻ phát triển bình thường để thu nhận và phân biệt âm thanh ngôn ngữ một cách chính xác tinh tế. ở trường mầm non cần chú ý vấn đề rèn luyện thính giác cho trẻ.

Ví dụ: có thể sử dụng các trò chơi luyện thính giác: Tiếng kêu ở đâu hay Nghe thấy tiếng gì?

2. Yếu tố tâm lý

Yếu tố thứ hai ảnh hưởng đến quá trình học nói của trẻ là yếu tố tâm lý. Sự phát triển các chức năng ngôn ngữ ở trẻ có mối quan hệ tương hỗ qua lại với sự phát triển của tư duy. Việc tiếp thu ngôn ngữ còn phụ thuộc vào khả năng tri giác, sự tinh tế nhạy bén, khối lượng cũng như thời gian chú ý, khả năng ghi nhớ, óc sáng tạo, ý chí, tình cảm và tính cách của trẻ cũng ảnh hưởng đến quá trình học nói.

Hiện tượng trẻ chậm nói so với mức bình thường thường thấy ở trẻ quá rụt rè, nhút nhát, trầm lắng, ít chan hoà với tập thể hoặc thường thấy ở trẻ bị chấn động tâm lý nặng dẫn đến việc trẻ bị nói lắp, nói ngọng hoặc thậm chí không nói được.

3. Yếu tố xã hội

Đây là yếu tố quan trọng hàng đầu, có ảnh hưởng quyết định đến việc rèn luyện và phát triển tiếng nói của trẻ. Muốn nói được, trẻ phải sống trong xã hội loài người. ở đây cũng cần nhắc đến trường hợp xảy ra từ xa xưa: vua Phidric Hôlengtaophen đệ nhị đã quyết định tìm hiểu xem con người sẽ phát triển như thế nào, sẽ nói tiếng gì nếu không dạy nói. Ông đã tách một số trẻ nhỏ từ khi chưa biết nói ra khỏi xã hội loài người và cấm không cho ai được nói chuyện và tiếp xúc với chúng, kể cả những người có nhiệm vụ chăm sóc những trẻ đó. Kết quả là những đứa trẻ đáng thương này không biết nói gì và chết rất sớm.

Hay một ví dụ khác: đó là hai cô gái Ấn Độ được tìm thấy năm 1921 trong một vùng ít người ở phía đông Ấn Độ. Họ sống chung với bầy sói trong hang, không nói được và biết hú như tiếng sói.

Như vậy, xã hội loài người là nguồn phát ra hệ thống tín hiệu thứ hai tác động lên cơ quan thần kinh, kích thích bộ máy phát âm hoạt động. Trẻ học nói trong môi trường giao tiếp tự nhiên và thường xuyên quan hệ với thế giới xung quanh, các quá trình tiếp xúc này có thể kìm hãm hoặc tạo điều kiện cho việc học nói của trẻ.

Dưới tác động của yếu tố tâm lý, sinh lý và xã hội, kỹ năng ngôn ngữ của trẻ dần dần được hình thành trong quá trình rèn luyện lâu dài.

IV. Các giai đoạn phát triển ngôn ngữ của trẻ em

Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ em được các nhà tâm lý - ngôn ngữ học nhìn nhận ở những góc độ khác nhau. L.S Vurgôtxky xuất phát từ mục đích mà nhìn nhận: *“Bản chất sự phát triển ngôn ngữ nhằm mục đích giao tiếp và nhận thức và tất nhiên sự phát triển ngôn ngữ của trẻ không chỉ thuần túy dựa trên sự phát triển khả năng nhận thức của trẻ”*. Nhấn mạnh vai trò giao tiếp của ngôn ngữ, A. A Lêonchiep lại cho rằng: *“Sự phát triển lời nói của trẻ em trước hết là sự phát triển của phương thức giao tiếp”*. Nguyễn Huy Cận và K.Hai-nơ Dịch đều thống nhất với nhau rằng khi cho rằng: sự phát triển ngôn ngữ của trẻ trải qua các giai đoạn từ thấp đến cao, phù hợp với các giai đoạn nhất định của lứa tuổi; có thể tìm thấy nguồn gốc của sự phát triển ngôn ngữ ở các giai đoạn trước. Như vậy, có thể nhận thấy rằng, sự phát triển ngôn ngữ của trẻ là một quá trình từ thấp đến cao với các giai đoạn mang những đặc trưng khác nhau tùy thuộc vào độ tuổi của nhà trẻ; ở mỗi giai đoạn có sự kế thừa và phát triển những thành tựu của các giai đoạn trước.

Các nhà ngôn ngữ học thống nhất với nhau chia sự phát triển ngôn ngữ của trẻ em thành hai giai đoạn: giai đoạn tiền ngôn ngữ và giai đoạn ngôn ngữ chính thức.

1. Giai đoạn tiền ngôn ngữ

Đây là thời kì đầu tiên trong quá trình học nói của trẻ. Giai đoạn này kéo dài khoảng 12 tháng tuổi. Các nhà tâm lý học cho rằng thời kỳ tiền ngôn ngữ này là chung cho tất cả các ngôn ngữ và thời kỳ bập bẹ của trẻ em toàn thế giới đều như nhau. Điều này chứng tỏ chúng ta sinh ra đã có sẵn bản năng giao tiếp. Giai đoạn này giao lưu xúc cảm chiếm vai trò chủ đạo.

Giai đoạn này chỉ xuất hiện một số dấu hiệu báo trước của các chức năng ngôn ngữ sắp hình thành. ở giai đoạn trẻ bắt đầu tập sử dụng cơ quan phát âm, hình thành phản xạ vận động có điều kiện.

Từ tháng thứ hai ở trẻ xuất hiện những tiếng động, tiếng huýt không rõ nét. Đến tháng thứ ba trẻ bắt đầu bập bẹ gừ gừ như chim. Đặc biệt khi người lớn nói chuyện với trẻ ở xuất hiện cảm xúc tổng hợp tích cực.

Đến tháng thứ năm, thứ sáu trẻ có khả năng phân biệt từ, âm tiết được nhấn mạnh trong lời nói: *ba, mẹ, măm...* Trẻ có thể thực hiện một số mệnh lệnh hoặc yêu cầu của người lớn. Nhưng điều đó không có nghĩa lúc trẻ đã lĩnh hội được nghĩa của từ. Đây chỉ là sự hình thành phản xạ có điều kiện, gắn liền với hoàn cảnh, với hình thức âm thanh, ngữ điệu lời nói, và cử chỉ của người lớn khi nói.

Cuối năm thứ nhất, đầu năm thứ hai ở trẻ xuất hiện ngôn ngữ hoàn cảnh, từ đó trẻ dùng mang nhiều nghĩa, tùy lúc, tùy nơi... Muốn hiểu được người lớn phải dựa vào hoàn cảnh của trẻ khi nói.

Sau giai đoạn này, các chức năng ngôn ngữ của trẻ được hình thành không phải thông qua mối quan hệ trực tiếp với hệ thống tín hiệu thứ hai nữa.

2. Giai đoạn ngôn ngữ chính thức

Bắt đầu từ tháng 12 trở đi ở trẻ xuất hiện những âm bập bẹ có nghĩa đầu tiên và ngay lập tức trẻ huy động chúng vào giao tiếp với những người xung quanh. Các âm bập bẹ nhanh chóng mất đi, nhường chỗ cho các từ tham gia vào việc cấu tạo câu để giao tiếp. Những từ đầu tiên xuất hiện, các kiểu câu có cấu tạo đơn giản gồm 2- 3 từ xuất hiện khiến khả năng giao tiếp của trẻ càng tăng lên. Trẻ tích cực tham gia vào giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp. Nhu cầu giao tiếp càng tăng lên thúc đẩy hoạt động giao tiếp ngôn ngữ. Kết quả là các kỹ năng giao tiếp được hình thành.

Đến 7 tuổi quá trình hình thành các chức năng ngôn ngữ của trẻ kết thúc về cơ bản.

V. Các lý thuyết về sự phát triển ngôn ngữ của trẻ em

Ngôn ngữ - thành tựu lớn nhất của con người phát triển với tốc độ cực lớn trong những năm đầu của cuộc đời. Một tuổi, Nam đã biết sử dụng từ đơn để gọi tên vật thể quen thuộc và thể hiện suy nghĩ của mình. Ba tuổi Lan biết sử dụng một số cách thức giao tiếp đơn giản. Trẻ đã biết liên kết các từ thành câu chưa từng nghe trước đó. Bốn tuổi, Huy đã biết nói câu dài và câu có cấu trúc tương đối phức tạp. Khi nói chuyện về chủ đề nào đó, bé đã tỏ ra có khả năng giao tiếp.

Sự phát triển ngôn ngữ nhanh chóng của trẻ đã và đang đặt ra những vấn đề cho các nhà nghiên cứu khoa học.

Chẳng hạn:

- Vốn từ to lớn và hệ thống ngữ pháp phức tạp được trẻ làm quen như thế nào?

- Ngôn ngữ là một năng lực tách biệt hay là đơn giản chỉ là một thành tố của năng lực tư duy nói chung.

- Nếu không được giao tiếp trong môi trường ngôn ngữ, trẻ em có thể tự sáng tạo ra ngôn ngữ được không?

- Tất cả trẻ em đều lĩnh hội ngôn ngữ theo cách thức chung hay còn có sự khác biệt về văn hoá và cá nhân?

Trong suốt nửa thiên niên kỷ này, những nghiên cứu về sự phát triển trẻ em chủ yếu mang tính mô tả - nhằm xây dựng những chuẩn mực về các giai đoạn phát triển ngôn ngữ. Những nghiên cứu đầu tiên đã vạch ra được các mốc quan trọng trong sự phát triển ngôn ngữ của trẻ trên toàn cầu: 6 tháng tuổi bập bẹ, một tuổi nói từ đầu tiên, liên kết các từ vào cuối tuổi thứ hai, lĩnh hội vốn từ tương đối lớn và cấu trúc ngữ pháp vào khoảng 4-5 tuổi. Trình tự của các thành tựu này cho thấy quá trình này được quy định bởi sự trưởng thành và chín muồi của đứa trẻ tuân theo quy luật khách quan. Cùng lúc đó, ngôn ngữ có vẻ là hiện tượng như do học tập mà có.

Tất cả những nghịch lý trên đã sinh ra và được phản ánh trong hai học thuyết trái ngược nhau về sự phát triển ngôn ngữ ở trẻ em.

1. Lý thuyết “ Hành vi chủ nghĩa” của B. F Skinner

Trong tác phẩm “*Hành vi bằng lời*” xuất bản năm 1957, B. F SKinner kết luận rằng: “*ngôn ngữ giống như bất kỳ một hành vi âm thanh nào đó, cha mẹ nhận những âm giống từ, kích lệ các âm thanh bằng cử chỉ âu yếm, nụ cười và nhắc lại các từ này cho trẻ nghe*”. Ví dụ: Lan 12 tháng phát ra các âm *ba- ba- ba- bà- bà...* Bố mẹ nghe và nhắc lại các âm này và dạy cháu gọi bà bằng “*bà*”. Như vậy cháu có vốn từ này rất sớm. “*Bắt chước*” cùng với kết hợp hành vi được dùng để giải thích nguyên nhân trẻ nắm bắt từ ngữ một cách nhanh chóng, thậm chí cả cấu trúc ngữ pháp phức tạp. Bắt chước cùng bắt buộc và động viên kích lệ khi trẻ nói đúng sẽ giúp trẻ lĩnh hội ngôn ngữ nhanh chóng hơn.

Tuy nhiên, hiện nay các nhà nghiên cứu ít có xu hướng theo quan điểm chủ nghĩa hành vi trong nghiên cứu trẻ em. Một mặt, nếu trẻ có được sự dạy dỗ tích cực ở phía người lớn thì đến 6 tuổi trẻ sẽ có vốn từ không lồ. Mặt khác, người ta cũng có thể quan sát thấy trẻ em sáng tạo ra những dạng ngôn ngữ mà trẻ chưa hề

học được từ phía người lớn. Như vậy, có thể giả định rằng trẻ em đã tự phát triển ngôn ngữ của mình và tự xây dựng, tìm hiểu các quy luật về ngữ pháp.

Tuy vậy tư tưởng của Skinner và các hành vi chủ nghĩa khác không thể phủ nhận hoàn toàn. Trong thực tế chúng ta thấy vai trò của cha mẹ và những nhà giáo dục là rất to lớn trong sự phát triển ngôn ngữ trẻ em. Những nguyên tắc của hành vi chủ nghĩa có vai trò lớn trong giáo dục khuyết tật về ngôn ngữ giúp trẻ vượt qua những trì trệ về ngôn ngữ (Rat-net, 1993).

2. Lý thuyết “ Tự nhiên chủ nghĩa” của Noam Chomsky

Nhà ngôn ngữ học Noam Chomsky (1957) trong tác phẩm: “*Cấu trúc ngữ nghĩa*” đã phân tích có phê phán lý thuyết của Skinner, lần đầu tiên thu phục thế giới rằng: *trẻ em đóng vai trò chính, là nhân tố chính trong sự phát triển ngôn ngữ của mình*. Ngược lại hoàn toàn với chủ nghĩa hành vi, Chomsky lập luận rằng những cấu trúc bên trong là năng lực hiểu và sản sinh ngôn ngữ. Ông coi ngôn ngữ là hiện tượng có cơ sở sinh học, là thành tựu của con người. Lý thuyết của ông là lý thuyết theo khuynh hướng tự nhiên.

Nghiên cứu những thành tích về ngữ pháp của trẻ em, Chomsky cho rằng: những nguyên tắc để xây dựng câu là quá phức tạp để dạy trẻ cũng như rất khó khăn cho việc lĩnh hội đối với trẻ nhỏ tuổi. Nhưng con người sinh ra cùng với cơ quan lĩnh hội ngôn ngữ - mô hình cấu trúc bẩm sinh có cơ sở khoa học giúp cho việc lĩnh hội ngôn ngữ, chỉ cần có thêm tác động của môi trường bên ngoài. Thực tế có hai nhóm tiếp cận:

Nhóm một tiếp cận đã coi trọng vai trò của cảm giác và đưa ra một vài quy trình để phân tích kích thích như điểm khởi đầu của sự phát triển. Quan điểm này bên vực lý luận của Piaget cho rằng: những mối tác động qua lại phong phú giữa đứa trẻ và môi trường chính là động lực đầu tiên thúc đẩy cho sự phát triển nhận thức. Quan điểm này có tính hành vi chủ nghĩa và tính lĩnh vực chung.

Nhóm hai, ngược lại, là quan điểm tự nhiên chủ nghĩa và tính linh vực đặc trung. Theo quan điểm này cơ quan lĩnh hội ngôn ngữ cho phép trẻ lĩnh hội ngôn ngữ vốn từ đầy đủ, tổ hợp từ thành những câu đúng khi phát âm và hiểu nghĩa câu nghe được. Vậy làm thế nào để một cơ quan lĩnh hội ngôn ngữ có thể đảm bảo cho trẻ lĩnh hội được các ngôn ngữ đa dạng trên thế giới. Theo Chomsky (1976) trong cơ quan lĩnh hội ngôn ngữ có vùng ngữ pháp toàn cầu- kho chứa tất cả các nguyên tắc của tất cả ngôn ngữ trên thế giới. Trẻ em sẽ sử dụng những kiến thức này để giải mã các phạm trù ngôn ngữ và mọi quan hệ trong bất kỳ quan hệ nào mà trẻ em được tiếp xúc. Khi đưa ra hệ thống ngữ pháp toàn cầu, Chomsky đã nhấn mạnh đặc điểm chung của các loại ngôn ngữ trên thế giới. Thêm vào đó, cơ quan lĩnh hội ngôn ngữ (LDA) đặc biệt dành cho chức năng lĩnh hội ngôn ngữ, những chức năng tư duy cấp cao không cần thiết để tiếp thu tất cả các cấu trúc ngôn ngữ. Thay vào đó trẻ em làm điều này một cách tự phát.

Vì vậy, đối nghịch với quan điểm hành vi chủ nghĩa, quan điểm tự nhiên chủ nghĩa coi việc dạy có chủ định của cha mẹ là không cần thiết cho sự phát triển ngôn ngữ. Thay vào đó, mặc dầu có tính di truyền phức tạp (LAD) đảm bảo rằng ngôn ngữ được lĩnh hội ngay từ giai đoạn đầu (Pinker, 1994).

Những bằng chứng ủng hộ quan điểm tự nhiên chủ nghĩa:

Nhiều nghiên cứu cho rằng: trẻ em có khả năng to lớn để sáng tạo ra hệ thống ngôn ngữ mới. Cung cấp chứng cứ để ủng hộ quan điểm này có ba chứng cứ:

- Dạy loài vật hệ thống ngôn ngữ
- Định vị các chức năng ngôn ngữ trên bán cầu đại não của con người.
- Tìm xem có thực sự tồn tại một giai đoạn nhạy cảm đến sự phát triển ngôn ngữ hay không?

Sau đây chúng ta sẽ lần lượt xem xét từng vấn đề:

+ Một con vượn có thể học ngôn ngữ được không? Có phải năng lực ngôn ngữ chỉ có ở con người? Để giải quyết vấn đề người ta đã cố gắng nhiều lần dạy vượn người - một chủng loại gần nhất trong bậc thang tiến hoá - học ngôn ngữ. Vượn người có một vài năng lực giao tiếp bằng ký hiệu. Ví dụ: các vượn người sử dụng một vài ký hiệu có chủ định như vẫy tay để yêu cầu đưa thức ăn từ vượn mẹ, giống như trẻ em thường làm khi chưa biết nói. Tuy nhiên khả năng lĩnh hội ngôn ngữ của trẻ còn rất hạn chế. Sau một thời gian dài (có thể nhiều tháng hay nhiều năm) dạy nói cho vượn người vốn từ cơ bản chỉ tương đương với trẻ 3- 4 tuổi. Và không có chứng cứ nào để kết luận chúng có thể lĩnh hội hệ thống ngữ pháp phức tạp.

+ Vùng ngữ pháp trên não bộ

Con người có vùng chuyên biệt trên não bộ giúp lĩnh hội các kỹ năng ngôn ngữ. Nói chung vùng ngữ pháp cư trú trên bán cầu trái của não. ở đó có hai cấu trúc đặc trưng. Vùng Broca nằm ở thùy trước, điều khiển sự sản sinh ngôn ngữ. Tổn thương ở vùng này dẫn đến sự rối loạn trong giao tiếp, con người mặc dù có thể hiểu ngôn ngữ nhưng nói chậm, không có ngữ pháp, không biểu cảm. Ngược lại, vùng Wenicker ở thùy dương trái chịu trách nhiệm thông hiểu ngôn ngữ. Khi vùng này bị tổn thương, ngôn ngữ vẫn có nhưng chứa đựng nhiều từ không có nghĩa, năng lực lĩnh hội ngôn ngữ của con người cũng bị tổn thương.

Thêm vào đó các nhà nghiên cứu còn cho rằng khi trẻ em lĩnh hội một ngôn ngữ nào đó não bộ trở nên chuyên môn hoá hơn.

- Có tồn tại một giai đoạn nhạy cảm đến sự phát triển ngôn ngữ hay không?

Erick Lenberg (1967) đầu tiên đưa ra giả thuyết rằng trẻ em phải lĩnh hội ngôn ngữ trong suốt giai đoạn chuyên biệt hoá chức năng của não bộ và nó kéo dài suốt lứa tuổi trưởng thành.

Nếu quan điểm này đúng đắn, nó sẽ cung cấp chứng cứ cho lý thuyết của chủ nghĩa tự nhiên cho rằng: sự phát triển ngôn ngữ có đặc thù sinh học duy nhất. Bằng chứng là họ xem xét các trường hợp trẻ em bị bỏ rơi và ít được giao tiếp với người khác trong suốt thời kỳ ấu thơ. Nghiên cứu gần đây nhất là một em Genie – một em bé bị bỏ rơi một mình trong phòng học phía sau nhà khi em mới 20 tháng tuổi mà không ai biết đến tận 13 tuổi. Không ai được nói với em và em bị đánh mỗi khi làm ồn. Qua một vài năm được các nhà giáo dục chăm sóc hết lòng, ngôn ngữ của Genie được phát triển nhưng không đạt được kết quả như các em bé bình thường khác. Mặc dù em lĩnh hội vốn từ to lớn và em có thể hiểu tốt trong giao tiếp bình thường nhưng năng lực về ngữ pháp của em bị hạn chế (giống như vùng ngôn ngữ ở não bộ bị tổn thương). Trường hợp trên phù hợp với giả thuyết của Erick Lenberg cho rằng ngôn ngữ phát triển có hiệu quả nhất trong quá trình chuyên biệt hoá chức năng của não bộ.

Những ưu điểm- hạn chế của quan điểm Tự nhiên chủ nghĩa:

Lý thuyết của Noam Chomsky có ảnh hưởng lớn đến các quan điểm hiện thực về sự phát triển ngôn ngữ. Hiện nay người ta chấp nhận rộng rãi rằng yếu tố tiên quyết sinh học duy nhất ở con người có vai trò to lớn trong việc học ngôn ngữ. Nhưng quan điểm của Chomsky về sự phát triển ngôn ngữ vẫn đứng trước một số thách thức :

Đầu tiên, sự so sánh giữa các ngôn ngữ khác nhau đã bộc lộ các hệ thống ngữ pháp hoàn toàn khác nhau. Chomsky và một số nhà nghiên cứu khác đã cố gắng tìm ra một hệ thống ngữ pháp toàn cầu, một tập hợp duy nhất cho tất cả các ngôn ngữ trên thế giới đã không có kết quả. Người ta phê phán Chomsky về ý tưởng ngữ pháp toàn cầu, cái mà ông cho rằng là có cơ sở nhằm tìm ra các quy luật ngữ pháp chung trong lý thuyết của ông.

Thứ hai, giả định của Chomsky rằng kiến thức về mặt ngữ pháp được quy định từ lúc mới sinh ra không phù hợp với những quan sát về phát triển của ngôn

ngữ. Mặc dù đã đạt được những bước đặc biệt trong thời kỳ trước tuổi học, song sự làm quen với nhiều kiểu loại câu khác nhau không xảy ra lập tức mà từ từ và tăng dần.

3. Lý thuyết về sự phát triển ngôn ngữ và nhận thức

a. Lý thuyết của Piaget

Piaget và Vygotsky nghiên cứu vấn đề nóng hổi trong tâm lý học: *vai trò của ngôn ngữ trong sự phát triển trí tuệ* (cả hai nhà tâm lý học đều cùng sinh một năm 1896, mặc dù sống và làm việc ở hai nơi cách biệt, Piaget ở Thụy Sĩ và Vygotsky ở Nga).

Vấn đề hai ông đặt ra là: *có phải trẻ em hình thành các suy nghĩ trước rồi sau đó dịch chúng sang từ ngữ, hay năng lực về ngôn ngữ mở ra một cánh cửa phát triển trí tuệ, giúp trẻ tư duy theo cách thức cao hơn.*

Trong tác phẩm “*Ngôn ngữ và tư duy của trẻ*”, Piaget cho rằng: *Ngôn ngữ là tương đối không quan trọng trong sự phát triển tư duy.* Thay vào đó, ông còn cho rằng *những tiến bộ về mặt tư duy xảy ra khi trẻ hành động trực tiếp với các vật thể vật chất, phát hiện ra những thiếu sót trong cách thức tư duy hiện có và luyện tập nó để sáng tạo ra phương thức tư duy phù hợp với hiện thực bên ngoài.*

Sau đó một vài năm, nhà tâm lý học trẻ tuổi Vygotsky (1934/1986) xem xét lại kết luận trên. Trong “*Tư duy và ngôn ngữ của trẻ em*” ông lập luận rằng: *hoạt động tinh thần của con người là kết quả của hoạt động có tính chất xã hội chứ không phải là hoạt động học tập một cách cá thể.* Ngôn ngữ là phương thức đầu tiên mà qua đó con người trao đổi những giá trị xã hội. *Vygotsky coi ngôn ngữ là vô cùng quan trọng trong sự phát triển tư duy và ông cũng coi sự làm quen với ngôn ngữ là thành tựu lớn nhất trong sự phát triển trẻ em.*

Vào khoảng hai tuổi đầu tuổi thứ ba, trẻ em có những bước tiến nhảy vọt về ngôn ngữ. Piaget công nhận rằng: *ngôn ngữ là phương thức linh hoạt nhất thể hiện tinh thần của con người.* Nếu tách tư duy ra khỏi hành vi làm cho nhận thức

của con người có hiệu quả hơn rất nhiều so với trước đó giai đoạn - trực quan hành động. Khi chúng ta tư duy về từ chúng ta sẽ vượt qua giới hạn về thời gian và không gian cụ thể. Chúng ta có thể liên hệ với quá khứ, hiện tại, tương lai cùng một lúc, sáng tạo ra biểu tượng về hiện thực khách quan càng lớn hơn, liên quan chặt chẽ với nhau hơn.

Mặc dù nhìn thấy sức mạnh của ngôn ngữ, song Piaget không công nhận ngôn ngữ có vai trò trong những hình thức cao hơn tư duy. Thay vào đó ông coi hoạt động trực quan sẽ dẫn đến biểu tượng bên trong của kinh nghiệm mà sau này trẻ gọi là từ. Ví dụ: những từ đầu tiên trẻ thường gọi là những từ chỉ hành động và sự vật quen thuộc.

Tuy nhiên lý thuyết của Piaget không nói lên một cách chính xác mô hình trực quan hành động đã chuyển hoá thành biểu tượng đó như thế nào và sau đó thành các phạm trù, được biểu hiện trong vỏ bọc từ ngữ như thế nào. Như vậy Piaget không đánh giá hết vai trò của ngôn ngữ trong sự phát triển của tư duy.

** Piaget và giáo dục:*

Lý thuyết có ảnh hưởng vô cùng quan trọng trong giáo dục, đặc biệt đối với giáo dục mầm non và tiểu học. Ba nguyên tắc giáo dục của Piaget là nền tảng của một loạt các chương trình giáo dục theo quan điểm của Piaget hơn ba mươi năm qua.

+ Chú trọng đến học tập tìm tòi: trong các lớp học theo trường phái Piaget thì trẻ em được động viên tìm tòi phát kiến qua các môi tác động qua lại một cách ngẫu nhiên. Thay vào việc cung cấp cho trẻ em kiến thức sẵn có bằng lời, giáo viên đưa ra một loạt các hành động thiết kế nhằm kích thích sự khám phá và phát hiện, tìm tòi và cho phép trẻ tự do lựa chọn các hoạt động này.

+ Nhận thức rõ ràng sự hoạt động của trẻ em

Piaget tin rằng kinh nghiệm học tập phù hợp xây dựng trên mức độ phát triển hiện tại của tư duy. Giáo viên quan sát và lắng nghe học sinh của mình, giới

thiếu những kinh nghiệm cho phép trẻ thực hiện những mô hình mới, sửa đổi cách thức nhìn nhận thế giới còn sai lệch. Nhưng những kỹ năng mới không thể áp đặt trước khi trẻ chưa hoàn toàn thích thú, sẵn sàng. Bởi điều này sẽ dẫn đến ghi nhớ máy móc những công thức mà không có sự thấu hiểu đích thực (Jondson and Hooper, 1982).

+ Công nhận sự khác biệt cá thể: Lý thuyết của Piaget cho rằng tất cả trẻ em đều trải qua sự tự phát triển như nhau, nhưng mỗi trẻ phát triển với một tốc độ khác nhau. Vì thế giáo viên phải nỗ lực tổ chức các hoạt động cho cá nhân trẻ hoặc một nhóm trẻ chứ không phải cả lớp. Sau đó giáo viên đánh giá sự tiến bộ của trẻ bằng cách so sánh từng nhóm trẻ với nhau ở cùng một độ tuổi hay thành tích trung bình của nhóm trẻ cùng độ tuổi.

Nhưng những ứng dụng của lý thuyết Piaget cũng bị phê phán. Đặc biệt phê phán nhiều về việc ông quá chú trọng đến hành vi như một cách thức học tập mà dẫn đến việc coi thường giao tiếp bằng lời. Tuy nhiên ảnh hưởng của Piaget đến giáo dục là rất lớn. Ông đã cung cấp cho giáo viên cách thức mới để quan sát, nhận định và tăng cường cho sự phát triển của trẻ em. Ông còn trang bị những cơ sở lý luận cho cách thức tiếp cận theo hướng lấy trẻ em làm trung tâm trong hoạt động học tập và giảng dạy.

b. Lý thuyết xã hội hoá của Vygotsky

Vygotsky tin rằng (Piaget cũng vậy) trẻ em là những chủ thể tìm tòi tri thức tích cực, nhưng ông không coi đứa trẻ là những cá thể tách biệt. Trong lý thuyết của ông, trẻ em và môi trường xã hội hợp tác với nhau để định hướng nhận thức theo cách thức xã hội quen thuộc. Ông cho rằng: sự nhận thức của con người vừa có tính ngôn ngữ, lại vừa có cơ sở là ngôn ngữ.

Nhưng Piaget cho rằng: ở trẻ có loại ngôn ngữ tự ngã trung tâm. *Ngôn ngữ tự ngã trung tâm của trẻ là loại ngôn ngữ trẻ tự nói với chính mình, không hề quan tâm đến đối tượng giao tiếp, nó xuất hiện ở những đứa trẻ chưa được xã hội*

hoá một cách đầy đủ và nó cũng không có một chức năng thực tế nào trong hoạt động giao tiếp của trẻ. Hay nói cách khác, đây là loại ngôn ngữ có tính duy kỷ (chỉ nói với chính mình, không đặt mình vào quan hệ đối thoại).

Vygotsky phản đối mạnh mẽ kết luận của Piaget. Ông lập luận rằng, *trẻ em tự nói với chính mình là để tự điều khiển và điều chỉnh hành vi.* Do vậy ngôn ngữ giúp trẻ tư duy về hành vi của mình và lựa chọn các hành động phù hợp. Vygotsky đánh giá ngôn ngữ như nền tảng cho tất cả các quá trình tư duy bậc cao, như điều khiển chú ý, ghi nhớ có chủ định và nhớ lại...

Tóm lại, hai mươi năm qua các nhà nghiên cứu đã tiến hành đánh giá hai quan điểm trên, xem quan điểm nào là đúng đắn. Kết quả là loại ngôn ngữ tự ngã nói với chính mình không được gọi là ngôn ngữ tự ngã trung tâm nữa mà được gọi là ngôn ngữ cá nhân.

Và nếu như ngôn ngữ cá nhân thúc đẩy cơ bản sự phát triển nhận thức, vậy nó xuất hiện từ đâu? Câu trả lời của Vygotsky nhấn mạnh bản chất xã hội của nhận thức. Đó là sự khác biệt cơ bản giữa Vygotsky và Piaget .

Vygotsky coi rằng tất cả các quá trình nhận thức bậc cao đều là kết quả của các sự tương tác xã hội. Lý thuyết này đề cập đến một loạt bài tập mà trẻ không tự giải quyết nhưng có thể thực hiện được với sự giúp đỡ của người lớn hay của bạn bè có kỹ năng cao hơn. Khi chúng tham gia vào các hoạt động và đối thoại với những người có kỹ năng cao hơn. Chúng sẽ học tập ngôn ngữ của các đối thoại này, biến chúng thành một phần của ngôn ngữ cá nhân của trẻ và sử dụng ngôn ngữ này để tổ chức nỗ lực cá nhân theo cách thức tương tự.

Thứ hai là “*đặc điểm hướng dẫn thích ứng*”. Đó là sự thay đổi của những ủng hộ xã hội trong quá trình giảng dạy. Người lớn thay đổi sự giúp đỡ của mình để phù hợp với mức độ phát triển tư duy hiện có của trẻ bằng cách sử dụng các chỉ dẫn, giảng giải trực tiếp ... dần dần khả năng của trẻ được nâng cao, hướng dẫn thích ứng này sẽ giảm đi cùng với sự phát triển khả năng thành công của trẻ.

** Vygotsky với giáo dục:*

Lý thuyết của Vygotsky đã đưa đến một tầm nhìn mới trong dạy và học - nhấn mạnh tầm quan trọng của các ngữ cảnh xã hội và việc cùng hợp tác trong hành động. Hiện nay các nhà giáo dục áp dụng rộng rãi tư tưởng của Vygotsky để thúc đẩy sự phát triển trí tuệ của trẻ em.

Trường phái giáo dục của hai ông giống nhau: coi trọng sự tham gia tích cực và sự khác biệt cá thể.

Nhưng Vygotsky khác Piaget ở điểm khi cho rằng giáo dục không chỉ hoàn thiện những cái đã hình thành. Thay vào đó, giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển khi trẻ tiếp thu những chỉ dẫn từ phía người lớn, những người có kinh nghiệm.

Trong lứa tuổi mầm non, Vygotsky chỉ dẫn cần phải tạo ra nhiều cơ hội hoạt động để phát triển tác động qua lại giữa trẻ với trẻ, giữa trẻ với người lớn. Thêm vào đó, phải dành nhiều thời gian cho các trò chơi tưởng tượng. Theo Vygotsky giáo viên phải biến ngôi trường thành môi trường văn hoá cao. Khi trẻ nói với nhau về các nội dung về đọc, viết, toán... chúng sẽ phản ánh những điều này trong các quá trình tư duy. Làm như vậy trẻ sẽ phát triển năng lực điều khiển hệ thống tín hiệu của nền văn hoá nơi trẻ sống, như vậy trẻ tiến tới mức độ phát triển tư duy cao hơn (Vygotsky, 1934/1986).

VI. Các chức năng ngôn ngữ của trẻ

Tiếng nói của trẻ thực hiện các chức năng liên hệ trẻ với thế giới xung quanh: chức năng giao tiếp, chức năng nhận thức và chức năng điều khiển.

1. Chức năng giao tiếp: đây là chức năng xuất hiện sớm nhất, từ vào khoảng thứ 9 đến tháng thứ 12.

Nhu cầu giao tiếp với những người xung quanh đã kích thích và thúc đẩy trẻ hoàn thiện tiếng nói trong tương lai, trẻ có thể dùng lời của mình để thực hiện

các mong muốn, yêu cầu và nhận thức của mình. Trẻ có thể hiểu khi người lớn nói chuyện với trẻ.

Sau ba tuổi, trẻ bắt đầu lĩnh hội ngôn ngữ bên trong. Từ lúc này tiếng nói đối với trẻ không chỉ là phương tiện giao tiếp nữa, nó còn thực hiện các chức năng khác.

2. Chức năng nhận thức

Khi lĩnh hội các từ mới, các cấu trúc ngữ pháp mới, trẻ mở rộng các biểu tượng của mình về thế giới xung quanh, về sự vật hiện tượng cùng với các mối quan hệ của chúng.

Ngược lại khi nhận biết các tên gọi, đặc điểm, thuộc tính các sự vật, hiện tượng xung quanh trẻ dùng ngôn ngữ của mình để chỉ rõ những đặc điểm đó làm cho nhận thức của trẻ rõ ràng, chính xác hơn.

3. Chức năng điều khiển

Cùng với chức năng giao tiếp và chức năng nhận thức, ở trẻ tiếng nói còn thực hiện chức năng điều khiển. Các từ đầu tiên thực hiện chức năng này: *được, không được, cấm, ăn đi, hãy làm ...* Những từ như vậy sẽ đánh thức sự tự ý thức của trẻ, luyện tập ý chí và tính kỷ luật, giúp trẻ hiểu thế nào là tốt là xấu, cái gì nên làm và cái gì không nên làm.

Các từ điều khiển hành vi trẻ cần được sử dụng trong hoàn cảnh giao tiếp khác nhau để giúp trẻ hiểu rõ bản chất vấn đề. Tránh sử dụng từ như là mối đe dọa: *không được, mẹ đánh đấy ...* Trường hợp đe dọa không xảy ra trẻ bắt đầu chơi với nguy hiểm, trẻ sẽ cố tình làm điều cần.

Các từ ngữ có chức năng điều khiển cần được trẻ tiếp nhận một cách có ý thức với từng động cơ khác nhau. Cuối cùng trẻ sẽ tập sử dụng ngôn ngữ của mình- ngôn ngữ bên trong để lập kế hoạch cho bản thân. Đây là hình thức ngôn ngữ cao nhất.

Khi ngôn ngữ bắt đầu thực hiện các chức năng điều khiển là khi ngôn ngữ trở thành công cụ giáo dục đạo đức kể từ lúc đấy. Vì vậy người lớn cần chú ý đến hành vi và lời nói của mình.

Như nói ở trên, những từ có chức năng đầu tiên mà trẻ nắm được là các từ: *đừng, được, phải, không nên...* Nhờ các từ đó mà trẻ hiểu được các khái niệm tốt, xấu giúp rèn luyện ý chí, phân biệt phải trái, đúng sai và khi lĩnh hội tiếng mẹ đẻ đồng thời trẻ lĩnh hội cả cấu trúc ngữ pháp. Thay vì trẻ nói: “*đọc đi*”, trẻ sẽ nói “*Cô đọc cho cho nghe với*”...

Câu hỏi tự học

1. Đối tượng nghiên cứu của bộ môn Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ là gì?
2. Mối quan hệ giữa bộ môn Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ với các ngành khoa học khác?
3. Phân tích vai trò của ngôn ngữ trong sự phát triển của trẻ em.
4. Trình bày hiểu biết của bản thân về các lý thuyết phát triển ngôn ngữ của trẻ em.
5. Trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học nói của trẻ.
6. Trình bày hiểu biết của bản thân về các chức năng của ngôn ngữ, lấy ví dụ.

Hướng dẫn tự học

1. Đối tượng nghiên cứu của bộ môn PPPTNN cho trẻ là quá trình giáo dục nhằm hình thành và phát triển ngôn ngữ cho trẻ để trẻ có phương tiện giao tiếp và nhân thức. Từ đó giúp hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ. Quá trình này được

quy định bởi các thành tố nhiệm vụ, phương pháp và các hình thức phát tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

2. Bộ môn PPPTNN cho trẻ có mối quan hệ mật thiết với các ngành khoa học khác:

- Mối quan hệ với học thuyết Mác - Lênin về nguồn gốc của ngôn ngữ: đây là cơ sở phương pháp luận để các giáo dục ngôn ngữ cho trẻ xác định đúng nhiệm vụ, phương pháp và hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

- Mối quan hệ với tâm lý học: Những thành tựu nghiên cứu về sự phát triển tâm lý nói chung và tâm lý lứa tuổi trẻ em nói riêng là cơ sở để lựa chọn trọng tâm nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục ngôn ngữ phù hợp với từng độ tuổi của trẻ.

- Mối quan hệ với ngôn ngữ học: những thành tựu về tiếng mẹ đẻ trên các bình diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ dụng là hệ thống kiến thức giúp các nhà sư phạm vận dụng vào quá trình tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

- Mối quan hệ với giáo dục học: khoa học về giáo dục học nói chung và giáo dục học mầm non nói riêng đã giúp các nhà sư phạm xác định đúng các nguyên tắc giáo dục cần thiết, phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi mầm non.

- Mối quan hệ với giải phẫu sinh lý: các nhà giáo dục cần có những hiểu biết về sự hình thành, phát triển các cơ quan sinh lý liên quan đến quá trình nói năng của trẻ. Từ đó, có tác động phù hợp và kịp thời và hiệu quả với từng giai đoạn phát triển ngôn ngữ của trẻ này.

3. Ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển toàn diện cho trẻ.

- Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất.
- Ngôn ngữ là phương tiện để phát triển tư duy, nhận thức.
- Ngôn ngữ là phương tiện để giáo dục đạo đức.
- Ngôn ngữ là phương tiện để giáo dục thẩm mỹ.

- Ngôn ngữ là phương tiện để phát triển thể lực.

4. Nắm được quan điểm chính của các nhà nghiên cứu về sự phát triển ngôn ngữ của trẻ:

- Lý thuyết “Hành vi chủ nghĩa” của Skinner”. Lý thuyết nêu lên tinh thần chính: trẻ em phát triển ngôn ngữ bản thân chủ yếu do hành vi bắt chước, làm theo mẫu.

- Lý thuyết “Tự nhiên chủ nghĩa” của Noam Chomsky: lý thuyết nêu lên tinh thần chính: trẻ em phát triển ngôn ngữ bản thân chủ yếu là do cấu trúc sinh học bên trong.

5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học nói của trẻ:

- Yếu tố sinh lý (não, cơ quan phát âm, tai nghe);

- Yếu tố tâm lý

- Yếu tố xã hội (môi trường sống, môi trường ngôn ngữ, vai trò của giáo dục).

6. Về các chức năng ngôn ngữ trong lời nói của trẻ:

- Chức năng giao tiếp - đây là chức năng căn bản và xuất hiện sớm nhất trong lời nói của trẻ.

- Chức năng nhận thức - chức năng này giúp thoả mãn nhu cầu nhận biết, tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ.

- Chức năng điều khiển – chức năng này giúp trẻ điều chỉnh hành vi, suy nghĩ của bản thân phù hợp với thực tiễn khách quan.

CHƯƠNG II. NHIỆM VỤ, PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ

I. Nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ

1. Nhiệm vụ

- Hình thành cho trẻ những nhận thức, cảm giác về tiếng mẹ đẻ.
- Giúp trẻ có khả năng phát âm đúng các âm, các thanh tiếng mẹ đẻ, biết sử dụng và sắp xếp từ theo đúng cấu trúc ngữ pháp tiếng Việt, biết diễn đạt mạch lạc ý nghĩa của mình.
- Chuẩn bị cơ sở cho việc học môn tiếng Việt ở cấp I, giúp trẻ có khả năng thực hành tiếng Việt, biết nhận diện chữ cái ghi âm tiếng Việt, biết ngồi đúng tư thế, biết cách cầm bút khi tô chữ cái theo mẫu.

2. Nội dung

a. Dạy trẻ phát âm đúng, rõ ràng, biểu cảm âm thanh tiếng mẹ đẻ

- Dạy trẻ phát âm đúng theo các quy tắc chuẩn mực của tiếng Việt: dạy trẻ phát âm đúng chính âm (những thành phần của âm tiết: thanh điệu, âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối)

Đến 5 tuổi trẻ phải phát âm chính xác tất cả 36 âm của tiếng Việt. Vì đến độ tuổi này bộ máy phát âm của trẻ đã hoàn thiện giống người lớn. Trẻ phải biết phát âm rõ ràng, các âm tách biệt, các âm trong từ, các mệnh đề, các câu có nhiều âm. Từ đó, chúng ta giúp trẻ nói thành thạo để tạo thói quen, kỹ xảo phát âm, để trẻ tự động nói rõ ràng và đúng.

- Dạy trẻ phát âm đúng, chuẩn xác còn là dạy trẻ biết điều chỉnh âm lượng, không nói to quá, không nói nhỏ quá, biết thể hiện đúng ngữ điệu, có tác phong văn hóa trong quá trình giao tiếp. Lứa tuổi mẫu giáo là giai đoạn hình thành và rèn luyện những thói quen này.

- Sửa lỗi phát âm cho trẻ: khi bắt đầu học nói, bộ máy phát âm chưa hoàn thiện thì nói ngọng là hiện tượng thường thấy ở trẻ. Sửa các lỗi ngọng (phát âm sai âm vị, thanh điệu) là công việc thường xuyên đối với các cô giáo mầm non và người lớn trong công việc dạy nói cho trẻ.

b. Phát triển vốn từ cho trẻ

Phát triển vốn từ không chỉ làm giàu vốn từ mà còn chú trọng phát triển vốn từ về chiều rộng và chiều sâu. Phát triển vốn từ bao gồm những nhiệm vụ sau:

- Làm giàu vốn từ cho trẻ: là phát triển vốn từ về chiều rộng (làm tăng số lượng từ trong vốn từ của trẻ); cung cấp thêm các từ gọi tên sự vật, hiện tượng, các hoạt động trạng thái tính chất của sự vật hiện tượng.

- Chính xác hóa vốn từ, đào sâu nghĩa của từ: giúp trẻ hiểu nghĩa của từ, dạy trẻ dùng từ chính xác, phát triển vốn từ đồng nghĩa, trái nghĩa. Điều này giúp trẻ có khả năng lựa chọn và sử dụng từ chính xác và đa năng.

- Tích cực hoá vốn từ cho trẻ: tức là giúp trẻ sử dụng tốt vốn từ một cách tích cực để giao tiếp. Đây là nhiệm vụ rất quan trọng. Phát triển vốn từ cho trẻ là nền tảng văn hoá giao tiếp, là giúp trẻ sử dụng tốt vốn từ để giao tiếp để phát triển tư duy.

Có thể nói, lời nói của trẻ chỉ được phát triển thông qua giao tiếp với mọi người và quá trình tiếp xúc với môi trường thiên nhiên. Tuy nhiên, sự phát triển ngôn ngữ của trẻ khó đạt kết quả nếu thiếu sự tổ chức có kế hoạch, có khoa học của trường mầm non. Bộ môn PPPTNN nghiên cứu các phương pháp, thủ pháp nhằm giúp trẻ làm giàu vốn từ và sử dụng vốn từ, giáo dục trẻ nói năng có văn hoá.

c. Dạy trẻ nói đúng ngữ pháp

Dạy trẻ nói đúng ngữ pháp là nói đúng theo quy luật ngữ pháp của ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ: các loại câu đơn, câu ghép, các kiểu câu đặc biệt trong những

tình huống giao tiếp. Bên cạnh đó cần giúp trẻ sửa các câu sai: câu què và câu cụt, các câu sai về trật tự từ, sai về logic ngữ nghĩa.

Trên thực tế nhiều khi người lớn tạo thói quen nói sai ngữ pháp cho trẻ.

Ví dụ: Cô hỏi: Đây là con gì?

Trẻ trả lời: Đây là con cá.

Trong trường hợp này cần dạy trẻ trả lời một cách lễ độ: “*Thưa cô, đây là con cá ạ*” là đúng. Còn nếu trẻ nói: “*Thưa cô, con cá ạ*” là chưa đúng.

ở lứa tuổi mầm non trẻ học các quy tắc ngữ pháp của ngôn ngữ thông qua thực hành giao tiếp bằng ngôn ngữ. Trẻ phải nói được các kiểu câu phong phú và đa dạng của ngôn ngữ. Như vậy, vai trò của giáo viên là phải củng cố cách thức sử dụng đúng một số kiểu câu, sửa chữa một số kiểu câu sai của trẻ, cho trẻ làm quen với các kiểu câu khó hơn và cuối cùng hình thành cho trẻ thói quen nói đúng ngữ pháp.

d. Phát triển ngôn ngữ mạch lạc

Phát triển mạch lạc cho trẻ là giúp lời nói của trẻ có nội dung thông báo rõ ràng, đầy đủ, lôgic và hình ảnh. Khi nói, trẻ diễn đạt rõ ràng, không ê a ấp úng, ngắt nghỉ giọng đúng chỗ, giọng nói có sắc thái biểu cảm.

Phát triển ngôn ngữ mạch lạc là nhiệm vụ quan trọng nhất. Trẻ em có thể giao tiếp bằng từ, bằng câu nhưng chỉ nhờ đến ngôn ngữ mạch lạc thì trẻ mới có được công cụ vận năng, hữu hiệu để giao tiếp. Ngôn ngữ mạch lạc là hình thức cao nhất của ngôn ngữ, là kỹ năng khó nhất. Kỹ năng ngôn ngữ này phải được hình thành và phát triển một cách thường xuyên và thông qua những tiết học chuyên biệt.

Dạy trẻ ngôn ngữ mạch lạc là dạy hai hình thức ngôn ngữ: đối thoại và độc thoại.

- Dạy trẻ lời nói đối thoại là dạy trẻ biết nghe và hiểu lời nói đối thoại, biết nói chuyện, biết trả lời câu hỏi và biết đặt ra các câu hỏi khi nói chuyện, biết điều khiển bản thân một cách có văn hoá, cần phải lịch sự khi trả lời và đặt câu hỏi.

- Dạy trẻ lời nói độc thoại là dạy trẻ biết kể chuyện đã được nghe; dạy trẻ biết tự đặt câu chuyện đơn giản mà nội dung và hình thức của truyện phải thể hiện được tính độc lập, sáng tạo của trẻ. Chẳng hạn: kể lại chuyện, kể theo tri giác, kể theo trí nhớ và kể sáng tạo.

ở nước ta hiện nay, giáo dục ngôn ngữ độc thoại chưa được chú ý đúng mức ở các cấp học. Do đó, các học sinh phổ thông cũng gặp những khó khăn nhất định khi diễn đạt một vấn đề nào đó một cách có trình tự, trôi chảy.

Dạy trẻ ngôn ngữ độc thoại là nhiệm vụ quan trọng và cần thiết ngay từ khi ở lứa tuổi mầm non. Trẻ có độc thoại tốt yêu cầu phải có trí nhớ, tư duy và trí tưởng tượng phong phú.

e. Chuẩn bị cho trẻ đọc, viết trước khi đến trường phổ thông

Chuẩn bị cho trẻ bước vào lớp Một là nhiệm vụ vô cùng quan trọng. Nó được cụ thể hoá trong các hoạt động giáo dục. Trước hết là chuẩn bị về mặt tâm thế, khơi gợi trẻ hứng thú đến trường, thích sách vở, cặp sách. Có thể thông qua hoạt động vui chơi trẻ làm quen với một số đồ vật đồ chơi cho trẻ làm quen dần với sách vở. Bằng những việc làm cụ thể, tiếp xúc với các vật liệu, đồ dùng để khi bước vào lớp Một trẻ sẽ sử dụng đồ dùng học tập hay trò chuyện với trẻ về các đồ dùng, việc đến trường phổ thông.

Về kiến thức: giúp trẻ làm quen với biểu tượng 29 chữ cái ghi âm tiếng Việt và làm quen với các khái niệm âm, tiếng, từ, câu..

Về kỹ năng: tập cho trẻ biết cách cầm bút đúng tư thế, ngồi đúng tư thế và tô đúng các chữ cái tiếng Việt theo mẫu; cách giở sách, đọc từ trên xuống, từ trái qua phải...

Như vậy, các nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ trên được phân phối thực hiện đồng đều ở các lứa tuổi mẫu giáo, chỉ có nội dung cụ thể là khác nhau và nó phụ thuộc vào khả năng của từng lứa tuổi. ở bất kỳ hoạt động nào của trẻ mầm non các nhà sư phạm cũng phải chú ý đến yêu cầu của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Việc phân chia rõ ràng các nhiệm vụ như trên là cần thiết nhưng trong quá trình giáo dục chúng luôn được thực hiện phối hợp chặt chẽ với nhau.

Các nhiệm vụ trên phải được thực hiện một cách thống nhất với nhau, trong đó nhiệm vụ phát triển mạch lạc là nhiệm vụ quan trọng nhất.

II. Các phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ

Phát triển ngôn ngữ cho trẻ là một lĩnh vực khoa học giáo dục mầm non. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ là cách thức, là con đường thực hiện các nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ nhằm giúp trẻ lĩnh hội ngôn ngữ như là một phương tiện giao tiếp quan trọng nhất, góp phần giáo dục nhân cách và giáo dục toàn diện.

Là một lĩnh vực giáo dục mầm non, khoa học phát triển ngôn ngữ cũng xây dựng ba nhóm phương pháp giáo dục ngôn ngữ chính cho trẻ sau:

1. Nhóm phương pháp trực quan

Nhóm phương pháp này giúp đảm bảo mối liên hệ giữa hệ thống tín hiệu thứ nhất với hệ thống tín hiệu thứ hai. Nhóm phương pháp trực quan mở ra trước mắt trẻ thế giới xung quanh và hình thành ngôn ngữ cho trẻ trong sự liên hệ chặt chẽ với việc phát triển tư duy và nhận thức.

Trong trường mầm non có thể sử dụng các dạng trực quan sau đây nhằm mục đích phát triển lời nói cho trẻ: rèn luyện phát âm cho trẻ (dạy cho trẻ cách thức phát âm); hình thành và phát triển vốn từ...

- *Trực quan bằng vật thật*: đó là hình thức cho trẻ được tiếp xúc với các vật cụ thể (trẻ được xem, nhìn, sờ, nắm, ngửi...vật có trong cuộc sống). Xem xét vật

thật giúp trẻ nhận biết, tri giác vật một cách khái quát và cụ thể từng chi tiết của vật.

Ví dụ: chúng ta cho trẻ xét quả táo thật. Trẻ sẽ có nhận xét: vỏ quả táo trơn, có màu xanh xen lẫn màu đỏ, trong quả táo có hạt và khi ăn táo có vị thơm ngọt.

Trực quan bằng vật thật giúp trẻ có nhận xét sâu sắc về vật và từ được gọi tên chính xác với vật. Trường hợp không có vật thật, cô giáo sẽ cho trẻ xem đồ chơi, tranh ảnh- là hình ảnh của vật thật.

- *Quan sát*: là phương pháp cho trẻ sử dụng giác quan của mình để tích lũy dần dần những kinh nghiệm, những hình ảnh, những biểu tượng và kỹ năng ngôn ngữ. Những bài tập về quan sát phải gắn liền với việc cung cấp các từ để từ ngữ luôn theo sát và củng cố những điều trẻ đã thu lượm được.

Khi cô giáo tổ chức quan sát không nên chỉ hướng dẫn sự chú ý của trẻ vào các sự vật riêng lẻ mà cần phải làm cho trẻ thấy được mối quan hệ giữa chúng. Ví dụ: quan sát hiện tượng trời nắng, trời mưa... Điều đó giúp trẻ suy nghĩ mạch lạc và biểu hiện những ấn tượng của mình bằng lời nói trôi chảy. Việc vận dụng phương pháp quan sát để làm giàu ngôn ngữ cho trẻ cần phải có hệ thống, có kế hoạch. Trẻ lớn hơn thì hướng dẫn trẻ kể lại bằng lời kể rõ ràng, mạch lạc hơn.

- *Tham quan*: là con đường đưa trẻ đến gần với vật thể, hiện tượng. Tùy theo từng lứa tuổi, tham quan đi từ những vật thể liên quan đến sinh hoạt cá nhân hàng ngày ra thế giới rộng lớn hơn. Buổi tham quan tổ chức cho trẻ phải đảm bảo những yêu cầu: nội dung tham quan phải đáp ứng được sở thích của trẻ; cô giáo phải nắm vững số lượng trẻ; không để những vấn đề ngoài nội dung tham quan làm lạc hướng chú ý của trẻ. Buổi tham quan không nên mang tính chất của buổi học; sau buổi tham quan cô giáo cần củng cố các nhận thức và ấn tượng thu được ở trẻ.

- *Xem phim, băng hình, đĩa VCD*: là cách thức sử dụng máy móc thiết bị vào quá trình dạy học trong điều kiện cho phép nhằm tạo điều kiện cho trẻ quan sát, tham quan cảnh vật mà trẻ không thể đi đến nơi để xem được hoặc xem những cảnh quay diễn ra trong quá khứ. Ví dụ: xem phim về cảnh các con vật sống trong rừng, hoặc dưới biển.

Nhóm phương pháp trực quan là nhóm phương pháp chủ đạo trong quá trình phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Vì vậy phương pháp trực quan được sử dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực dạy nói cho trẻ: trên giờ học, ở mọi lúc, mọi nơi.

2. Nhóm phương pháp dùng lời

- *Đọc thơ (ca dao, tục ngữ, đồng dao) cho trẻ nghe*

Thơ ca đến với trẻ từ khi trẻ mới ra đời. Thơ ca mang tính nhịp điệu, vần điệu cao. Vì vậy khi đọc các vần thơ cần đọc chậm vừa phải, chú ý ngắt giọng sau mỗi và nhấn mạnh các từ mang vần. Đọc thơ cho trẻ nghe sẽ giúp trẻ cảm nhận được vần điệu, nhịp điệu của tiếng Việt.

- *Kể và đọc chuyện*: là phương pháp chủ yếu nhằm giúp trẻ làm quen với văn học. Khi đọc và kể chuyện cô giáo cần phải thể hiện được tình cảm, sử dụng đúng ngữ điệu giọng nói để bộc lộ được đặc điểm, tính cách của nhân vật. Đọc, kể phải chậm rãi vừa phải để trẻ còn lắng nghe được các từ ngữ, câu văn trong chuyện.

- *Kể lại chuyện*: là hình thức cho trẻ kể lại chuyện theo mẫu mà trẻ đã được nghe. Kể lại chuyện giúp cho ngôn ngữ mạch lạc của trẻ phát triển và tư duy logic của trẻ cũng được phát triển.

- *Đàm thoại*: là cách thức sử dụng hệ thống câu hỏi và câu trả lời của trẻ nhằm làm cho ngôn ngữ của trẻ phát triển.

Đàm thoại nên được tiến hành nhẹ nhàng, thoải mái và tự nhiên, đáp ứng yêu cầu của trẻ. Đàm thoại có thể bắt đầu từ trẻ 3-4 tuổi, đàm thoại nên tiến hành riêng với từng trẻ, có đồ dùng trực quan đặt trước mắt trẻ. Câu hỏi đơn giản, dễ

hiểu, phù hợp với đặc điểm ngôn ngữ lứa tuổi. Mục đích đàm thoại là củng cố và hệ thống hoá bằng công cụ ngôn ngữ những kiến thức mà trẻ thu nhận được.

- *Mẫu ngôn ngữ của cô*: là phương pháp quan trọng đặc thù cho việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Theo mẫu ngôn ngữ của cô giáo, trẻ sẽ học cách thức sử dụng ngôn ngữ: cách thức phát âm theo đúng chính âm, dùng từ chuẩn, nói đúng ngữ pháp.

Biện pháp mẫu ngôn ngữ được sử dụng như một phương pháp khi chỉ cho đứa trẻ cách thức tốt nhất để diễn đạt suy nghĩ của mình.

Ví dụ: Với mẫu câu: Chủ ngữ- vị ngữ- bổ ngữ

Cháu đi nhà trẻ./ Cháu đi mẫu giáo. / Cháu đi công viên.

Trẻ học ngôn ngữ vì mục đích sử dụng ngôn ngữ trong cuộc sống hàng ngày để giao tiếp với người xung quanh, trẻ em học ngôn ngữ bằng con đường thực hành ngôn ngữ, bắt chước ngôn ngữ. Biện pháp mẫu ngôn ngữ rất quan trọng cần thiết và phù hợp trong những năm đầu học nói của trẻ: phát âm mẫu, nói mẫu câu đúng. Còn trong những năm tiếp theo thì mẫu ngôn ngữ như kể chuyện mẫu, nói diễn cảm là phù hợp hơn. Và nó giúp trẻ lĩnh hội hình thức ngôn ngữ phức tạp nhất: *ngôn ngữ kể chuyện*.

- *Giảng giải*: là phương pháp dùng lời lẽ để nói cho trẻ hiểu về bản chất, đặc điểm, tính cách của một vật hoặc một hành động nào đó. Cô giáo vận dụng vốn hiểu biết của trẻ để giảng giải nghĩa từ mà trẻ chưa biết, giúp cho vốn từ của trẻ phát triển. Giảng giải phải rõ ràng, dễ hiểu, chính xác.

Ví dụ: *Chú đi tiên tuyến, nửa đêm chú về thì tiên tuyến* là nơi có giặc.

Giảng giải chỉ sử dụng khi trẻ không hiểu hoặc chưa hiểu nội dung ý nghĩa của từ, câu, câu chuyện...

- *Câu hỏi để hỏi trẻ*: câu hỏi được dùng để hỏi trẻ có nhiều loại khác nhau.

Có những câu hỏi đơn giản hướng sự chú ý của trẻ tới việc nhận thức đối tượng: *ai, cái gì, ở đâu, khi nào?* Đó là các câu hỏi về các dấu hiệu cảm tính của sự vật hiện tượng, hỏi về kết quả của quá trình tri giác bằng các giác quan.

Nhóm câu hỏi yêu cầu trẻ sử dụng ngôn ngữ miêu tả, thường là kết quả của sự kết hợp hoạt động quan sát và tư duy. Ví dụ: *như thế nào* là câu hỏi đòi hỏi sự mô tả và sử dụng ngôn ngữ miêu tả...

Nhóm câu hỏi phức tạp: các câu hỏi là kết quả của quá trình nhận thức lý tính, là kết quả của sự phát triển các phương thức tư duy bậc cao như các câu hỏi: *vì sao? do đâu mà có? có quan hệ gì? có đặc điểm gì giống và khác nhau.*

Ngoài ra trong nhóm phương pháp dùng lời còn có thể dùng một số phương pháp khác nữa: *nhắc lại, chỉ bảo, bài tập, nhắc nhở...* để giúp cho ngôn ngữ của trẻ phát triển. Tùy theo điều kiện mà ta sử dụng phương pháp này hay phương pháp khác.

Tóm lại: Trong quá trình phát triển ngôn ngữ cho trẻ, chúng ta sử dụng nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó có hai nhóm phương pháp được sử dụng thường xuyên để dạy nói cho trẻ là phương pháp trực quan và phương pháp dùng lời. Nếu phương pháp trực quan dùng để dạy trẻ nhận biết sự vật hiện tượng thì phương pháp dùng lời sử dụng để dạy trẻ biết sử dụng ngôn ngữ, biết diễn đạt sự hiểu biết của mình trên cơ sở trẻ nhận thức được.

3. Nhóm phương pháp thực hành

Là nhóm phương pháp sử dụng các trò chơi, các hoạt động lao động của trẻ vào quá trình phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

a. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ thông qua các trò chơi

Ngôn ngữ và tư duy liên hệ chặt chẽ với hoạt động, lao động của con người. Hoạt động chính của trẻ em là vui chơi. Vui chơi được thể hiện thông qua các trò chơi. Trẻ em tích lũy kinh nghiệm qua các trò chơi. Từ trò chơi, các em khám phá ra những hiện tượng rồi liên hệ đến từ. Trò chơi kích thích mạnh mẽ

đến sự phát triển ngôn ngữ của trẻ. Trong trò chơi, trẻ em có quan hệ thường xuyên với đồ chơi, nhờ đó mà tên đồ chơi, đồ vật, màu sắc, cấu tạo, công dụng của vật thể dễ được tiếp nhận, dễ được ghi nhớ. Mỗi vật có một tên riêng, mỗi hành động đều có một động từ riêng. Cho nên các cô cần tổ chức tốt hoạt động chơi, cung cấp đồ dùng, đồ chơi để trẻ có điều kiện tăng cường các hoạt động ngôn ngữ, cô giáo đóng vai trò tổ chức hướng dẫn, theo dõi trò chơi, cung cấp cho trẻ những từ mới, nói chuyện với trẻ, làm phong phú ngôn ngữ cho trẻ. Vui chơi đã tạo điều kiện để trẻ vận dụng tốt vốn ngôn ngữ của mình vào việc giao tiếp với bạn bè và những người xung quanh.

b. Phát triển ngôn ngữ thông qua hoạt động lao động

Trong trường mầm non, trẻ được tham gia vào các hoạt động lao động như: lao động trong thiên nhiên, lao động tự phục vụ. ở gia đình trẻ được hoà vào lao động, cách thức sử dụng một số công cụ lao động đồng thời giúp trẻ tiến hành lao động. Trong lao động, người lớn cần đặt ra yêu cầu cung cấp cho trẻ những từ chỉ sự vật hiện tượng, từ chỉ các dụng cụ lao động, đồ vật và các hoạt động lao động. Tất cả các hình thức trên phù hợp với trẻ đều tạo ra những khả năng làm phong phú thêm ngôn ngữ cho trẻ.

III. Các hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ

1. Phát triển ngôn ngữ thông qua các giờ học

Các hình thức tổ chức dạy nói cho trẻ ở trường mầm non hiện nay rất đa dạng. Việc dạy nói cho trẻ không tách rời các mặt giáo dục khác. Nó hoà quyện vào vào nhau và cùng tồn tại trong các hình thức giáo dục ở các hoạt động của trẻ như: vui chơi, học tập, lao động...

a. Phát triển ngôn ngữ thông qua các giờ học

- Giờ Nhận biết - tập nói (lứa tuổi Nhà trẻ)

Dạy trẻ nhận biết - tập nói là hướng dẫn trẻ quan sát một sự vật hiện tượng quen thuộc đối với trẻ. Qua đó hình thành khái niệm ban đầu về sự vật hiện tượng nhằm mục đích phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

Ví dụ: dạy trẻ nhận biết về quả cam là giúp trẻ gọi tên được quả cam cũng như gọi tên các bộ phận, công dụng của quả cam.

Mỗi một sự vật hiện tượng được trẻ vừa lĩnh hội đều được củng cố ngay bằng ngôn ngữ. Loại giờ này học này tạo điều kiện rèn luyện kỹ năng phát âm, rèn luyện câu theo cấu trúc ngữ pháp và đặc biệt làm tăng nhanh vốn từ của trẻ.

- Giờ Làm quen với môi trường xung quanh (lứa tuổi mẫu giáo)

Giờ học làm quen với môi trường xung quanh giúp trẻ tiếp xúc với các sự vật hiện tượng, biết những đặc điểm, cấu tạo, hình dáng, chất liệu... của sự vật hiện tượng. Từ đó hình thành các biểu tượng đúng đắn về các sự vật hiện tượng xung quanh và trẻ nói được điều trẻ biết.

Như vậy, ở những giờ học này, trẻ được rèn luyện kỹ năng phát âm, rèn luyện theo cấu trúc ngữ pháp và vốn từ của trẻ tăng lên rất nhanh, tạo điều kiện phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ.

- Giờ Làm quen tác phẩm văn học: giờ học này có tác dụng làm giàu vốn từ, phát triển ngôn ngữ mạch lạc ở trẻ, bồi dưỡng năng lực cảm thụ tác phẩm văn học và diễn đạt bằng ngôn ngữ văn học.

- Các giờ học khác: giờ Tạo hình, Làm quen với biểu tượng toán, Âm nhạc, thể dục có thể có tác dụng đối với việc phát triển ngôn ngữ của trẻ. Qua các giờ học đó, trẻ được rèn luyện về mặt phát âm, có thêm nhiều từ mới và hiểu được ý nghĩa của từ. Trẻ được rèn luyện thêm về mặt ngữ pháp. Cô giáo còn sử dụng các giờ học này như là một phương tiện để củng cố những ngôn ngữ mà trẻ đã thu nhận được.

b. Phát triển ngôn ngữ thông qua hoạt động ngoài giờ

- Phát triển ngôn ngữ cho trẻ qua các hoạt động vui chơi.

Thông qua trò chơi, các biểu tượng mà trẻ thu nhận được trước đây được chính xác hoá bằng ngôn ngữ. Qua trò chơi, trẻ còn tập trung vận dụng các tri thức đã thu nhận được. Trò chơi đã giúp trẻ nhớ ngôn ngữ, đồng thời tạo ra các tình huống để trẻ sử dụng vốn ngôn ngữ đã tích lũy được.

- Phát triển ngôn ngữ thông qua hoạt động lao động

Trẻ ở lứa tuổi mầm non chưa phải lao động để tạo ra của cải vật chất cho xã hội, nhưng chúng ta phải giáo dục trẻ ý thức lao động, cho trẻ tham gia vào các hoạt động lao động nhẹ nhàng, lao động tự phục vụ mình... Khi tham gia vào các hoạt động lao động, trẻ được tiếp xúc với thiên nhiên, với đồ dùng lao động, đồ dùng sinh hoạt... Như vậy trẻ có điều kiện hình thành các biểu tượng chưa có và khắc sâu các biểu tượng đã có. Từ đó trẻ sẽ biết sử dụng ngôn ngữ trong các hoạt động lao động. Vốn ngôn ngữ của trẻ sẽ tăng lên.

- Phát triển ngôn ngữ thông qua dạo chơi, tham quan

Dạo chơi, tham quan có tác dụng rất lớn đối với việc mở rộng tầm hiểu biết cho trẻ. Vì vậy dạo chơi, tham quan có tác dụng to lớn trong việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

- Phát triển ngôn ngữ trong sinh hoạt hàng ngày

Ngoài các giờ học, giờ chơi, giờ lao động... trẻ còn có giờ ăn, giờ ngủ. Ở những giờ này, cô giáo cũng có thể dạy nói cho trẻ. Trong khi giúp trẻ tiến hành công việc hàng ngày, cô giáo cần lựa chọn nội dung thích hợp, cần nói tên những công việc hàng ngày cho trẻ biết.

Tóm lại, việc giáo dục ngôn ngữ cho trẻ trong trường mầm non là một nhiệm vụ cơ bản và thiết thực. Những người làm công tác giáo dục trẻ ở mọi lứa tuổi mầm non phải biết tận dụng mọi hình thức dạy nói cho trẻ ở mọi lúc, mọi nơi để phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

IV. Các yêu cầu chung đối với hoạt động giáo dục có nội dung phát triển ngôn ngữ

1. Chuẩn bị cho giờ học

Giáo án phải được chuẩn bị kỹ lưỡng, nếu có sử dụng trực quan thì dụng cụ phải đảm bảo yêu cầu nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ.

2. Xác định mục đích yêu cầu: nhiệm vụ đặt ra trên tiết học phải thể hiện tính tổng hợp cao. Mục tiêu giáo dục hay kết quả giáo dục mong đợi cần xác định dưới dạng trẻ biết gì, có thể nói gì, làm gì và làm thế nào sau khi hoạt động này kết thúc.

- Các nhiệm vụ giáo dục trên tiết học (hay một hoạt động phát triển ngôn ngữ) chúng ta đề ra và giải quyết ba nhiệm vụ sau:

Xác định phạm vi kiến thức mà trẻ tiếp thu trên tiết học. Ví dụ: khi dạy các loại hoa trẻ phải biết được tên gọi, màu sắc, hình dáng, mùi vị và các quan hệ với môi trường sống, vẻ đẹp của hoa, hoa trong cuộc sống con người.

Phát triển các thao tác tư duy tương ứng, dạy trẻ quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp, dạy trẻ cách thức phát hiện và tìm hiểu sự vật. Ví dụ: khi giúp trẻ phát hiện ra chất liệu sứ, nhựa thì ta phải sờ, gõ.

Phát triển kỹ năng ngôn ngữ tương ứng: phát triển vốn từ để diễn đạt các kiến thức về vốn từ tổng hợp khái quát, vốn từ về cách thức tư duy, dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, phát triển kỹ năng ngôn ngữ hội thoại, kể chuyện.

- Những nhiệm vụ giáo dục:

Đề ra những nhiệm vụ giáo dục phù hợp với đề tài, cảm nhận vẻ đẹp, có thái độ bảo vệ ngôn ngữ và có hứng thú đối với ngôn ngữ. Dần dần hình thành ở trẻ khả năng cảm nhận cái đẹp của nghệ thuật ngôn từ, hình thành ngôn ngữ trong sáng giàu hình ảnh, đầy biểu tượng.

3. Yêu cầu về phương pháp và cách thức tiến hành trên hoạt động

Trên các tiết học PTNN chúng ta có thể áp dụng các phương pháp một cách linh hoạt, kết hợp nhiều phương pháp khác nhau tùy theo cấu trúc nhất định của hoạt động. Nhưng tất cả đều phải giải quyết các nhiệm vụ đặt ra như nói ở trên một cách đầy đủ nhất. Bên cạnh đó cần gây hứng thú cho trẻ và duy trì hứng thú đó cho hết hoạt động.

4. Cường độ căng thẳng tối đa

Giáo viên cần xác định trước mức độ căng thẳng của trí tuệ trẻ, đừng đưa trẻ đến sự mệt mỏi, chán học. Trong trường hợp này giáo viên cần đưa ra một số hình thức có tính chất hấp dẫn hơn hoặc không dạy nữa mà chuyển sang hoạt động khác.

5. Tính chất giáo dục của giờ học

Nguyên tắc giáo dục của hoạt động có nội dung phát triển ngôn ngữ là không đưa trẻ đến những kiến thức lẻ tẻ mà cả một hệ thống kiến thức nhất định. Nắm được tiếng mẹ đẻ thì nhận thức được sự phong phú trẻ dần dần sẽ có lòng yêu nước. Nội dung và cách thức tổ chức giờ học sẽ giáo dục cho trẻ tính nghị lực, kiên trì.. và giờ phát triển ngôn ngữ có tác dụng giáo dục thẩm mỹ cho trẻ...

6. Tính xúc cảm của hoạt động

Vào giờ học giáo viên phải gợi lên ở trẻ sự ham thích hoạt động, ham hiểu biết mong muốn biết những điều mới. Giờ học cần phải mang đến cho trẻ một cảm giác thoải mái. Sự ham thích của trẻ là người liên minh quan trọng của giáo viên.

7. Cấu trúc giờ học rõ ràng

Cần nhắc lại kiến thức cũ đầu giờ học. Sau đó nêu cho trẻ biết mục đích của giờ học và tiếp đến là phần trọng tâm của hoạt động. Phần kết thúc hoạt động phải ngắn gọn và tình cảm.

8. Phát huy được tính tích cực ngôn ngữ của trẻ trong hoạt động

Tính tích cực của trẻ không thể hiện ở việc trẻ nói luôn miệng mà nó biểu hiện ở chỗ trẻ tích cực tiếp thu tiếng nói của người khác và hiểu lời nói đó. Vậy ở đây đặt ra yêu cầu đối với giáo viên: nói năng chậm rãi, rõ ràng để trẻ có thể nghe và suy nghĩ, tìm câu trả lời; hướng dẫn trẻ đối thoại...

9. Kết hợp tính tập thể và tính cá biệt trong hoạt động

Những bài tập chung cần phải gắn với những bài tập riêng cho mỗi một trẻ. Giáo viên dựa vào kiến thức, sở thích, sự ham mê và các thói quen ngôn ngữ của trẻ mà lựa chọn phương pháp và bài tập cho thích hợp. Cần chú ý những đứa trẻ mà ngôn ngữ phát triển kém và có nhược điểm về ngôn ngữ: ít nói, không cởi mở hay nói chuyện và hay cáu gắt.

V. Những phương tiện và điều kiện thực hiện chương trình

1. Yêu cầu đối với cô giáo và những người xung quanh

a. Yêu cầu đối với cô giáo: Cô giáo đóng vai quan trọng trong việc thực hiện nội dung, nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ cho nên cô cần phải được chuẩn bị kỹ và rèn luyện tốt. Để dạy nói cho trẻ, trước hết cô cần phải biết và nắm vững tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ của cô cần phải mẫu mực. Ngoài những yêu cầu về ngôn ngữ, cô cần phải biết những đặc điểm tâm lý trẻ nói riêng, cô giáo cần nắm vững mục đích, nhiệm vụ, nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ và có khả năng thực hiện những nhiệm vụ và nội dung đó. Ngoài ra cô giáo cần phải được rèn luyện kỹ năng thực hành cần thiết như biết giao tiếp với trẻ, biết tổ chức cho trẻ chơi, biết lên kế hoạch công việc, biết điều khiển các hoạt động của trẻ trong ngày... Cuối cùng, cô giáo phải là người thực sự yêu thương trẻ, yêu nghề nghiệp của mình.

b. Những yêu cầu đối với những người xung quanh: Nhiệm vụ giáo dục ngôn ngữ cho trẻ không phải chỉ là công việc của cô giáo mà của tất cả những người có quan hệ giao tiếp với trẻ. Cho nên người lớn phải có ý thức trong công

việc này: ngôn ngữ phải chính xác, không ngọng, không lắp, lời nói có văn hoá giao tiếp lịch thiệp để làm gương cho trẻ bắt chước. Mặt khác người lớn phải có ý thức sửa sai ngôn ngữ cho trẻ.

Gia đình có vai trò đặc biệt trong việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Trong đó phải kể đến vai trò của người mẹ. Chính người mẹ đã đặt cơ sở cho những thói quen đầu tiên trong việc học ngôn ngữ của trẻ. Ngoài ra, các thành viên khác trong gia đình cũng cần quan tâm đến nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

Giữa gia đình và nhà trường phải có mối liên hệ chặt chẽ, cùng phối hợp để thực hiện chương trình phát triển ngôn ngữ cho trẻ một cách có hiệu quả.

2. Chế độ sinh hoạt hàng ngày

Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày là yếu tố quan trọng trong việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ có hiệu quả. Trong khi thực hiện các nhiệm vụ, cô giáo cần tăng cường nói chuyện giao tiếp với trẻ, tạo môi trường tự nhiên tốt nhất để trẻ được thực hiện việc nói năng trong mọi tình huống khác nhau. Trẻ phải được thoải mái, sung sướng và tự tin. Có như vậy mới kích thích trẻ nói, ngôn ngữ của trẻ mới được rèn luyện và phát triển.

3. Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất đầu tiên sử dụng để dạy trẻ nói phải kể đến môi trường tự nhiên. Đó là môi trường tự nhiên tốt nhất. Nó có tác dụng mạnh mẽ nhằm thúc đẩy và làm giàu vốn ngôn ngữ cho trẻ. Ngoài ra cô còn sử dụng những điều kiện có sẵn của địa phương như: danh lam, thắng cảnh, công trình văn hoá nhằm mở rộng hiểu biết và ngôn ngữ của trẻ.

Các trang thiết bị, đồ dùng dạy học trong trường mầm non như: đồ dùng đồ chơi, tranh ảnh, phim, đèn chiếu... cũng là cơ sở vật chất hết sức quan trọng trong việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Trong nhà trẻ và trường mẫu giáo cần chuẩn bị tốt nhất các phương tiện, đồ dùng dạy học phục vụ cho các nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ.

Câu hỏi tự học

1. Phân tích các nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non?
2. Trình bày các phương pháp được sử dụng nhằm phát triển ngôn ngữ cho trẻ.
3. Trình bày các hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ?

Hướng dẫn tự học

1. Cần hiểu vấn đề: để giúp trẻ có khả năng nghe, hiểu, nói được ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ, các cô giáo mầm non cần thực hiện các nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ sau:
 - Hình thành cho trẻ những nhận thức, cảm giác về tiếng mẹ đẻ.
 - Giúp trẻ có khả năng phát âm đúng các âm, các thanh tiếng mẹ đẻ, biết sử dụng và sắp xếp từ theo đúng cấu trúc ngữ pháp tiếng Việt, biết diễn đạt mạch lạc ý nghĩa của mình.
 - Chuẩn bị cơ sở cho việc học môn tiếng Việt ở cấp I, giúp trẻ có khả năng thực hành tiếng Việt, biết nhận diện chữ cái ghi âm tiếng Việt, biết ngồi đúng tư thế, biết cách cầm bút khi tô chữ cái theo mẫu.
2. Cần nắm lý do, vai trò và nhiệm vụ của việc sử dụng các phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ.
 - Phương pháp trực quan: đây là phương pháp cho trẻ trực quan sự vật hiện tượng tồn tại trong thế giới xung quanh gần gũi với trẻ, qua đó đồng thời hình thành và rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói và viết cho trẻ.
 - Phương pháp dùng lời: phương pháp này giúp trẻ cảm nhận được vần điệu, nhịp điệu của tiếng Việt; giúp nắm được vốn từ của tiếng mẹ đẻ để từ đó sử dụng vào quá trình giao tiếp một cách rõ ràng, mạch lạc và logic.

- Phương pháp thực hành: phương pháp này giúp củng cố những kỹ năng ngôn ngữ cho trẻ.

3. Để phát triển ngôn ngữ cho trẻ, giáo viên cần linh hoạt sử dụng các hình thức giáo dục sau:

- Phát triển ngôn ngữ thông qua hoạt động chung có chủ đích.
- Phát triển ngôn ngữ thông qua hoạt động góc, hoạt động ngoài giờ ...

CHƯƠNG III. PHƯƠNG PHÁP LUYỆN PHÁT ÂM CHO TRẺ

I. Khái niệm phương pháp luyện phát âm cho trẻ

Luyện cho trẻ phát âm là hướng dẫn trẻ phát âm đúng, rõ ràng, có sắc thái biểu cảm trong lời nói.

Trẻ cần phải phát âm chính xác các thành phần của âm tiết, từ, không nói ngọng, nói lắp, biết thể hiện tình cảm qua nét mặt, điệu bộ, nắm được những đặc điểm của văn hoá giao tiếp như ngữ điệu, điệu bộ, tư thế...

Quá trình phát âm của trẻ là một quá trình bao gồm việc ghi nhận các âm thanh (nghe bằng tai, nhìn bằng mắt cách thức phát âm) và tái hiện nó bằng âm thanh ngôn ngữ của mình. Trẻ tiếp thu âm thanh tiếng nói dần dần. Vào đầu độ tuổi mẫu giáo, bộ máy ngôn ngữ của trẻ đã hình thành. Tuy nhiên khả năng tái tạo ngôn ngữ chưa hoàn chỉnh trẻ thường nói không đúng một số thành phần khó của âm tiết như âm đầu, âm đệm hoặc thanh điệu; hay chúng ta thấy trẻ nói rất nhanh, không rõ ràng; khi nói miệng của trẻ há không đúng, sự cấu âm còn yếu; việc thở của trẻ có những đặc điểm riêng: thở nông, thở nhanh, liên tục khi nói. Những đặc điểm này thường gặp nhiều ở trẻ mẫu giáo, khi lớn lên sẽ ít gặp dần.

Phát âm đúng đặc biệt quan trọng vì nghe và phát âm đúng là cơ sở để đọc và viết đúng sau này.

II . Đặc điểm ngữ âm của trẻ từ 0 - 6 tuổi

1. Đặc điểm phát âm của trẻ giai đoạn tiền ngôn ngữ (từ 1-12 tháng tuổi)

Thời kỳ tiền ngôn ngữ được hiểu là thời kỳ trước khi đứa trẻ dùng các ký hiệu ngôn ngữ để giao tiếp. Do việc hiểu khác nhau về khả năng giao tiếp của đứa trẻ mà có ý kiến cho rằng: *Thời kỳ tiền ngôn ngữ bắt đầu từ sơ sinh đến 6 tháng tuổi (E. A Llorach, 1968) hoặc có thể kéo dài đến khoảng 18 tháng tuổi. Theo tác giả Nguyễn Huy Cận, thời kỳ tiền ngôn ngữ ở trẻ em Việt Nam là từ sơ*

sinh đến 12 tháng tuổi. Bởi vì từ 1 tuổi trở đi giao tiếp của trẻ thay đổi về chất so với thời kỳ trước đó. Cũng khoảng lứa tuổi này trẻ bắt đầu học nắm và sử dụng các ký hiệu ngôn ngữ quy ước.

Nghiên cứu về giao tiếp của đứa trẻ ở giai đoạn tiền ngôn ngữ, ngoài việc xác định tính chất của các âm tố phát ra của trẻ, người ta còn tìm kiếm các mối quan hệ và các bước chuyển từ hành động, cử chỉ đến ký hiệu. Sự tìm kiếm này tiến hành qua sự phân tích:

Trẻ - đối tượng - người lớn.

Và tìm hiểu các nhân tố kích thích đối việc hình thành các phương tiện giao tiếp. Trong đó đặc biệt chú ý phân tích sự phát triển ý định giao tiếp của trẻ, sự biến đổi về mặt chức năng của các phương tiện cảm giác - vận động và các hành phát âm của đứa trẻ; sự hình thành các phương tiện giao tiếp đầu tiên và những cơ sở cho sự hình thành, phát triển các cấu trúc sau này của đứa trẻ.

- Những hành vi giao tiếp khởi đầu giữa đứa trẻ và người lớn

Trẻ 1-2 tháng tuổi khi đói, lạnh, rét, ốm đau thường hay khóc và vận động chân tay. Những tiếng khóc của đứa trẻ được coi là phương tiện giao tiếp đầu tiên sớm nhất. Cũng từ 1-2 tháng trẻ bắt đầu giao tiếp với những người lớn thông qua hành vi nựng yêu. Có thể xem hành vi nựng yêu của trẻ là bài tập nói đầu tiên. Về mặt ngữ âm, đứa trẻ được luyện tập các cử động đầu tiên của lưỡi, môi, thính giác. Dần dần đứa trẻ bắt đầu chú ý hơn đến lời nói của những người xung quanh, trẻ quay đầu, hướng mắt về phía có tiếng nói. Tuy vậy giao tiếp lúc này giữa trẻ và những người xung quanh thuần túy mang tính cảm xúc mà chưa thể hiện mục đích rõ ràng nào. Hoạt động phát âm của trẻ còn mang tính bản năng, bởi vì mọi trẻ thơ có sức khỏe bình thường đều có hiện tượng “hóng chuyện”.

Trẻ từ 3 - 6 tháng có khả năng cảm nhận được phương tiện cảm xúc của lời nói thông qua giọng điệu, là cái chung nhất bao trùm lên toàn bộ câu nói. Nghe

giọng điệu mạnh, dữ dội như khi ta quát mắng thì trẻ khóc và sợ hãi. Còn giọng điệu của những bài hát ru làm trẻ đỡ khóc hơn.

- *Sự tiến triển của khả năng phát âm*

ở mỗi giai đoạn trẻ thường phát âm những âm tố điển hình (chiếm khoảng 50 - 70 %) còn một số kiểu âm tố khác thì ít được phát ra ít hơn.

Thời kỳ sơ sinh: từ 1-2-3 tháng tuổi trẻ thường phát ra được các âm tố sau: gờ gờ, gừ gừ, a –a- a, u- u... Có trẻ chỉ phát âm ra một trong dãy âm tố nói trên. Có thể còn thỉnh thoảng phát âm ra phụ âm họng [h].

Từ 3 - 4 -5 tháng, trẻ thường phát âm ra một chuỗi âm gồm 2 - 3 âm. Nguyên âm phát ra đầu tiên thường dài hơn các nguyên âm sau.

Thời kỳ bập bẹ (từ 5- 12 tháng tuổi)

Từ 5 – 6 tháng trẻ thường phát âm các phụ âm môi [b, m, p, f] như bờ bờ, pù pù, phù phù....

Khoảng 7-8 tháng, trẻ có thể phát ra các âm mặt lưỡi - ngạc [z], âm đầu lưỡi răng [v] và trẻ phát âm ra các âm bập bẹ gắn với các hoàn cảnh nhất định

Từ 9- 12 tháng trẻ phát các phụ âm đầu lưỡi [ch], [nh], [tr]...và kết hợp các nguyên âm [a-e-] như nhà, nhà ; trờ, trờ...Và tất cả trẻ đều có thể phát ra các phụ âm [p, m, n] . Thời kỳ này trẻ phát ra các âm bập bẹ và trong hoàn cảnh đó các âm bập bẹ này mang một ý nghĩa nhất định, ví dụ: thấy mẹ bưng một bát cháo, cháu muốn ăn nên phát ra: măm, măm, măm... Âm bập bẹ gồm có hai loại:

Âm bập bẹ không có nghĩa: là những âm được phát ra không thể hiện một nhu cầu mong muốn nào mà chỉ có tác dụng luyện bộ máy phát âm.

Âm bập bẹ có nghĩa: là âm phát ra chỉ thể hiện một nhu cầu mong muốn nào đó của trẻ gắn với hoàn cảnh nhất định.

Nét nổi bật của âm bập bẹ không có nghĩa là tính không ổn định giữa âm và nghĩa. Cùng một nhu cầu đòi ăn những giữa các trẻ khác nhau các âm biểu hiện cũng khác nhau: [pấp, pấp, pấp...], [măm, măm, măm...].

Ngoài các âm bập bẹ, ở trẻ xuất hiện những từ đầu tiên. Những từ đầu tiên của trẻ là những từ có cấu âm đơn giản, dễ phát âm như: *bà, mẹ, cha, cá, gà...*

Đồng thời những từ này là từ gọi tên của những người, đồ vật, con vật gần gũi thân thiết nhất đối với trẻ.

Trong quá trình phát triển ngữ âm, *các âm bập bẹ và các từ phát triển trong mối quan hệ qua lại. Những cháu có số lượng âm bập bẹ càng nhiều thì số lượng từ càng ít và ngược lại. Các cháu ở đầu một tuổi có một số âm bập bẹ còn khá nhiều nhưng đến 18 tháng lượng âm bập bẹ ít dần đi. Đến cuối hai tuổi thì các âm bập bẹ của trẻ dường như mất hẳn và nhường chỗ cho sự phát triển các từ chủ động.*

2. Đặc điểm ngữ âm của trẻ từ 2-3 tuổi

Trẻ từ 2-3 tuổi, cơ quan phát âm và tai nghe ngôn ngữ đã phát triển hoàn thiện hơn. Trẻ có khả năng phát âm đúng hầu hết các âm và thanh điệu. Số lượng từ tăng nhanh. Xét về số lượng các âm vị dần dần xuất hiện trong các từ của trẻ 2-3 tuổi, chúng ta thấy:

- Các phụ âm đầu:

Các phụ âm đầu của tiếng Việt đều đã xuất hiện dần dần trong các từ của trẻ 2-3 tuổi, trong đó các phụ âm như: b, m, đ, t, ch, th, n.

Các phụ âm ít xuất hiện: g, ph, p

Mặc dù các âm đầu của tiếng Việt xuất hiện ít trong các từ của trẻ 2-3 tuổi, nhưng cho tới 3 tuổi trẻ còn mắc lỗi ngữ âm. Hầu hết các phụ âm đầu lưỡi chưa được trẻ phát âm đúng hoàn toàn. Ví dụ:

Âm k phát âm thành t: *quá - toá*

Âm đ thành âm t: *đóng - tóng*

Âm g thành âm h: *gà - hà*

Âm l thành âm n: *làm - nàm*

Âm kh thành âm h: *không- hông*

Âm nh thành âm d: *nhện - dện*

Âm th thành âm x: *thử - xử*

Âm th thành âm ch: *thật- chật*

Âm ch thành âm t: *cháu- táu*

Âm s thành âm th: *súng - thúng*

Âm ng thành âm nh: *ngủ- nhủ.*

Trong số các phụ âm đầu thì phụ âm b, m được trẻ nói đúng nhất (đã được định vị).

- Âm đệm:

Âm đệm / W/ là âm tròn môi trong âm tiết tiếng Việt, là âm khó phát âm đối với trẻ 3 tuổi. Các từ có âm đệm khi phát âm thường bị lược bỏ.

Ví dụ: *hoa - ha*

quả - cả

xoăn - xăn

hoè - hè

- Âm chính: Các nguyên âm dài, bốn nguyên âm ngắn và ba nguyên âm đôi đã xuất hiện trong các từ của trẻ dưới 3 tuổi. Nhưng có một số âm trẻ nói chưa đúng như:

ê- â: *éch – ác*

o - ă: *xong – xăng*

i - ia: *bút chì- bút chìà*

ươ - iê: *hươu- hiêu; rượu - riêu*

Các nguyên âm được trẻ nói đúng: *a, ă, u.*

- Phụ âm cuối:

Sáu phụ âm đã được xuất hiện trong vốn từ của trẻ dưới ba tuổi trong đó âm cuối n được xuất hiện khá nhiều; âm c, ch, p xuất hiện ít nhất. Có một số âm cuối bị trẻ phát âm sai. Ví dụ:

Âm ng thành n: *uống - uốn*

Âm m thành n: *phim - phin*

Âm ch thành c: *khuyếch khoác- khát khác*

-Thanh điệu:

Trong 6 thanh điệu của tiếng Việt thì thanh ngã và thanh hỏi chưa ổn định. Chúng thường bị trẻ chuyển đổi thành dấu nặng và dấu sắc.

Ví dụ: *Võng- vóng*

Ngủ- ngụ

Ngủ- nhụ

3. Đặc điểm ngữ âm của trẻ từ 3- 6 tuổi

Ở thời kỳ này trẻ hoàn thiện dần về mặt ngữ âm, các phụ âm đầu, âm cuối, âm đệm, thanh điệu dần dần được định vị. Trẻ phát âm đúng hầu hết các âm vị của tiếng mẹ đẻ, kể cả các âm, các vần khó (*iêu, won, uông*). Trẻ biết điều chỉnh nhịp điệu, cường độ giọng nói khi giao tiếp để phù hợp với hoàn cảnh; lời nói của trẻ rõ ràng, dứt khoát hơn.

Tuy vậy, ở lứa tuổi này, trẻ nhỏ vẫn mắc một số lỗi về phát âm, còn nhầm lẫn khi phát âm một vài phụ âm và nguyên âm (*x /s, ch/t, wơ /uô*) và thanh điệu (*? / ~*). Mỗi một cháu thường hay nói sai một âm hoặc một thanh riêng.

Khi nói trẻ 3 - 4 tuổi hay nói chậm, kéo dài giọng, đôi khi còn âm ừ, ê a, song các cháu vẫn phát âm sai thành âm đệm, âm cuối và thanh ngã. Trẻ 5-6 tuổi do phạm vi tiếp xúc rộng hơn, vốn từ và sự hiểu biết của trẻ giàu và phong phú hơn nên các cháu phát âm đúng hơn, phát âm được cả những âm khó ...đến cuối 6 tuổi, về cơ bản trẻ đã phát âm đúng, trừ một vài trường hợp trẻ phát âm sai do các lý do: khuyết tật bẩm sinh của cơ quan phát âm, do ảnh hưởng của môi trường sống (những người xung quanh trẻ phát âm sai dẫn đến trẻ bắt chước và phát âm theo).

Căn cứ trên những đặc điểm phát âm của trẻ qua từng độ tuổi, ta có thể rút ra một số kết luận:

Khả năng hoàn chỉnh về phát âm của trẻ được tăng dần theo từng độ tuổi, trẻ nhanh chóng định vị được các âm vị có cấu âm đơn giản. Còn những âm vị có cấu âm phức tạp trẻ dễ mắc lỗi, xong nếu tập luyện kiên trì thì hầu hết trẻ em đều có khả năng định vị các âm vị của tiếng mẹ đẻ (trừ các cháu có khuyết tật về cơ quan thính giác).

4. Phân loại nhược điểm ngữ âm của trẻ và các biện pháp khắc phục

- **Loại một:** là loại mà trẻ nào cũng có, do lứa tuổi và trình độ phát triển chung của trẻ.

Stécno đã nói: bất kỳ một từ nào mà các trẻ tiếp thu được đều phải nghe bằng tai, hiểu được bằng ý thức, phải phát âm trở lại và phải được lưu chuyển lại trong trí nhớ”. Từ đó có thể chỉ ra nguyên nhân nhược điểm ngữ âm:

a. *Nhược điểm về cảm giác:* do trẻ chưa phân biệt được sự khác nhau rất tinh tế trong cách phát âm mà chỉ tiếp nhận một cách chung chung. Ví dụ: trẻ nghe: *tai- tay*.

Để khắc phục nhược điểm này, người lớn cần có những bài tập - trò chơi chuyên biệt luyện tai nghe cho trẻ, cũng như khi khi nói phải rõ ràng mạch lạc với tốc độ vừa phải để nghe để tạo điều kiện cho trẻ nghe tốt.

b. *Khả năng chú ý của trẻ còn yếu, không ổn định* nên trẻ chưa chú ý được đều đặn đối với từng phần của tiếng trong từng lời nói ... Vì vậy những âm được đọc lướt trẻ dễ bị bỏ qua, không chú ý.

Vì vậy muốn khắc phục nhược điểm này, ngoài việc luyện phát khả năng chú ý của trẻ qua các bài tập trò chơi người lớn cần tạo điều kiện để tập cho trẻ khả năng chú ý: không quá ồn ào, nói có ngữ điệu, diễn cảm, giải thích để trẻ hiểu rõ nghĩa của từng từ trong các tình huống.

c. *Nhược điểm về vận động*

Khả năng phân tiết và cấu tạo cơ quan phát âm của trẻ phát triển chưa đầy đủ nên trẻ chưa có thể phát âm đúng các âm khó. Để thúc đẩy sự phát triển khả năng vận động của cơ quan phát âm, cô giáo cần có những trò chơi luyện tập thích hợp. Người lớn cần chú ý không nhắc lại lỗi sai của trẻ vì trẻ sẽ bắt chước và làm quen với cách cấu âm đó.

d. Trí nhớ của trẻ còn hạn chế nên trẻ chưa có thể nhớ hết khối lượng các âm tiếp thu, cũng như trật tự tiếng nói trong lời nói. Vì vậy cần có những bài tập luyện trí nhớ cho trẻ.

e. Kinh nghiệm sống của trẻ còn nghèo nàn, nhận thức của trẻ còn hạn chế dẫn đến tình trạng trẻ dùng từ không chính xác, câu lung củng.

- **Loại thứ hai:** là nhược điểm thuộc phạm vi giải phẫu sinh lý và vật lý. Những hiện tượng sinh ra nhược điểm ngôn ngữ như sứt môi, răng hở, nói lắp, câm điếc... Những trẻ thuộc loại nhược điểm này cần được chữa trị và dạy dỗ bởi các nhà chuyên môn, chuyên ngành.

- **Loại thứ ba:** là do ảnh hưởng tiếng địa phương, do ảnh hưởng ngôn ngữ không chuẩn mực của những người xung quanh. Cần tránh không cho trẻ nghe những hình thái ngôn ngữ không chính xác. Vậy cần nâng cao trình độ ngôn ngữ của những người xung quanh. Đặc biệt đối với những người có ngôn ngữ không chuẩn mực; người lớn phải hiểu những nguyên nhân lỗi sai của trẻ và tìm cách khắc phục mọi lúc mọi nơi bằng nhiều biện pháp khác nhau.

III. Nội dung, phương pháp luyện phát âm cho trẻ ở từng lứa tuổi

1. Nội dung, phương pháp luyện phát âm cho trẻ giai đoạn tiền ngôn ngữ

a. Nội dung, phương pháp luyện phát âm cho trẻ giai đoạn 2- 4 tháng tuổi

- *Nội dung:* hình thành sự tập trung thính giác và thị giác cho trẻ.

Hình thành các phức hợp vận động nhỏ như: sự thích thú qua nét mặt, sự cử động chân tay, sự âu yếm, trò chuyện của người lớn, nhìn vào mặt của người lớn, phát âm nhỏ (gừ gừ).

- Phương pháp, biện pháp:

Trẻ học nói bằng cách dựa vào người lớn, vì vậy trò chuyện với trẻ là phương pháp ưu việt để dạy cho trẻ nói. Khi trò chuyện với trẻ, người mẹ, người lớn cần nói với âm điệu nhẹ nhàng, âu yếm tạo được sự âu yếm tình cảm giữa người nói với trẻ để kích thích nhu cầu học nói của trẻ. Trẻ học nói trong sinh hoạt hàng ngày, vì vậy cần nói chuyện với trẻ càng nhiều càng tốt, trong mọi lúc, mọi nơi (khi chăm sóc, cho trẻ ăn uống, vệ sinh).

Đối với trẻ lứa tuổi này, cô giáo nên nói chuyện trực tiếp với từng trẻ. Khi nói chuyện cô giáo nên gọi tên trẻ để trẻ nhìn thẳng vào mặt cô đồng thời cô cầm tay trẻ, hoặc vuốt ve người trẻ.

Cô giáo có thể đưa đồ chơi có màu sắc sặc sỡ, có tiếng kêu khác nhau ra trước mắt trẻ và kết hợp trò chuyện để trẻ vừa xem vừa nghe âm thanh ngôn ngữ (đối với trẻ 3-4 tháng), âm thanh của đồ vật. Tuy nhiên cần chú ý sử dụng âm thanh của đồ vật có mức độ, không làm phân tán sự chú ý của trẻ đối với lời nói của cô. Sau nhiều lần trò chuyện, cô giáo cần thay đổi vị trí đứng của cô và di chuyển vị trí đồ chơi để thay đổi hướng nhìn và hướng phát ra âm thanh.

b. Nội dung, phương pháp luyện phát âm cho trẻ từ 5- 12 tháng tuổi.

- Nội dung:

Tiếp tục phát triển thính giác, thị giác, giúp trẻ nhận ra hướng phát âm, phân biệt được ngữ điệu lời nói khác nhau, nghe những bài hát có giai điệu êm dịu.

Nhìn và nghe người lớn lắc các đồ vật có âm thanh theo nhịp điệu.

Phát triển các vận động ngôn ngữ và luyện tập bộ máy phát âm, giúp trẻ phát âm được các âm để thể hiện cảm xúc, kích thích trẻ phát âm các âm bập bẹ.

Tập cho trẻ phát âm các âm : *ba, ba, ba; cha, cha, cha...*

Dạy cho trẻ nói một số từ, bắt chước tiếng kêu của một số đồ vật (trẻ 12 tháng)

- *Phương pháp:*

Từ 5- 6 tháng, trẻ đã biết phát ra các âm bập bẹ *cha cha, ma ma...* Vì vậy cô cần chú ý lắng nghe các âm mà trẻ phát ra và kịp thời nhắc lại các âm đó kích thích trẻ phát âm tiếp. Cùng với việc nhắc lại các âm mà trẻ đã phát ra, cô dạy trẻ phát âm các âm khác nữa (*ta ta, ba ba, dâ dâ...*) bằng cách cô phát âm ra trước để trẻ phát âm theo.

Dạy trẻ nói một số từ bằng cách nói theo cô. Cho trẻ xem đồ chơi, đồ vật, tranh ảnh, kích thích trẻ chú ý vào vật bằng tiếng kêu của vật, bằng câu hỏi. Cô gọi tên vật và trẻ nói theo.

Tăng cường trò chuyện với trẻ để trẻ ngồi đối diện với cô. Cô nói với *trẻ về công việc của mình đang làm (ví dụ: Cô cho Hằng uống tý nước nhé)*, bằng cách đó cô cho trẻ làm quen với tên gọi của mình, tên gọi một số đồ dùng, một số hành động trong sinh hoạt hàng ngày.

Để giúp trẻ hiểu rõ lời nói của cô, cô phân biệt được các ngữ điệu khen chê, đồng ý hay không đồng ý thì khi nói với trẻ, cô cần kết hợp ngữ điệu giọng nói với biểu hiện của nét mặt.

Cô hát cho trẻ nghe bài hát có giai điệu vui và êm dịu.

Thời gian đầu trẻ mới đi nhà trẻ, cô nên hát cho trẻ nghe một mình, sau đó có thể cho hai ba trẻ nghe. Mỗi bài hát cho trẻ hát hai ba lần. Vừa hát cô vừa cầm tay trẻ duỗi ra nhẹ nhàng theo nhịp điệu bài hát. Những lần sau cô kết hợp cho trẻ vừa vỗ tay, vừa nghe cô hát các bài hát hoặc trẻ lác các đồ vật có thể phát ra âm thanh. Cô cần thay đổi vị trí để giúp trẻ định hướng nơi phát ra âm thanh.

2. Nội dung, phương pháp luyện phát âm cho trẻ giai đoạn ngôn ngữ (1- 6 tuổi)

a. Nội dung

- Rèn luyện thính giác ngôn ngữ

Rèn luyện thính giác ngôn ngữ là rèn khả năng tri giác âm thanh ngôn ngữ, giúp trẻ phân biệt âm thanh ngôn ngữ với âm thanh nói chung (ví dụ: tiếng gõ cửa, tiếng gõ ghế, tiếng xác xô, tiếng gà gáy, tiếng chim...), và phân biệt âm thanh ngôn ngữ với nhau (ví dụ: trẻ phải phân biệt sự khác nhau giữa âm vị m và âm vị n, l và n, s và x, phân biệt các âm tiết “*tâm*” và “*tâm*” ...

Đây là quá trình giúp trẻ tập trung chú ý nghe để xác định từng âm thanh ngôn ngữ. Sau đó ghi nhớ âm thanh này một cách chính xác.

Việc rèn luyện cơ quan thính giác đầu tiên đối với trẻ mẫu giáo bé và nhỏ thì chúng ta cho trẻ phân biệt sự khác nhau giữa các đơn vị ngữ âm một cách tổng quát thông qua hình thức tồn tại tự nhiên của âm thanh ngôn ngữ là từ và câu. Sau đó ở trẻ mẫu giáo lớn tập cho trẻ phân biệt các âm riêng lẻ.

– Luyện cơ quan phát âm

Cơ quan phát âm của trẻ là kết quả của di truyền. Nhiệm vụ của cơ quan phát âm là tạo ra luồng hơi để hình thành sự cấu âm. Cơ quan phát âm gồm nhiều bộ phận: phổi, các dây thanh, lưỡi, răng, môi, ngạc cứng, ngạc mềm.

Các âm phát ra chỉ có thể đạt được khi các bộ phận của bộ máy phát âm có cấu tạo hoàn chỉnh. Một trong những bộ phận của cơ quan phát âm có khuyết tật (lưỡi ngắn, môi hót, răng thưa) sẽ làm cho sự cấu âm trở nên khó khăn, phát âm thiếu chính xác hoặc không thể phát âm được. Ngoài ra các âm phát ra chỉ đạt được khi trẻ có khả năng điều khiển bộ máy phát âm của trẻ, còn sự khuyết tật của bộ máy phát âm cần có sự hỗ trợ của y học.

Luyện cơ quan phát âm là làm cho các bộ phận của cơ quan này chuyển động linh hoạt nhẹ nhàng, giúp trẻ dễ điều khiển, dễ cấu âm khi phát âm.

Đây là quá trình trẻ tri giác được cách thức phát âm từng âm riêng lẻ. Vì vậy việc người lớn nói trước mặt trẻ một cách rõ ràng, chính xác sẽ giúp trẻ tri giác tốt hơn.

Luyện cơ quan phát âm có hai nội dung:

- Luyện vận động tự do: giúp cho các bộ phận môi, răng, lưỡi chuyển động nhịp nhàng, nhuần nhuyễn, linh hoạt.

- Luyện vận động theo phương thức phát âm từng âm riêng lẻ, từng tiếng, từng từ.

Khi luyện cơ quan phát âm giáo viên cần chú ý:

Đối với trẻ bé nên có nhiều bài tập luyện vận động tự do bằng những trò chơi. Những trò chơi này nên lặp đi lặp lại nhiều lần trong ngày và không nên kéo dài thời gian trong một lần.

Đối với trẻ lớn nên có nhiều bài tập vận động theo phương thức phát âm bằng các trò chơi như “*Bắt chước tiếng kêu các con vật*” hay “*tiếng động, tiếng vang của các đồ vật*”, tập nói nhanh các câu nói có vần điệu, đồng dao có âm cần luyện nhiều lần, lặp đi lặp lại.

- Luyện thở ngôn ngữ

Âm thanh nói chung và âm thanh ngôn ngữ nói riêng chỉ phát ra khi có luồng hơi từ phổi đi ra. Luồng hơi từ phổi đi ra giúp cấu âm người ta gọi là thở ngôn ngữ. Thở ngôn ngữ khác với thở bình thường của chúng ta là ở chỗ: Thở ngôn ngữ là thở có lý trí, nó đòi hỏi sự tham gia của ý chí. Thở lý trí giúp ta điều khiển sự thở để ngừng nghỉ khi nói, khi phát âm, khi đọc thơ.

Đặc điểm của trẻ mầm non là khả năng điều khiển hơi thở chưa cao (chưa biết cách điều khiển hơi thở). Chúng ta thấy có nhiều trẻ nói rất nhanh, vừa nói vừa thở. Hoặc ngược lại có nhiều trẻ nói rất chậm, vừa nói vừa ê a, vừa nói vừa thở. Hoặc trẻ không ngừng nghỉ giọng đúng chỗ khi nói và làm cho lời nói của trẻ không mạch lạc, khó hiểu.

Điều khiển hơi thở là không thể thiếu được trong quá trình rèn luyện phát âm cho trẻ.

Như vậy, luyện thở ngôn ngữ là luyện cho trẻ biết cách thở ra vào, ngừng nghỉ giọng đúng nhịp khi phát âm, khi nói.

Luyện thở ngôn ngữ được tiến hành với hai nội dung:

+ Luyện thở tự do: mục đích là luyện cho trẻ biết cách điều khiển hơi thở theo ý muốn. Trẻ luyện thở theo các mức độ khác nhau: dài, ngắn, nhanh, chậm. Mức độ khó của các bài tập- trò chơi tùy thuộc vào khả năng của trẻ cũng như sự đòi hỏi cố gắng nhất định. Mỗi lần tổ chức cho trẻ chơi - tập không nên kéo dài quá ba phút.

+ Luyện thở ngôn ngữ được thực hiện thông qua việc cho trẻ phát âm từng âm, từng từ, từng câu khi trò chuyện, đọc thơ, kể chuyện. Mục đích chính là luyện cho trẻ biết ngừng nghỉ giọng đúng lúc, đúng chỗ khi nói để người nghe hiểu được trọn vẹn ý một cách chính xác.

Ví dụ: *bắt chước tiếng còi tàu: hu hu hu* để có luồng hơi dài, mạch lạc, trẻ có khả năng nói các câu dài. Đồng thời vừa tạo cho trẻ có khả năng điều khiển được lượng âm thanh mà trẻ phát ra.

- Luyện giọng

Giọng nói biểu hiện đầy đủ các mặt âm thanh ngôn ngữ của trẻ, giọng nói biểu hiện tình cảm của con người.

Luyện giọng nói cho trẻ là dạy trẻ biết điều khiển giọng nói làm cho giọng nói của mình rõ ràng, có sắc thái biểu cảm phù hợp với nội dung và hoàn cảnh nói: thủ thỉ, âu yếm, âm vang, trầm bổng, to nhỏ....

Chúng ta thường thấy khi vui thì trẻ nói rất nhiều, thậm chí la hét, bất kể người xung quanh có thích hay không. Nhưng có khi cần phát biểu trước lớp hay trước người lạ thì trẻ lại nói lí nhí, ngập ngừng, đứt quãng.

Vì vậy chúng ta cần dạy trẻ biết điều chỉnh ngữ điệu giọng nói. Luyện giọng bao gồm có nội dung sau:

- Luyện độ cao của giọng: cao - thấp
- Luyện độ mạnh của giọng: to - nhỏ
- Luyện độ dài của giọng: dài - ngắn

- Luyện tốc độ của giọng: nhanh - chậm.

Luyện giọng đặt ra yêu cầu cao đối với trẻ vì vậy cô giáo cần hướng dẫn trẻ từ từ, tỉ mỉ.

ở giai đoạn đầu cô có thể luyện giọng cho trẻ bằng cách phát âm từng âm riêng lẻ dưới dạng các trò chơi.

Việc luyện này có thể thực hiện bằng cách bắt chước tiếng kêu của các con vật, trong giờ học nhạc. Để trẻ cảm nhận âm tốt hơn cô nên cho trẻ vừa phát âm vừa cử động theo cánh tay theo các động tác tương ứng với độ to nhỏ, dài ngắn, nhanh chậm...

ở giai đoạn sau trẻ có thể luyện giọng bằng cách đọc diễn cảm các bài thơ, ca dao, kể lại chuyện, đóng kịch...

b. Một số phương pháp luyện phát âm cho trẻ

- Phương pháp luyện phát âm theo mẫu

Luyện phát âm theo mẫu là hướng dẫn trẻ phát âm theo đúng các mẫu âm thanh tiếng mẹ đẻ.

Luyện phát âm theo mẫu bao gồm các nội dung sau đây:

Nội dung 1: tri giác mẫu qua cách nghe phát âm và nhìn cách phát âm.

Nội dung 2: Trẻ làm theo mẫu

Ví dụ: Mẫu phát âm từ: *muróp, lá*

Mẫu phát âm vần: *ay, ai*

Mẫu phát âm: *s, tr, v...*

Luyện phát âm theo mẫu được tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Giới thiệu mẫu: cô phát âm mẫu từng từ, âm, vần cho trẻ nghe. Cô phát âm mẫu chậm, rõ ràng, chính xác. Nhất định phải để trẻ nhìn rõ vị trí môi, răng, lưỡi khi cho trẻ nhìn vào mẫu, cô cần giảng giải các phương thức cấu âm: vị trí cả lưỡi, độ mở của miệng, hình dáng của môi... Nếu trẻ nhỏ và nhõ cô không

nên giải thích vì như thế trẻ sẽ cấu âm khó hơn vì trẻ thiếu tập trung vào các vị trí bộ phận cấu âm. Cô chỉ nên phát âm mẫu vài lần để trẻ nhìn cho rõ.

Bước 2: Trẻ phát âm theo mẫu. Chú ý không nên bắt trẻ phát âm một âm, một vần, một từ quá nhiều lần.

Bước 3: Cô sửa lỗi cho trẻ. Nếu trẻ phát âm sai thì sau khi trẻ phát âm, cô phát âm mẫu lại cho trẻ nghe nhìn rồi yêu cầu trẻ phát âm lại. Tuyệt đối cô không nhắc lại lỗi sai của trẻ. Nếu một vài lần mà trẻ vẫn phát âm sai thì cô cho cháu nghỉ không phát âm nữa, để lúc khác luyện phát âm lại Tuyệt đối không nên bắt trẻ luyện đi luyện lại một âm nào đó mà trẻ chưa khắc phục ngay được vì chỉ làm trẻ thêm cuống. Ví dụ: mới đầu trẻ phát âm sai từ “*rung rinh*” thành “*dung dinh*”, “*lung linh*”, “*hung hình*” ...

- *Luyện phát âm qua xem tranh vẽ, đồ dùng, đồ chơi*

Giáo viên cho trẻ xem tranh, đồ chơi, vật thật rồi yêu cầu trẻ gọi tên vật, tranh, đồ chơi, vật thật hoặc đồ chơi theo yêu cầu của cô. Qua tranh, vật thật, đồ chơi, cô giáo có điều kiện luyện phát âm cho trẻ ở trong từ, trong câu (dạng tồn tại tự nhiên của ngôn ngữ).

Ví dụ: để rèn luyện phát âm cho trẻ, giáo viên chuẩn bị các tranh: *rổ, rá, rùa, rấn, cá rô*...

Cô yêu cầu trẻ lấy từng tranh và đọc tên đồ vật trong từng tranh vẽ, hoặc giáo viên đọc được tên có trong tranh, hoặc yêu cầu trẻ lấy theo yêu cầu có các đồ vật đó và đọc lại.

Ví dụ: Dạy trẻ âm r trong câu.

Cô giơ tranh bức tranh lên và hỏi: - *Tranh vẽ cái gì đây?*

Trẻ trả lời: *Tranh vẽ cái rổ.*

Cô hỏi: *Tranh vẽ con gì đây?*

Trẻ trả lời: *Tranh vẽ con rùa.*

Trong quá trình trẻ tiến hành công việc luyện phát âm, giáo viên cần theo dõi và tiến hành sai cho trẻ.

- *Luyện phát âm qua trò chơi*

Trò chơi được sử dụng rất nhiều và đa dạng, phong phú trong quá trình phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Đây là một phương pháp dạy học thích hợp với trẻ vì trẻ vừa được chơi, vừa trẻ học.

+ Trò chơi luyện thở: *thổi nơ bay cao bay xa, thổi chóng chóng, thổi bóng, thổi hoa....* Giáo viên yêu cầu thi thổi xem ai thổi được lâu, mạnh. Các trò chơi này giúp trẻ biết hít thở đều, biết cách lấy hơi khi nói.

+ Trò chơi luyện thính giác: đoán tiếng kêu của các con vật (cô giả làm tiếng kêu các con vật, yêu cầu trẻ đoán tên con vật...); Đoán giọng bạn (cho một cháu hát hoặc đọc thơ), Trò chơi truyền tin.

+ Trò chơi luyện cơ quan phát âm

Tập điều khiển hoạt động môi và hàm: trò chơi “*Gọi gà*” cho trẻ phát âm *bập bập ...*; để luyện vận động cơ lưỡi: trò chơi “*Kim đồng hồ quay*”...

+ Trò chơi luyện giọng: Bắt chước tiếng kêu của các con vật ở các mức độ to nhỏ, nhanh chậm...khác nhau. Trò chơi phân vai, đóng vai theo chủ đề đóng vai trò quan trọng trong luyện giọng.

Ví dụ: Mèo kêu: meo meo..

Gà gáy: ò, ó, o...

Máy bay: ù, ù, ù...

Các trò chơi luyện phát âm được tiến hành theo các bước:

Giáo viên nêu mục đích yêu cầu, nội dung chơi, cách chơi, làm mẫu theo cách chơi.

Tổ chức cuộc chơi: có thể cho trẻ chơi theo nhóm hoặc cả lớp. Cô giáo theo dõi và sửa sai cho trẻ.

Chú ý: Trò chơi luyện phát âm cần được dẫn dắt từ dễ đến khó. Giai đoạn có thể chơi luyện từng âm từng từ, sau đó luyện âm các âm liên kết thành từng âm tiết, từ.

- *Luyện phát âm qua việc đọc thơ, đọc câu nói có vần, đồng dao và tập nói nhanh, nói đúng.*

Giáo viên sử dụng các bài thơ, bài đồng dao, câu nói có vần (trong các bài thơ đó có các âm, các thanh cần luyện) đọc cho trẻ nghe, sau đó hướng dẫn cho trẻ nghe, sau đó hướng dẫn trẻ luyện kỹ năng phát âm đúng, rõ ràng, có nhịp điệu. Ví dụ: dạy trẻ phát âm âm “R” cho trẻ cho trẻ đọc bài “Con rùa”:

Rì rà rì rà

Đội nhà đi chơi

Tối lặn mặt trời

úp nhà đi ngủ

Rì rà rì rà.

Dạy trẻ phát âm bằng hình thức này giúp trẻ say mê hào hứng luyện tập vì vừa được học vừa được chơi, trẻ có điều kiện giúp trẻ nghe đi nghe lại nhiều lần.

Tập có trẻ nói nhanh nói đúng, cũng là một hình thức luyện tập tốt, có thể sử dụng cho trẻ từ 4- 6 tuổi.

Giáo viên lựa chọn những câu nói trong đó có những âm chỉ cần luyện rồi nói từng mẫu câu, từng từ rõ ràng là đúng. Những lần đầu cô có thể nói chậm, những lần sau cô nói nhanh dần lên nhưng vẫn đảm bảo nói đúng.

Sau khi nói nói mẫu, cô giáo hướng dẫn cháu nói chậm đúng một số lần (3- 4 lần). Sau đó tùy theo lứa tuổi mà cô tăng dần tốc độ.

Ví dụ: Luyện nói nhanh âm s, cô cho trẻ nói đúng câu:

Hoa sen, hoa súng

Hoa súng, hoa sen.

c. Những điều cần lưu ý khi dạy phát âm cho trẻ

- Dạy phát âm cho trẻ là công việc đòi hỏi người giáo viên cần tiến hành thường xuyên, tỷ mỉ. Giáo viên luôn luôn phải là người nêu tấm gương mẫu mực về cách phát âm, dùng từ, dùng câu.

- Giáo viên cần khai thác triệt để các hoạt động giáo dục trong trường mầm non vào việc rèn luyện và phát triển khả năng phát âm cho trẻ.

- Khi trẻ phát âm sai, giáo viên không nên nhắc lại âm sai của trẻ mà cần cung cấp ngay âm đúng và yêu cầu của trẻ nói lại.

- Giáo viên không nên bắt trẻ nói tập nói đi nói lại một âm vị (hay một âm tiết) riêng lẻ nhiều lần ngay một lúc, vì như vậy trẻ dễ bị ức chế, không muốn luyện tập, dễ tạo ra lỗi sai mới trong cách phát âm của trẻ (như nói lắp, nói nhịu).

IV. Tổ chức công tác luyện phát âm cho trẻ

Luyện phát âm cho trẻ bằng các phương pháp luyện phát âm làm theo mẫu, trò chơi, đọc diễn cảm đều có thể tiến hành cùng nhau, hoà quyện vào nhau hoặc tách rời ở trong ngoài hay ngoài lớp học.

ở nước ta hiện nay chưa có giờ học phát triển ngôn ngữ riêng biệt, đặc biệt là giờ luyện phát âm. Nhưng không vì thế mà ta không thể tiến hành luyện phát âm cho trẻ được.

Cô có thể thực hiện các biện pháp luyện giọng phát âm cho trẻ trên các giờ học khác và coi nói như là một trong những mục đích của giờ học, một phần của giờ học.

** Trong giờ Tìm hiểu môi trường xung quanh*

Cô có thể tiến hành biện pháp luyện phát âm theo mẫu khi hướng dẫn trẻ chỉ gọi từ chỉ tên, chỉ đặc điểm, công dụng của sự vật hiện tượng, đặc biệt là khi trẻ phát âm sai: *quả mướp* thành *quả mớp*, *củ cà rốt* thành *củ cà dốt*... Ngoài ra cô có thể tổ chức cho trẻ giả tiếng kêu các đồ vật, đoán xem tiếng gì rơi, cái gì kêu... để củng cố nhận thức về thuộc tính, đặc điểm cũng như luyện cơ quan phát âm, luyện tai nghe cho trẻ...

Cô có thể cho trẻ đọc câu thơ, câu đố để luyện giọng cho trẻ vào lúc cùng cố giờ học hay khi gợi ý mở bài.

** Trong giờ học âm nhạc:*

Những giờ học âm nhạc có vai trò lớn trong việc luyện phát âm cho trẻ.

Các phần của giờ học như nghe, hát và vận động theo nhạc đều có tác dụng phát triển tai nghe ngôn ngữ, thở ngôn ngữ, luyện về nhịp độ, trường độ và tốc độ của giọng nói cũng như luyện cơ quan phát âm tốt (hát to, hát nhỏ, hát cao thấp, hát nhanh chậm...).

Giờ âm nhạc có tác dụng đặc biệt trong việc luyện tai nghe cho trẻ. Trẻ có nghe tốt thì mới hát tốt hát đúng, nhất là khi do ảnh hưởng của cao độ mà một số lời hát bị thay đổi thanh điệu. Ví dụ: *thảo cầm viên- thảo cầm viên*.

** Giờ thể dục:*

Một số trò chơi luyện thở ta cũng có thể tổ chức trong các giờ thể dục.

** Giờ Làm quen chữ cái:*

Trong giờ Làm quen chữ cái, cô tổ chức cho trẻ phát âm các âm riêng lẻ của tiếng mẹ đẻ một cách chuẩn xác cũng như cô cần tổ chức các trò chơi với nội dung luyện phát âm khác nhau.

Ngoài ra, cô có thể tổ chức luyện phát âm cho trẻ ngoài giờ học, trong giờ đón trẻ, trả trẻ, trong các giờ vận động trong giờ chơi ngoài trời.

Trong thời gian này, cô có thể tổ chức luyện phát âm theo nhóm hay các nhân. Sẽ rất tốt cho việc phát triển khả năng phát âm cho trẻ nếu như hàng ngày vào buổi sáng, trước giờ thể dục sáng hay sau đó, cô có thể tổ chức luyện phát âm cho trẻ dưới hình thức tổ chức các trò chơi.

V. Một số dạng bài tập luyện phát âm cho trẻ

1. Luyện giọng làm ca sĩ

** Mục đích - yêu cầu:*

Luyện giọng và luyện phát âm đơn giản.

** Hướng dẫn:*

- Chơi tập thể cả lớp hoặc theo nhóm 5-7 trẻ.

- Cô và trẻ cùng đứng vòng tròn. Cô nói: “Các con hãy luyện giọng cùng cô”. Cô phát âm như sau để trẻ phát âm theo:

à a à à à a à á, ờ ó ơ ó ó, ề ề ê ê ê ê, bà ba bà bá ba bà bà, phà phà pha phá phà pha, thà thà tha thà thà tha...

- Khi trẻ đã phát âm tốt các âm trên, cô có thể cho trẻ luyện các âm thay đổi khác như: *Ba bô bê bô, na nu na nu nu, ma mà ma mê, pha phê phô phê....*

2. Chiếc đồng hồ

** Mục đích – yêu cầu:*

Trẻ phát âm và thực hiện các động tác theo đúng nhịp câu thơ.

** Hướng dẫn:*

- Chơi tập thể cả lớp theo nhóm 5-7 trẻ.

- Cô và trẻ đứng thành vòng tròn. Cô hướng dẫn trẻ đưa hai tay cầm lấy hai vành tai. Cô và trẻ cùng nói: “tích” và nghiêng người sang bên phải và nói “Tắc” và nghiêng người sang bên trái. Tiếp theo cô và trẻ cùng nói : “tích tắc, tích tắc” liên tục và nghiêng người sang phải rồi sang trái.

- Sau đó, cô cho trẻ nói câu dài hơn: “Đồng hồ tích tắc” và làm động tác nghiêng người sang hai bên theo nhịp 1/1.

- Cô và trẻ cùng đọc bài văn vần:

Tích tắc tích tắc

Đồng hồ quả lắc

Kim ngắn chỉ giờ

Kim dài chỉ phút.

Tích tắc tích tắc.

3. Bắt chước tiếng kêu của các con vật nuôi

** Mục đích yêu cầu*

Trẻ luyện phát âm tiếng kêu và vận động theo động tác của các con vật nuôi.

** Hướng dẫn*

- Chơi tập thể cả lớp.

- Cô và trẻ cùng đứng vòng tròn. Cô vừa gọi tên từng con vật vừa cùng trẻ phát âm tiếng kêu và làm động tác của các con vật nuôi 3- 4 lần.

+ Gà trống : vỗ hai bàn tay vào hông ba cái rồi phát âm ò ó o o...

+ Vịt: đưa hai bàn tay lên miệng giả làm mỏ vịt (một tay ngửa một tay úp), vỗ hai bàn tay vào nhau ba lần và phát âm “*cạc cạc cạc*”.

+ Dê: chông hai tay vào hông, gật đầu gật gật ba lần rồi phát âm “*be be be*”

+ Bò: chông hai tay vào hông, đầu lắc ba lần rồi phát âm “*úm bò*”.

+ Mèo: úp hai tay vào nhau và kê dưới má rồi phát âm “*meo meo meo*”

+ Chó: có hai cánh tay trước ngược, hai bàn tay đưa ra phía trước và cào cào vào không khí phát âm “*gâu gâu gâu*”

+ Ong: dang rộng hai tay hai bên, vẫy vẫy rồi phát âm “*bi bi bi*”.

Cô có thể thay đổi các âm thanh của con vật bằng các âm thanh của các phương tiện giao thông như: *kính cong kính cong* (Xe đạp), *bim bim bim* (xe máy), *bíp bíp bíp* (ô tô)...

4. Tiếng gọi trong rừng

** Mục đích – yêu cầu:*

Trẻ tập phát âm để luyện giọng.

** Hướng dẫn:*

- Chơi tập thể cả lớp hoặc theo nhóm 5- 7 trẻ

- Cô nói: “*Các con hãy tưởng tượng là chúng ta đang đi vào rừng, cần phải gọi nhau. Khi cô gọi tên của bạn nào thì cả lớp nhắc lại theo cô nhé!*”. Sau

đó cô lại gọi: “ *U u u, Lan ơi!*” và yêu cầu trẻ nhắc lại. Sau đó, cô cho gọi tiếp tên một trẻ khác. Cô cho trẻ chơi 4 -5 lần.

Câu hỏi tự học

1. Bằng những ví dụ cụ thể, anh (chị) hãy phân tích đặc điểm ngữ âm của trẻ giai đoạn tiền ngôn ngữ và giai đoạn ngôn ngữ chính thức.
2. Phân tích các nội dung luyện phát âm cho trẻ giai đoạn tiền ngôn ngữ và giai đoạn ngôn ngữ chính thức.
3. Trình bày các phương pháp, biện pháp được sử dụng để luyện phát âm cho trẻ.

Hướng dẫn tự học

1. Cần nắm đặc điểm ngữ âm cho trẻ ở các giai đoạn phát triển để từ đó xác định nội dung luyện phát âm cho trẻ phù hợp.

- Giai đoạn tiền ngôn ngữ (0 -12 tháng tuổi): giai đoạn này trẻ tập vận động cơ quan phát âm và phát ra âm bập bẹ; trẻ có khả năng nghe, phân biệt ngữ điệu lời nói của người thân, hiểu những câu nói đơn giản và thực hiện một số yêu cầu của người lớn.

- Giai đoạn tiền ngôn ngữ (1 - 6 tuổi): giai đoạn này trẻ có thể sử dụng ngôn ngữ chính thức, trẻ có khả năng phát âm đúng các âm vị, thanh điệu trong hệ thống ngữ âm và trong cấu trúc âm tiết tiếng Việt. Trẻ có thể sử dụng khá thành thạo ngữ điệu của lời nói trong từng ngữ huống giao tiếp cụ thể.

2. Phân tích được đầy đủ các nội dung luyện phát âm cho trẻ ở các giai đoạn.

- Giai đoạn tiền ngôn ngữ: luyện khả năng sự tập trung thính giác, thị giác, nghe hiểu các lời nói có nội dung đơn giản, dễ hiểu.

- Giai đoạn ngôn ngữ chính thức: luyện thính giác ngôn ngữ, luyện cơ quan phát âm, luyện thở, luyện giọng.

3. Nắm và vận dụng các phương pháp luyện phát âm cho trẻ phù hợp với từng giai đoạn phát triển:

- Giai đoạn tiền ngôn ngữ: trò chuyện, đàm thoại, cho trẻ tập phát âm theo mẫu các âm bập bẹ.

- Giai đoạn ngôn ngữ chính thức: luyện phát âm theo mẫu; luyện phát âm qua xem tranh vẽ, đồ dùng, đồ chơi; luyện phát âm qua các trò chơi; luyện phát âm qua đọc nhanh, diễn cảm các câu nói có vần

CHƯƠNG IV. PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CHO TRẺ

I. Khái niệm phương pháp phát triển vốn từ

Phát triển vốn từ cho trẻ là giúp trẻ nắm được nhiều từ, hiểu nghĩa của từ và biết sử dụng từ trong các tình huống trong giao tiếp.

Quá trình hình thành, củng cố và tích cực hoá vốn từ phải liên quan chặt chẽ với quá trình nhận thức của trẻ để hình thành cho trẻ biểu tượng về thế giới xung quanh. Bởi vì từ là một thể thống nhất giữa âm thanh và nội dung ý nghĩa. Cô giáo không phải cung cấp từ qua âm thanh (rõng) mà cung cấp cho trẻ những biểu tượng từ - khái niệm.

Để làm được tốt công việc đó phải cho trẻ chơi trực tiếp với đồ vật, đồ chơi tự nhiên và các hoạt động thực tiễn xung quanh trẻ.

Ví dụ: Quả cam: tròn vàng (xanh), vỏ sần sùi, có múi tép, hạt trắng.

II. Đặc điểm vốn từ của trẻ

1. Vốn từ xét về mặt số lượng

Từ 12 tháng trở đi, bên cạnh các âm bập bẹ xuất hiện các từ chủ động đầu tiên. ở 18 tháng tuổi, số lượng từ bình quân là 11 từ, cháu ít nhất là 0 từ, nhiều nhất là 25 từ (trường hợp đặc biệt có đến 45 từ) trẻ bắt chước người lớn lặp lại một số từ đơn giản gần gũi: *mẹ, bố, bà...* Từ 19-21 tháng, số lượng từ tăng nhanh. Đến 21 tháng trẻ đạt tới 220 từ. Giai đoạn 21- 24 tháng, tốc độ chậm lại, chỉ đạt 234 từ vào tháng 24, sau đó lại tăng tốc: 30 tháng đạt 434 từ, 36 tháng đạt 486 từ.

Đến năm thứ ba, trẻ đã sử dụng trên 500 từ, phần lớn là danh từ, động từ và tính từ và các loại khác rất ít. Danh từ chỉ đồ dùng đồ chơi, đồ dùng quen thuộc gần gũi như: *mèo, chó, chim...* Động từ chỉ hoạt động gần gũi của cháu với những người xung quanh.

Trẻ 4 tuổi có thể nắm xấp xỉ 700 từ. Ưu thế vẫn thuộc về danh từ, động từ. Hầu hết các loại từ xuất hiện trong vốn từ của trẻ.

Từ 5-6 tuổi vốn từ của trẻ tăng bình quân đến 1030 từ, tính từ và từ loại khác chiếm tỷ lệ cao hơn.

Tốc độ tăng vốn từ ở các độ tuổi khác nhau, chậm dần theo độ tuổi: cuối 3 tuổi so với và đầu 3 tuổi vốn từ tăng nhanh vốn từ tăng 10,7%; cuối 4 tuổi so với đầu 4 tuổi vốn từ tăng 40,58%, cuối 5 tuổi so với đầu 5 tuổi vốn từ tăng chỉ 10,40%, cuối 6 tuổi so với đầu 6 tuổi cũng chỉ tăng 10,01%.

Chúng ta có thể nhận ra quy luật tăng số lượng từ của trẻ như sau:

- Số lượng từ của trẻ tăng theo thời gian.
- Sự tăng tốc độ không đồng đều, có giai đoạn tăng nhanh, có giai đoạn tăng chậm.
- Trong năm thứ ba tốc độ tăng nhanh nhất.
- Từ 3- 6 tuổi tốc độ tăng vốn từ giảm dần.

2. Cơ cấu vốn từ xét về mặt từ loại

Cơ cấu từ loại trong vốn từ của trẻ là một tiêu chí để đánh giá chất lượng vốn từ. Tiếng Việt có 9 từ loại: danh từ, động từ, tính từ, đại từ, số từ, phụ từ, quan hệ từ, tình thái từ, trợ từ. Số lượng từ loại càng nhiều bao nhiêu thì càng tạo điều kiện cho trẻ diễn đạt thuận lợi bấy nhiêu. Các từ loại xuất hiện dần dần trong vốn từ của trẻ. Ban đầu chủ yếu là danh từ, sau đó là động từ và tính từ, các loại từ khác xuất hiện muộn hơn.

Đến 3- 4 tuổi, về cơ bản vốn từ của trẻ đã có đủ các loại từ. Tuy nhiên tỷ lệ danh từ và động từ cao hơn nhiều so với các loại khác: danh từ chiếm 38%, động từ chiếm 32%, còn lại là tính từ 6,8%, đại từ 3,1%, phụ từ 7,8%, tình thái từ 4,7%, và số từ còn xuất hiện ít (số từ 2,5 %, quan hệ từ 1,7%).

Giai đoạn 5- 6 tuổi cũng là giai đoạn hoàn thiện một bước cơ cấu từ loại trong vốn từ của trẻ. Tỷ lệ danh từ, động từ giảm đi (chỉ còn khoảng 50%) nhường chỗ cho tính từ và các loại từ khác tăng lên: tính từ đạt tới 15%.

3. Khả năng hiểu nghĩa từ của trẻ mẫu giáo

a. Khả năng hiểu nghĩa từ của trẻ mẫu giáo

Theo Fedorendo (Nga), ở trẻ em có 5 mức độ hiểu nghĩa khái quát của từ như sau:

+ Mức độ Zêro (mức độ chưa có sự khái quát): mỗi sự vật có tên gọi gắn với nó. Trẻ hiểu được ý nghĩa gọi tên này: *mẹ, bố, bàn, bát...*

+ Mức độ 1: ý nghĩa biểu niệm ở mức độ thấp, tên gọi chung của các sự vật cùng loại: *búp bê, bóng, cốc, nhà...*

+ Mức độ 2: Khái quát hơn: *quả* (quả cam), xe (xe đạp, xe ô tô), con (con gà, con chó).

+ Mức độ 3: ở mức độ cao hơn mà trẻ 5-6 tuổi có thể nắm được: *các phương tiện giao thông* (ô tô, tàu thủy, máy bay...); *đồ vật* (đồ chơi, đồ nấu ăn, đồ dùng học tập).

+ Mức độ 4: Khái quát tối đa, gồm những khái niệm trừu tượng: số lượng, chất lượng, hành động...

Đối với trẻ em lứa tuổi mầm non, khi ở tuổi nhà trẻ, trẻ hiểu được nghĩa biểu danh (mức độ zêro và mức độ 1). Mức độ 2 và mức độ 3 chỉ dành cho trẻ mẫu giáo, đặc biệt là mẫu giáo lớn.

b. Đặc điểm lĩnh hội vốn từ của trẻ mẫu giáo

Khi còn bé, những đồ vật hiện tượng xung quanh trẻ cũng như tên gọi của chúng chỉ thu hút sự chú ý của trẻ khi mà người lớn cho trẻ tiếp xúc trực tiếp với chúng. Trẻ sờ mó, nghe, cảm, nắm...

Ngay cả khi trẻ được 2 tuổi, trẻ cũng rất khó nhớ tên đồ vật nếu được nhìn mà không được tiếp xúc với nó. Từ mà trẻ sử dụng như là tên gọi riêng của từng đồ vật cụ thể, cần được củng cố, rèn luyện dần dần mà trẻ có thể sử dụng được như là một từ có ý nghĩa khái quát chung. M.M. Kosoba- một nhà sư phạm Nga đã quan sát quá trình hiểu nghĩa khái quát của từ của trẻ từ 12- 15 tháng. Với một nhóm trẻ, với quyển sách người ta tổ chức cho trẻ hành động 20 lần kèm theo từ

“sách” (*Hãy cầm quyển sách, hãy đặt sách xuống đây...*). Còn với nhóm trẻ thứ hai thì người ta chỉ nói: Đây là quyển sách và cho trẻ nhìn vào 20 quyển sách khác nhau mà không cho trẻ hành động với chúng. Kết quả là ở nhóm trẻ thứ nhất, từ “sách” trở thành từ có ý nghĩa khái quát, với nhóm trẻ thứ hai thì không có được kết quả như vậy.

E.I.Têkhiva đã nói: Trong sự phát triển ngôn ngữ trẻ em, các giác quan đóng vai trò quan trọng bậc nhất. Tri giác vật thể là hoạt động chính của trí tuệ trẻ em. Sự phát triển ngôn ngữ và cảm giác trẻ em liên hệ chặt chẽ với nhau. Vì vậy không nên tách rời công tác giáo dục ngôn ngữ với việc giáo dục cảm giác và tri giác.

Nhiệm vụ của trường mầm non là phải dạy trẻ hiểu được nghĩa chung của từ trên cơ sở tri giác trực tiếp với sự vật hiện tượng cụ thể.

Quá trình lĩnh hội từ của tiếng mẹ đẻ được diễn ra cùng lúc với việc trẻ tìm hiểu vật phù hợp với từ đó. Trẻ xem xét vật, sờ mó vuốt ve, lắng nghe, ngửi vật mà trẻ quan tâm đến trẻ sẽ đi vào nhận thức của trẻ qua các giác quan. Sự nhận thức cảm tính này sẽ phát triển những xúc cảm tương ứng kèm theo (thích, không thích...). Sau đó sự nhận thức cảm tính này cùng với từ sẽ được củng cố trong trí nhớ của trẻ như là một biểu tượng về vật. Khi nghe từ gọi vật đó trước hết sẽ gọi lên ở trẻ tất cả những xúc cảm, cảm giác mà trẻ đã trải qua khi tiếp xúc với vật.

Sau khi trẻ đã thu nhận cơ sở cảm xúc của từ, trẻ sẽ có khả năng hiểu nghĩa của từ. Chính vì vậy việc làm giàu vốn từ cho trẻ cần phải được tổ chức trong quá trình cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh, trong sinh hoạt xã hội, lao động của con người.

III. Nhiệm vụ phát triển vốn từ cho trẻ

1. Làm giàu vốn từ cho trẻ

Làm giàu vốn từ cho trẻ là làm phong phú vốn từ cho trẻ, giúp trẻ làm quen với từ mới thông qua việc tổ chức hướng dẫn làm quen với thế giới xung quanh có chủ động.

Như vậy ở độ tuổi nhà trẻ ta cần cung cấp cho trẻ những từ ngữ mang ý nghĩa cụ thể như các đồ vật trong gia đình, các con vật nuôi gần gũi, tên gọi người thân trong gia đình. Ví dụ: *cô chú, bố, mẹ, cây, hoa, chuối, cam, lợn, mèo...* Các động từ biểu thị hành động, trạng thái của con người hay con vật (ví dụ: *đi, chạy, nói, hát, nằm, ngủ...*). Các tính từ chỉ đặc điểm bên ngoài của sự vật (ví dụ: *to, nhỏ, đẹp, xấu...*)

ở độ tuổi mẫu giáo chúng ta cung cấp cho trẻ những từ mang ý nghĩa khái quát hơn (mức độ khái quát thứ hai, thứ ba), các từ láy âm, các tượng thanh, tượng hình có tác dụng làm cho người nghe hình dung được tiếng động, hình dáng của vật và làm quen với các từ ghép chính phụ ...

Khó khăn lớn đối với trẻ là những từ chỉ số lượng, những từ trừu tượng...

Đối với trẻ mẫu giáo nhỏ và mẫu giáo lớn cần cho trẻ biết một từ có thể mang nhiều nghĩa. Trên cơ sở nghĩa vốn có, có thể phát triển thêm nhiều nghĩa mới của từ.

Như vậy việc làm giàu vốn từ có ý nghĩa khái quát trừu tượng phải gắn liền với việc quan sát phân loại sự vật hiện tượng, hình ảnh trực quan cụ thể.

Ví dụ: - *Bạn Hoa đã đánh đổ nước ra bàn như thế là bạn ấy chưa cẩn thận.*

- *Bạn Dũng rất dũng cảm, ngã đau mà bạn ấy không khóc.*

2. Củng cố, chính xác hoá vốn từ cho trẻ

Củng cố, chính xác hoá vốn từ cho trẻ là giúp cho trẻ hiểu, nắm được ý nghĩa của từ trên cơ sở đối chiếu chính xác chúng với các đồ vật xung quanh; giúp trẻ lĩnh hội ý nghĩa của từ trên cơ sở phân biệt được những dấu hiệu đặc trưng của sự vật hiện tượng; thâm nhập vào thế giới hình tượng của lời nói và biết cách sử dụng chúng.

Củng cố vốn từ đặt ra yêu cầu cao đối với trẻ, trẻ phải hiểu nghĩa từ và nhớ từ để sử dụng từ một cách phù hợp.

Để hiểu từ, nhận thức của trẻ không chỉ dừng lại ở mức độ cảm giác về sự vật hiện tượng xung quanh mà các sự vật này phải trở thành biểu tượng. Như vậy trẻ phải quan sát tỉ mỉ và phải được nghe lời giảng giải của người lớn hay cô giáo để hiểu rõ nghĩa của từ.

Ví dụ: *Chảy máu cam là chảy máu mũi.*

Chạy một mạch là chạy không dừng lại.

Quá trình này kéo dài suốt lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ sẽ dần dần nắm được tính đa nghĩa của từ, nghĩa chính, nghĩa phụ, các lớp từ đồng nghĩa với những sắc thái tình cảm khác nhau, những từ biểu hiện khái niệm thời gian, không gian... Và cũng cần nhắc lại nhiều lần ý nghĩa của từ để củng cố vững chắc vốn từ cho trẻ.

3. Tích cực hoá vốn từ cho trẻ

Tích cực hoá vốn từ cho trẻ là giúp trẻ biết lựa chọn từ để sử dụng một cách chính xác, biểu cảm làm cho ngôn ngữ của trẻ mang sắc thái tu từ cũng như giúp trẻ biết sử dụng các phương tiện diễn cảm của từ.

Ví dụ: *Tắm – rửa*

(Tắm là quá trình cọ rửa toàn thân. Rửa chỉ là một hành động của tắm).

Giáo viên cần giúp trẻ biết lựa chọn từ ngữ để sử dụng một cách chính xác. Trẻ không những còn hiểu mà còn biết sử dụng từ một cách thành thạo. Từ ngữ của trẻ bình thường không phải là ít nhưng trẻ phải biết sử dụng các vốn từ ngữ này khi cần thiết. Cần phải giúp trẻ có một trí nhớ tốt linh hoạt để tìm ra những từ cần thiết cho sự diễn đạt. Tích cực hoá vốn từ giúp trẻ vận dụng từ ngữ thụ động chuyển sang chủ động.

Trong quá trình tích cực hoá vốn từ cho trẻ, cô giáo giúp cho trẻ hiểu một số biện pháp tu từ. Những biện pháp tu từ, đặc biệt là so sánh và nhân cách hoá, trẻ có thể tiếp thu và sử dụng từ ngữ một cách hồn nhiên:

- *Một đoàn máy bay Mỹ
Như một bầy quạ đen.*

- *Trăng tròn như mắt cá.*

Tóm lại, các nhiệm vụ của việc phát triển vốn từ có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Nhiệm vụ này được tiến hành trên cơ sở nhiệm vụ kia. Nếu không làm giàu vốn từ cho trẻ thì trẻ không thể lựa chọn và sử dụng một cách linh hoạt trong mọi hoàn cảnh giao tiếp.

IV. Nội dung vốn từ cần cung cấp cho trẻ theo độ tuổi

1. Các nguyên tắc cung cấp vốn từ cho trẻ

Trên cơ sở đặc điểm tư duy của trẻ, việc làm giàu vốn từ cho trẻ cần tiến hành theo các nguyên tắc sau:

- Việc mở rộng vốn từ phải gắn liền với việc tích cực cho trẻ tìm hiểu môi trường xung quanh, sử dụng trực tiếp các giác quan để cảm nhận sự vật.

- Việc mở rộng vốn từ phải được tiến hành từ dễ đến khó, từ gần đến xa, từ cụ thể đến trừu tượng.

2. Nội dung vốn từ cần cung cấp cho trẻ theo độ tuổi

a. Trẻ 0-1 tuổi

Dạy trẻ tên gọi một vài sự vật, hành động gần gũi, quen thuộc đối với trẻ.

Ví dụ: *bà, bố, mẹ, đi, gà, ăn (mắm), chào (ạ)..*

Đến cuối năm thứ nhất, dạy trẻ cùng một lúc nhận ra 2 đồ vật quen thuộc có hình dáng khác hẳn nhau, để ở vị trí khác nhau. Dạy trẻ biết tên mình, một vài tên bạn trong nhóm. Dạy trẻ biết một làm một số động tác: đứng lên, ngồi xuống, bắt tay, vỗ tay...

b. Trẻ 1 -2 tuổi

- Trẻ 12 - 18 tháng

Dạy trẻ tên gọi một số đồ dùng đồ chơi, đồ dùng quen thuộc gần gũi với trẻ (*ô tô, em bé, gà, thỏ, bát thìa, cốc, áo, dép...*), biết tên gọi một số bộ phận mình, cơ thể búp bê và các con vật (*mắt, mồm, tay, chân...*)

Tiếp tục dạy trẻ biết tên gọi của mình, của một số bạn bè trong lớp, biết thực hiện một số yêu cầu của cô (*nhìn, đi, ngồi, nằm, ăn, đưa, lấy...*), biết một số hành động thường gặp (*đi, nằm, ăn, nhìn...*).

- Trẻ 18-24 tháng

Dạy trẻ biết tên gọi của các sự vật mà trẻ tiếp xúc, hoạt động hàng ngày theo các chủ đề khác nhau.

Ví dụ: Về áo quần: *áo, quần...*

Về đồ dùng để ăn uống: *bát thìa, cốc chén...*

Về đồ chơi: *ô tô, búp bê, em bé...*

Dạy trẻ biết tên gọi của một số hành động với các đồ vật mà trẻ sử dụng hàng ngày.

Ví dụ: *Bé em bé (búp bê), ru bé ngủ.*

Xúc cháo (cháo)

Mặc áo (quần)

Đội mũ.

Tiếp tục dạy trẻ tên gọi của các bộ phận của một số động vật. Dạy trẻ tên gọi của một số màu sắc (*xanh, đỏ, vàng*), tên gọi kích thước (*to, nhỏ, bé*) của một số đồ vật.

Dạy trẻ biết tên gọi của một số công việc của cô giáo (*chơi với cháu, cho cháu ăn, hát, múa...*).

c. Trẻ 2-3 tuổi

Tiếp tục mở rộng sự hiểu biết của trẻ về các sự vật hiện tượng gần gũi trẻ nhìn thấy trên đường phố, công viên và những nơi trẻ đi qua.

Dạy trẻ hiểu sâu hơn về các sự vật: biết tên gọi các phần chi tiết, biến dạng kích thước, màu sắc, mùi vị, đặc điểm và tính chất của vật.

Dạy trẻ phân biệt các nhóm đồ vật và biết khái quát bằng 1 từ, không phụ thuộc vào màu sắc, kích thước.

Dạy trẻ biết tên nhà trường mầm non, biết tên cô giáo trong lớp và tên bố mẹ, địa chỉ gia đình.

Dạy trẻ những từ biểu thị công việc của cô giáo, bác sĩ và bác cấp dưỡng.

d. Trẻ 3 - 4 tuổi

Gọi tên chính xác các đồ dùng ăn uống, các phương tiện giao thông khác nhau đã quen thuộc với trẻ.

Trong những từ biểu thị tính chất, đặc điểm của sự vật, phân biệt các phần, chi tiết của vật và kích thước của chúng (ví dụ: *to hơn, nhỏ hơn, rộng hơn, dài hơn, ngắn hơn...*).

Dạy trẻ phân biệt mối quan hệ không gian, thời gian, các buổi trong ngày (ví dụ: *sáng, chiều, tối, trước, sau, phải trái...*).

Mở rộng vốn từ biểu thị tên gọi về màu sắc, hình dáng, mùi vị của các con vật, đồ vật với những từ biểu thị tính chất (*nhẹ, nặng, nóng, lạnh, mượt...*), đặc điểm (*dễ gãy, dễ vỡ, dễ đứt...*).

Dạy trẻ biết phân biệt một số từ biểu thị đồ vật quen thuộc theo dấu hiệu đặc trưng, trên cơ sở nắm vững những từ khái quát biểu thị những đồ vật.

Ví dụ: *Ghế (ghế con, ghế đầu, ghế nhựa...)*

Thìa (to, nhỏ, nhôm, nhựa...)

Giày (to, nhỏ, vải, da...)

Làm quen với các nghề nghiệp: cô giáo, hiệu trưởng, người bán hàng, công nhân xây dựng... và đưa vào những từ chỉ tính chất của lao động (ví dụ: *làm việc nhanh, cẩn thận, đoàn kết, vui vẻ...*).

e. Trẻ 4 - 5 tuổi

Đưa vào vốn từ chủ động của trẻ tên gọi tất cả các sự vật mà trẻ được tiếp xúc trong cuộc sống, những từ biểu thị khái niệm (rau, quả, quần áo, đồ chơi, đồ dùng ăn uống) trên cơ sở phân tích, tổng hợp những đặc điểm đặc trưng.

Làm quen với nghề nghiệp của bố mẹ, chú lái xe...Đưa vào các từ biểu thị tính chất hoạt động, biểu thị quan hệ của con người lao động, những từ biểu thị tên gọi dụng cụ lao động (*cuốc, xẻng, cày, dao...*).

Đưa vào vốn từ của trẻ những từ mang tính chất văn học, những từ tượng hình, tượng thanh, từ đồng nghĩa, trái nghĩa đơn giản.

g. Trẻ 5 - 6 tuổi

Tiếp tục đưa vào vốn từ của trẻ những từ biểu thị đặc điểm, tính chất, biểu thị mức độ, tính chất của sự vật (*đỏ thẫm, đỏ đỏ, xanh thẫm, xanh lá cây, hơi chua, chua loét...*)

Tiếp tục tăng cường những từ biểu thị nghề nghiệp, thái độ của con người trong lao động (*cẩn thận, thích thú, biết làm, cố gắng...*), những từ văn học ...

V. Phương pháp phát triển vốn từ cho trẻ

*** Một số điều cần lưu ý:**

- Đối với những từ mới và từ khó, giáo viên cần phát âm to và rõ ràng để trẻ dễ tiếp thu; cần lắng nghe các cháu nhắc lại từng từ và nếu cần thì sửa lỗi ngay.

- Dạy trẻ cần phải kèm theo với cho trẻ xem vật thật hoặc đủ dùng , tranh minh họa.

- Đặt từ mới trong cấu trúc câu (ngữ cảnh) để trẻ thấy được sự liên hệ của các từ ấy với các từ khác.

1. Nhóm phương pháp trực quan

a. Hướng dẫn trẻ quan sát

Dạy trẻ quan sát là dạy trẻ biết xem xét, phân tích, so sánh để tìm ra những đặc điểm, thuộc tính của đối tượng quan sát, và về các mối quan hệ của nó với môi trường xung quanh. Trong quá trình quan sát các giác quan được huy động (tai nghe, mắt nhìn, tay sờ mó...)

Hướng dẫn trẻ quan sát là quá trình có mục đích, có kế hoạch, thứ tự đi từ phân tích mặt này đến sự phân tích mặt kia, vừa đưa ra từ mới vừa củng cố từ cũ.

Ví dụ: quan sát xe ô tô tải, hướng dẫn trẻ nhìn tổng thể các bộ phận: buồng lái, thùng xe, các bánh xe. Đi vào quan sát buồng lái trước - thùng xe - gầm xe (bao gồm các bánh xe)...

* Chuẩn bị cho trẻ quan sát:

+ Chọn đối tượng phù hợp: với trẻ thì cần chọn đối tượng đẹp, hấp dẫn, lôi cuốn sự chú ý.

+ Chọn những kiến thức cần thiết: xe tải to, nặng (có cả xe tải nhỏ và xe tải to), để chở đồ đạc, hành lý...

+ Chọn các từ ngữ phù hợp (những từ mới cần cung cấp, những từ khó cần giải thích...).

+ Chọn những bài hát, trò chơi để tăng sự hấp dẫn cho hoạt động.

* Tổ chức quan sát:

+ Bắt đầu bằng một số bài thơ, câu đố, bài hát phù hợp.

+ Bắt đầu quan sát, cô cho trẻ các cháu tự do trao đổi những nhận xét đầu tiên và lắng nghe, chú ý đến vốn từ của trẻ được sử dụng như thế nào.

+ Cô tiến hành hướng dẫn sự quan sát của trẻ theo mục đích đã đặt ra.

Tri giác của trẻ cần gắn liền với các từ ngữ (cô đã chuẩn bị đã chuẩn bị trước)... Tuy nhiên, cô cũng không hạn chế các từ ngữ do trẻ tự sử dụng.

+ Cô chú ý cho trẻ quan sát kỹ và được nói nhiều, các từ ngữ mới nêu được nhắc đi nhắc lại, kết hợp với tri giác với các sự vật hiện tượng.

+ Cần lưu ý cung cấp cả những từ thể hiện tính chất của sự vật: vải mềm, cứng; da dày, mỏng...

* *Củng cố kiến thức*: Bằng các bài thơ, câu đố, bài hát. Cần củng cố các kiến thức học được ở các tiết học sau.

b. Cho trẻ xem tranh

Trẻ nhỏ rất thích xem tranh, những tranh đẹp vừa có nội dung vừa phát triển vốn từ vừa có tác dụng giáo dục thẩm mỹ nghệ thuật cho trẻ. Khi miêu tả bức tranh, trẻ tiếp thu những từ mới, đồng thời huy động cả vốn từ cũ nữa.

Khi xem tranh trẻ thường chú ý một cách tản mạn, trẻ chỉ tập trung vào những gì thích thú nhất. Nhiệm vụ của cô giáo hướng dẫn sự quan sát của trẻ đi theo trình tự. Đầu tiên nhìn toàn bộ bức tranh để hiểu bức tranh vẽ gì, sau đó mới quan sát từng chi tiết. Để làm được vậy cô giáo cần phải hiểu nội dung bức tranh.

Có thể dùng các câu hỏi sau :

+ Chúng mình đặt tên cho bức tranh này là gì?

+ Bức tranh vẽ ai, cái gì?

+ Cháu hãy kể một câu chuyện về bức tranh.

c. Sử dụng đồ chơi để phát triển vốn từ

Đồ chơi là vật dụng gần gũi đối với trẻ. Sử dụng đồ chơi để phát triển vốn từ cũng rất thuận lợi.

Vì vậy phải lựa chọn đồ chơi phù hợp với lứa tuổi. ở lớp bé đồ chơi cần đơn giản, một khối. Trẻ có thể sử dụng các đồ chơi lắp ghép nhiều bộ phận đơn giản.

Có thể sử dụng nhiều đồ chơi khác nhau một lúc. Ban đầu chúng được giấu kín ở trong túi, sau được đưa ra lần lượt cho trẻ xem, sử dụng, trao đổi về nó. Trẻ phải gọi tên chính xác đồ chơi, màu sắc và các bộ phận của nó.

2. Nhóm phương pháp dùng lời

a. Nói chuyện với trẻ

Đây là phương pháp chính hướng dẫn trẻ làm quen với thế giới xung quanh. Các câu hỏi có tác dụng hướng sự chú ý của trẻ tới đối tượng cần nhận thức, dạy trẻ biết quan sát đối tượng một cách tổng thể cũng như quan sát tỉ mỉ các đối tượng, các đặc điểm, tính chất, mối quan hệ của các sự vật, hiện tượng thiên nhiên. Các câu hỏi cũng đồng thời kích thích trẻ nói, gọi tên hoặc mô tả các đối tượng quan sát. Qua đó, vốn từ của trẻ ngày càng mở rộng hơn. Cần chú ý sao cho câu hỏi đa dạng buộc trẻ trả lời bằng các từ loại khác nhau: hỏi về tên gọi, đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động...

Ví dụ: - Câu hỏi về tên gọi các loại quả, cây cối, con vật: *cây gì đây? con gì đây? Quả gì?*

- Câu hỏi về công dụng của các đồ vật: *Cái này dùng để làm gì?*

- Câu hỏi về tính chất, đặc điểm của các sự vật, hiện tượng: *như thế nào?*

Khi trò chuyện, cô giáo có thể sử dụng nhiều phối hợp một số thủ thuật: nói mẫu, nhắc lại, giảng giải, khen ngợi.

b. *Biện pháp sử dụng lời kể của cô giáo*: Lời kể của cô giáo dễ gây hứng thú cho trẻ khi cho trẻ quan sát và giúp trẻ tri giác toàn bộ đối tượng, thấy được mối quan hệ giữa các sự vật hiện tượng; điều này làm cho trẻ hiểu đầy đủ ý nghĩa của từ hơn. Lời kể của cô giáo còn tạo ra sự mẫu mực về ngôn ngữ để trẻ nói theo (giọng nói, ngữ điệu, điệu bộ).

c. *Cho trẻ kể chuyện* là một biện pháp tích cực hoá vốn từ cho trẻ. Khi trẻ tự kể chuyện, trẻ sẽ gọi tên, kể ra các đặc điểm của sự vật hiện tượng trẻ quan sát được, nghe được.

d. Giảng giải

d1. Giảng giải bằng quan sát kết hợp với lời giải thích

Để giải thích cho trẻ hiểu nghĩa của từ trước hết cần lựa chọn từ có nghĩa cụ thể. Có như vậy thì việc sử dụng đồ dùng trực quan kết hợp với lời giải thích mới có hiệu quả.

Ví dụ: Trong bài thơ “*Giữa vòng gió thom*” có thể lựa chọn một số từ có ý nghĩa cụ thể có thể giải thích:

“*Khép rủ*” trong câu “*Cánh màn khép rủ*”.

“*Phe phẩy*” trong câu “*Phe phẩy quạt nan*”.

“*Rung rinh*” trong câu “*Rung rinh góc màn*”.

Để giải thích được những từ này cô cần phải lựa chọn đồ dùng trực quan phù hợp với từ đó, kết hợp với lời giải thích. Lời giải giảng của cô cần phải ngắn gọn, cô đọng, dễ hiểu và hấp dẫn đối với trẻ.

Ví dụ: Trong bài thơ: “*Giữa vòng gió thom*”

Giải thích từ “*Khép rủ*” trong “*Cánh màn khép rủ*” cô cho trẻ quan sát một bức tranh vẽ một căn nhà nhỏ có một giường, có người nằm bên trong, màn thì vẫn buông xuống, hai cánh màn khép lại. Cô vừa chỉ lại vào bức tranh và dùng lời giải thích cho trẻ hiểu là bà bị ốm nằm trên giường, màn thì buông xuống, cánh màn khép lại, chỉ “*khép rủ*” tác giả muốn nói tới cảnh bà bị ốm, không gian âm thầm và buồn bã.

d2. Biện pháp đối chiếu so sánh với những từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa.

Đây là biện pháp nhằm giúp trẻ hiểu sâu nghĩa của từ hoặc làm nổi bật nghĩa của từ.

Khi lựa chọn cách giải thích này cô cần lựa chọn những từ trẻ đã biết phù hợp với khả năng nhận biết của trẻ. Nếu cô dùng những từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa mà trẻ chưa biết thì trẻ sẽ không hiểu được nghĩa của từ.

Ví dụ: Để giải nghĩa của từ “*chịu khó*” thì chúng ta có thể dùng từ “*chăm chỉ*”.

d3. Biện pháp dùng lời để định nghĩa khái niệm, nêu lên những nét đặc trưng trong nghĩa của từ.

Sử dụng biện pháp này là dựa vào cách miêu tả ngôn ngữ như các từ điển học vẫn được sử dụng trong các từ điển để giải thích. Dùng định nghĩa để giải thích nghĩa của từ, giáo viên có thể cung cấp cho trẻ nghĩa của từ một cách tương đối đầy đủ, thấy được cấu trúc bên trong của từ.

Ví dụ: Để giúp trẻ hiểu được từ “*tiền tuyến*” trong câu thơ “*Chú đi tiền tuyến nửa đêm chú về*” thì giáo viên có thể dùng cách giải thích ngắn gọn nhất là: *nơi có giặc*

d4. Biện pháp đặt từ vào ngữ cảnh giao tiếp có thể giúp trẻ hiểu bằng cách đưa từ đó vào những ngữ cảnh cụ thể quen thuộc đối với trẻ. Ngữ cảnh đó có chứa các từ cần giải thích, hay là một tình huống giao tiếp cụ thể.

Trẻ có thể dựa vào vốn từ đã có của mình, dựa vào những kết hợp ngôn ngữ, nhờ hoàn cảnh ngôn ngữ, nhờ những mối liên tưởng nhất định và cũng nhờ mối quan hệ với các từ khác trong câu mà trẻ hiểu nghĩa của từ. Giáo viên không giải thích lòng vòng hay dùng ngay văn cảnh để giải thích.

Ví dụ: *Hôm nay các con chơi có thích không? – Thích ạ.*

3. Phương pháp trò chơi

Ngôn ngữ và tư duy có quan hệ chặt chẽ với hoạt động của con người. Hoạt động chủ đạo là trẻ là hoạt động chơi. Vì vậy trò chơi là một phương pháp phát triển từ rất tốt cho trẻ. Trong khi chơi, trẻ tái tạo những biểu tượng mà trẻ đã tri giác được bằng cách hành động thực tiễn và bằng ngôn ngữ. Mỗi vật có tên riêng, mỗi hành động có một động từ riêng biểu thị. Giáo viên cần tổ chức cho trẻ có điều kiện tăng cường hoạt động ngôn ngữ.

Để củng cố và tích cực hoá vốn từ cho trẻ ta thường dùng các loại trò chơi sau:

a. *Chơi gọi từ*: trò chơi nhằm giúp trẻ tên gọi tên đồ vật, đồ chơi, hiện tượng. Qua đó củng cố một số danh từ cho trẻ. Trò chơi này thường sử dụng ở mẫu giáo bé. Ví dụ:

- Con gì biết nhảy?

- Con gì biết bay?

- Con gì bắt chuột?

b. *Chơi miêu tả vật thể*: Trò chơi yêu cầu trẻ miêu tả hình dáng, kích thước, màu sắc, tính chất... Việc miêu tả thường gắn liền với việc sử dụng động từ, tính từ... Trò chơi tùy mức độ có thể dùng cho 3 lứa tuổi.

Ví dụ:

* Trò chơi *Cái túi kỳ diệu*: cho từng trẻ thò tay vào túi lấy ra một vật, gọi tên và miêu tả vật đó (đặc điểm, công dụng) hoặc trò chơi chọn định ngữ cho vật thể. Cô nói: *Quả bóng*, trẻ sẽ nói tên màu sắc chất liệu hoặc công dụng: *to, nhỏ, bay, thối*...Hoặc trò chơi: Chọn vị ngữ cho vật thể. Cô nói: *Con ngựa*, trẻ nói: *Kéo, chạy, hí, phi*...

* Trò chơi so sánh sắc thái của từ: Cô nói: *Nhà*; trẻ sẽ nói: *To, bé, rộng hẹp*...

c. *Trò chơi phân loại vật thể*: có tác dụng củng cố từ có tính chất khái quát cao. Trò chơi này thường áp dụng cho trẻ mẫu giáo nhỏ và lớn.

Ví dụ: Cô hỏi: *Phương tiện giao thông gồm những loại nào?*

Trẻ trả lời: *Ôtô, xe máy, xe đạp, máy bay*...

d. *Trò chơi so sánh sự vật hiện tượng*: trò chơi này sẽ giúp trẻ hiểu sâu hơn nghĩa của từ, biết tìm ra những từ có ý nghĩa đối lập để sử dụng

Ví dụ: Cô nói: *to*. Trẻ sẽ nói : *nhỏ*.

Cô nói : *lớn*. Trẻ sẽ nói: *bé*

đ. *Trò chơi đố giải*: cũng là một hình thức chơi bằng từ rất tốt, giúp trẻ củng cố và nhận thức vốn từ và sử dụng từ. Khi lựa chọn câu đố cô cần dựa vào khả năng hiểu biết của trẻ, hoặc phải chuẩn bị trước kiến thức cho trẻ.

Ví dụ:

- *Trái gì vừa nhẵn vừa tròn*

Bé chuyên bé đá lon ton suốt ngày. (Quả bóng)

- *Cái gì đỏ ối*

Mọc ở phương đông

Toả ánh nắng hong

Lung linh sương sớm. (Mặt trời)

e. *Trò chơi đóng kịch:* là một phương tiện tốt để phát triển vốn từ cho trẻ: phát triển và tích cực hoá vốn từ. Trong mỗi vai đóng trẻ phải thuộc lời thoại, biết được ngữ điệu, hành động của nhân vật. Qua đó trẻ sẽ hiểu sâu hơn nghĩa của từ và biết cách sử dụng chúng.

V. Các hình thức phát triển vốn từ cho trẻ

1. Đối với trẻ 0-3 tuổi

a. *Phát triển vốn từ thông qua tiết Nhận biết tập nói* (Độ tuổi nhà trẻ)

* Tiết Nhận biết tập nói là tiết học nhằm hướng dẫn trẻ xem xét sự vật hiện tượng xung quanh gần gũi với trẻ, giúp trẻ nhận biết được sự vật với những đặc điểm, cấu tạo của sự vật, hành động với sự vật. Trên cơ sở đó cung cấp những từ ngữ tương ứng.

* *Yêu cầu của tiết Nhận biết tập nói:*

- Phải có trực quan.

- Mỗi biểu tượng được cung cấp ngay một từ tương ứng. Tiết học phải được tiến hành từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ ngoài vào trong, từ gần đến xa, từ cụ thể đến trừu tượng.

* *Phương pháp hướng dẫn thực hiện tiết Nhận biết tập nói*

Tiết này thực hiện ở tất cả các nhóm trẻ ở các độ tuổi nhà trẻ. ở mỗi độ tuổi có một nội dung và phương pháp hướng dẫn khác nhau. Tuy nhiên, hiện nay ở trường mầm non chỉ có nhóm trẻ từ 12 tháng đến 36 tháng.

- Nhóm trẻ từ 12- 18 tháng:

Nhóm này tiếp tục cho trẻ tiếp tục phát triển khả năng hiểu lời nói, tăng vốn từ chủ động cho trẻ. Cho trẻ tiếp xúc với vật thật (đồ chơi, tranh ảnh...), dạy

trẻ nhận biết vật đó, tên gọi, đồng thời dạy trẻ nhận biết tên gọi và 2-3 đặc điểm, chi tiết của vật. Cô có thể cho trẻ được cầm vật cần dạy để trẻ quan sát, xem xét nhận biết hoạt động với nó. Sau đó cô hỏi trẻ: Con gì đây? Cái gì đây? Mắt (mồm, chân, tay...) đâu? Trong khi dạy, nếu trẻ không chú ý, cô có thể sử dụng thủ pháp dấu vật để thu hút sự chú ý của trẻ. Thời gian dành cho hoạt động này 5-7 phút. Khi dạy cô cần sử dụng những câu nói ngắn gọn, dễ hiểu...

- Nhóm trẻ từ 18 -24 tháng:

ở nhóm này tiếp tục phát triển vốn từ cho trẻ, phát triển khả năng nói, dạy trẻ biết sử dụng từ trong một câu trọn vẹn (câu khoảng 4- 6 từ). Trong độ tuổi này cô có thể dạy cho trẻ theo 4 chủ đề: hoa, quả, con vật, đồ vật. Mỗi chủ đề làm quen với 4 - 5 đối tượng, trên một tiết học cho trẻ làm quen với một đối tượng, biết tên gọi, 4 - 5 chi tiết hoặc công dụng. Cô có thể cho trẻ được quan sát đối tượng, giới thiệu tên gọi, chi tiết, công dụng, hoạt động và đồng thời dạy nói cho trẻ. Thời gian dạy là 10- 12 phút, dạy trên nhóm trẻ 5 - 6 cháu.

- Nhóm trẻ 24 - 36 tháng:

Cô dạy cho trẻ theo từng chủ đề, mỗi chủ đề hai loại bài:

Loại 1: Dạy trẻ từng vật riêng lẻ, dạy trẻ tên gọi của vật, các chi tiết của vật (4-5 đặc điểm, chi tiết, cấu tạo, công dụng..).

Loại 2: Dạy trẻ ở mức độ khái quát theo thể loại

Ví dụ: Các loại hoa, các loại quả, các phương tiện giao thông...

Trên tiết học có thể thực hiện trên 6-8 trẻ và thời gian là 12- 18 phút.

*** Cấu trúc tiết Nhận biết tập nói:**

- Chuyển từ hoạt động chơi sang hoạt động học.

- Cô giới thiệu vật cần dạy: cô giới thiệu ngắn gọn, hấp dẫn thông qua việc bắt chước tiếng kêu, dấu vật để trẻ tìm, đoán hoặc có thể trực tiếp cho trẻ cầm, nắm, ngửi... vật hoặc chơi với vật.

- Cô hướng dẫn trẻ nhận biết tập nói: đầu tiên cô giới thiệu tên gọi của vật bằng (nếu đồ vật mà trẻ quen thuộc thì, cô có thể hỏi trẻ: cái gì đây?), sau đó giới thiệu các chi tiết, đặc điểm của vật, rồi cô cho trẻ nhận biết và tập nói bằng các câu hỏi:

- + (Vật) đâu? (cô gọi tên vật). Ví dụ: *Gà đâu? Ôtô đâu?*
- + (Chi tiết) đâu? Ví dụ: *Chân gà đâu? Bánh ô tô đâu?*
- + Cháu hãy nói “.....”, cô dùng phương pháp bắt chước.

Ví dụ: Cháu nói đi: “*Ô tô*”

- + Cái gì đây?
- + Màu gì đây?
- + Vật (kêu) chạy... như thế nào?

Ví dụ: Ô tô kêu như thế nào?

Nếu trẻ không trả lời được, cô có thể cho mỗi trẻ cầm một vật để trẻ được hoạt động, được chơi với đồ vật đó. Cô kết hợp vừa cho trẻ chơi vừa hỏi trẻ. Cô cần động viên khen ngợi trẻ ngay trong quá trình dạy, phải phát huy tính cực của trẻ.

- **Củng cố:**

Cô nhắc lại tên gọi của vật, của các chi tiết, đặc điểm của vật.

- **Kết thúc tiết học của trẻ:**

Sau khi củng cố, cô khen trẻ, cô có thể khéo léo nhắc những trẻ chưa chú ý đi học. Nhất là đối với trẻ nhóm 24- 36 tháng, khi trẻ đã phần nào hiểu biết được yêu cầu với cô.

b. Phát triển vốn từ trong giao tiếp

Giờ chơi chiếm nhiều thời gian trong tất cả các hoạt động trong này của trẻ, vì thế trong giờ chơi, cô giáo có rất nhiều điều kiện để phát triển vốn từ cho trẻ.

Cô tăng cường trò chuyện với trẻ trong khi chơi, đồng thời dạy trẻ nói thông qua việc tiếp xúc với đồ chơi.

2. Đối với trẻ 3 - 6 tuổi

a. Phát triển vốn từ thông qua giao tiếp tự do

Trẻ 3 tuổi đang ở giai đoạn đầu tiên của các câu hỏi. Trẻ muốn biết tên gọi của tất cả những gì mà trẻ nhìn thấy. Sự tò mò của trẻ ở giai đoạn này trước hết mang tính chất ngôn ngữ học. Trẻ thích thú các từ cũng như thích thú bản chất của sự vật, hiện tượng được gọi bằng từ đó. Cô cần có kế hoạch đưa thêm các từ mới bằng cho trẻ chơi thêm các đồ chơi .

Đối với trẻ 4-5 tuổi và 5- 6 tuổi trong giao tiếp tự do, cô có thể sử dụng câu đó để củng cố, tích cực hoá vốn từ cho trẻ, giúp trẻ hiểu rõ ý nghĩa của từ.

c. Phát triển ngôn ngữ thông qua các tiết học

- Tiết học “Làm quen môi trường xung quanh” cung cấp một số lượng lớn các từ. Để những tiết học này có hiệu quả cao trong việc phát triển vốn từ cho trẻ, cô cần phải thực hiện tốt những yêu cầu chung của tiết học.

- Tiết “Làm quen với tác phẩm văn học” cung cấp cho trẻ những từ có hình ảnh. Trên những tiết học này cô cần chú ý giải thích những từ của tác giả. Nhưng phải giải thích, giảng giải rõ ràng, dễ hiểu, có thể dùng trực quan. Những từ tượng hình, có ý nghĩa khái quát cao. Cô cố gắng không nên giải thích. Trẻ có thể hiểu dần dần thông qua việc hiểu toàn bộ nội dung của tác phẩm, thông qua việc cảm nhận tác phẩm.

VII. Một số yêu cầu cần đạt được khi phát triển vốn từ cho trẻ

1. Gọi tên

Trẻ lứa tuổi nhà trẻ và mẫu giáo, biểu tượng về các sự vật hiện tượng đang được hình thành. Cho nên để phát triển vốn từ cho trẻ, giáo viên cần cho trẻ quan sát các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ. Trong quá trình tri giác, người lớn giúp trẻ gọi tên các sự vật hiện tượng đó. Từ đó trẻ xác định được mối quan hệ giữa

lời nói với những sự vật hiện tượng mà trẻ thấy. Trẻ học gắn từ ngữ với các hành động mà trẻ tiếp xúc hàng ngày. Đó là bước quan trọng trong việc hình thành cơ chế phức tạp để phát triển lời nói cho trẻ.

Lúc đầu trẻ bắt chước các từ, mặc dù chưa hiểu nghĩa của từ, dần dần trẻ hiểu nghĩa của từ qua các sự vật hiện tượng. Hiểu và trả lời các câu hỏi: *Con gì? cái gì? đâu? Đi đâu? Của ai?*

2. Miêu tả

Trong quá trình trẻ tri giác các sự vật hiện tượng, tùy theo khả năng nhận thức của trẻ theo từng lứa tuổi mà chúng ta cung cấp cho trẻ các từ chỉ đặc điểm, phẩm chất của sự vật hiện tượng để trẻ có thể miêu tả được đặc điểm sự vật hiện tượng đó. Ví dụ: Quả cam có hình tròn, da sần, ăn có vị chua ...

Trong quá trình quan sát, cô không nói ngay tên gọi, đặc điểm của vật mà đặt những câu hỏi đơn giản, dễ hiểu, ngắn gọn chính xác để định hướng sự chú ý của trẻ và phát huy chủ động tích cực của trẻ. Nếu trẻ không trả lời được thì cô nói cho trẻ biết và đặt câu hỏi để trẻ trả lời lại. Trong khi luyện tập, cô nên đưa ra nhiều dạng câu hỏi khác nhau để trẻ miêu tả sự vật hiện tượng...

Để trẻ có thể miêu tả lại được tốt thì cô giáo cần chú ý lựa chọn các đồ vật, đồ chơi phù hợp, gần gũi có đặc điểm nổi bật, màu sắc đẹp, hấp dẫn đối với trẻ.

Dần dần chúng ta cung cấp cho trẻ những từ trừu tượng, từ tượng thanh, tượng hình.

Ví dụ: *Gió thổi vù vù.*

Cái cốc thủy tinh trong suốt.

3. So sánh

Với trẻ mẫu giáo nhỏ và lớn, cần cung cấp cho trẻ những từ so sánh để trẻ luyện kỹ năng so sánh các sự vật hiện tượng. Trẻ so sánh tốt thì tư duy mới phát triển được.

Mức độ so sánh đơn giản là so sánh sự vật này với sự vật kia về kích thước, hình dạng, về màu sắc.

Ví dụ: *Con búp bê này to hơn con búp bê kia.*

Quả nhanh chua hơn quả cam.

Dần dần dạy trẻ so sánh ví von trong các mối liên quan với các sự vật hiện tượng quen thuộc.

Ví dụ: *Mặt trời đỏ như lửa.*

Trăng đêm rằm tròn như quả bóng.

Trăng khuyết trông giống con thuyền trôi.

So sánh trong hệ thống cùng nghĩa ở mức độ khác nhau.

Ví dụ: *đỏ đỏ, đỏ thắm, đỏ rực...*

chua chua, chua loét...

4. Phân loại

Phân loại vật thể cho trẻ mẫu giáo bé và tập trung nhiều vào mẫu giáo nhỡ và mẫu giáo lớn. Biết phân loại vật thể sẽ góp phần giúp trẻ phát triển vốn từ có ý nghĩa khái quát.

Ví dụ:

- Phân loại đồ dùng gia đình, có:

+ Phân loại đồ dùng theo công dụng:

Bát, đĩa, thìa, đũa - Đồ dùng để ăn

Quần áo, giày dép - Đồ dùng để mặc

Cà, cốc, ly, chén, tách - Đồ dùng để uống.

+ Phân loại đồ dùng theo chất liệu:

Giường, tủ, bàn, ghế - Đồ gỗ

Bát, đĩa, chén - Đồ dùng bằng sứ

Cốc, ly, chai, lọ... dùng bằng thủy tinh.

- Phân loại các phương tiện giao thông

Tàu thủy, canô, xà lan, thuyền... là phương tiện giao thông đường thủy
Tàu hoả, xe đạp, xe máy, xích lô, ô tô, tac-xi, xe lam ... là phương tiện
giao thông đường bộ.

VIII. Một số dạng bài tập tham khảo cho các độ tuổi

1. Trò chơi “Nói nhanh tên con vật”

* *Mục đích yêu cầu:*

Trẻ nhớ từ và phản ứng nhanh về ngôn ngữ.

* *Hướng dẫn:*

- Chơi tập thể cả lớp hoặc theo nhóm 5- 7 trẻ.

- Cô và trẻ đứng thành vòng tròn. Cô đập nhẹ vào vai trẻ đứng bên phải cô, trẻ đó phải nói nhanh tên một con vật bất kỳ. Sau đó trẻ này lại đập tiếp vào vai của bạn đứng bên phải mình, trẻ đó nói tên một con vật khác. Trò chơi tiếp tục cho đến hết vòng.

- Mỗi trẻ nói tên một con vật nhưng không được nói trùng tên con vật mà bạn trước đó đã nói. Trẻ nào không nói được tên con vật thì khi hết lượt chơi phải hát một bài.

- Cô có thể đổi tên gọi con vật bằng tên gọi đồ vật, cây, hoa, quả...

2. Trò chơi: *Bạn thích gì?*

* *Mục đích yêu cầu:*

- Làm phong phú vốn từ của trẻ

- Trẻ nói được những câu đơn giản.

* *Chuẩn bị:*

- Hoạ báo, tranh ảnh về thức ăn, quần áo, động vật, đồ chơi...

- Mỗi nhóm 3-4 trẻ, 1 cái kéo và lọ hồ dán.

- Mỗi trẻ 1 tờ giấy khổ A4, phía trên có ghi tên cả trẻ.

* *Hướng dẫn:*

- Cô chia lớp thành các nhóm 3-4 trẻ. Cô phát hoạ báo, tranh ảnh, kéo, hồ dán, và giấy trắng cho trẻ. Trẻ xem hoạ báo (hoặc tranh ảnh) rồi cắt 3-4 ảnh mình thích và dán vào tờ giấy trắng.

- Sau đó, trẻ nói về bộ sưu tập của mình. Ví dụ: “*Cháu thích ăn những quả na, chuối, bưởi... Cháu thích nhất ăn nhất quả na.*”

- Cô yêu cầu trẻ đổi các tranh cho nhau. Trẻ xem tranh và nói về sở thích của nhau: “*Bạn Sơn thích ăn quả cam, quýt, dứa...*” rồi hỏi bạn: “*Bạn Sơn thích ăn quả gì nhất?*”

Tóm lại: Phát triển vốn từ cho trẻ là nội dung quan trọng trong phát triển lời nói cho trẻ.

Phát triển vốn từ được mở rộng dần dần từ những sự vật gần gũi nhất đến môi trường xung quanh mà trẻ được tiếp xúc.

Việc phát triển vốn từ phải được tiến hành thường xuyên, mọi lúc và mọi nơi. Từ cung cấp cho trẻ luôn được gắn liền với ngữ cảnh để giúp trẻ hiểu được nghĩa của từ và cách sử dụng nó trong hoàn cảnh cụ thể một cách chính xác.

Phương pháp để phát triển vốn từ cho trẻ là trực quan kết hợp với dùng lời, giảng giải, trò chơi học tập để dạy trẻ bắt đầu gọi tên sự vật hiện tượng đến miêu tả đặc điểm và cuối cùng biết dùng từ khái quát để phân loại các sự vật hiện tượng đó.

Câu hỏi tự học

1. Trình bày đặc điểm phát triển vốn từ của trẻ mầm non.
2. Phân tích các nhiệm vụ phát triển vốn từ cho trẻ mầm non.
3. Trình bày hệ thống các phương pháp phát triển vốn từ cho trẻ mầm non.
4. Chỉ ra các hình thức giáo dục nhằm phát triển vốn từ cho trẻ mầm non.

Hướng dẫn tự học

1. Trình bày có ví dụ minh họa về đặc điểm vốn từ của trẻ:

- Số lượng vốn từ trẻ nắm được ở các độ tuổi.
- Khả năng hiểu nghĩa của từ và tỷ lệ sử dụng từ loại của trẻ theo độ tuổi.
- Khả năng sử dụng vốn từ một cách chủ động, tích cực trong quá trình

giao tiếp.

2. Phân tích được vai trò, nội dung các nhiệm vụ phát triển vốn từ cho trẻ:

- Làm giàu vốn từ cho trẻ thông qua quá trình tổ chức cho trẻ tìm hiểu thế giới xung quanh một cách có chủ định.

- Củng cố, chính xác hoá vốn từ cho trẻ là giúp trẻ nắm được nghĩa của từ, cách sử dụng từ trong giao tiếp.

- Tích cực hoá vốn từ là tạo điều kiện, kích thích trẻ tích cực chủ động sử dụng vốn từ hiệu quả khi nói năng.

3. Nắm được hệ thống các phương pháp và cách thức sử dụng các phương pháp này trong quá trình tổ chức các hoạt động phát triển vốn từ cho trẻ:

- Phương pháp trực quan (tranh ảnh, vật thật, đồ chơi).
- Phương pháp dùng lời (trò chuyện, đàm thoại, giảng giải, kể chuyện ...).
- Phương pháp thực hành (trò chơi phát triển vốn từ).

4. Nắm và biết vận dụng phù hợp, có hiệu quả các hình thức phát triển vốn từ cho trẻ thông qua hoạt động giáo dục có chủ đích (Nhận biết tập nói, làm quen với thơ truyện, Khám phá khoa học ...) và thông qua hoạt động ngoài giờ học (vui chơi, giải trí, lao động và các sinh hoạt khác)...

CHƯƠNG V. PHƯƠNG PHÁP DẠY TRẺ NÓI ĐÚNG NGỮ PHÁP

I. Khái niệm

Dạy trẻ nói đúng ngữ pháp là luyện cho trẻ lời nói đúng cấu trúc ngữ pháp tiếng Việt, giúp cho lời nói của trẻ có nội dung thông báo rõ ràng, dễ hiểu, logic.

Việc dạy trẻ nói đúng ngữ pháp có liên quan mật thiết đến việc luyện phát âm và phát triển vốn từ. Trẻ phải phát âm đúng, biết nhiều từ, hiểu từ mới có thể nói đúng ngữ pháp và biểu cảm.

Ngoài ra việc dạy trẻ cần tính đến đặc điểm phát triển ngôn ngữ và khả năng tư duy của trẻ. Bởi vì khả năng sắp xếp các sự kiện, lựa chọn từ ngữ, sắp xếp câu để diễn đạt một ý trọn vẹn một nội dung nào đó có liên quan đến sự nhận thức tư duy trừu tượng của trẻ.

Do đó đặt ra yêu cầu cho trẻ theo lứa tuổi cần phải tuân theo nguyên tắc giáo dục chung, từ đơn giản đến phức tạp. Ví dụ: dạy trẻ mẫu giáo biết nói câu đơn giản, không nói câu thiếu thành phần. Dạy trẻ mẫu giáo lớn sử dụng thành thạo câu đơn, câu mở rộng và một số câu phức.

II. Đặc điểm ngữ pháp của trẻ từ 1- 6 tuổi

1. Sự hình thành và phát triển các kiểu câu của trẻ xét theo cấu trúc ngữ pháp

a. Giai đoạn từ 1-3 tuổi

Từ sau 12 tháng, nhu cầu giao tiếp của trẻ với thế giới xung quanh ngày càng phát triển. Trẻ không chỉ dùng những âm bập bẹ mà đã bắt đầu nắm được một số từ.

15 tháng tuổi trẻ đã biết dùng những câu đầu tiên. Câu đầu tiên xuất hiện ở trẻ là câu 1 từ. Câu 1 từ là loại câu có đặc điểm, có cấu trúc đơn giản chỉ gồm 1 từ. Câu gắn một từ gắn liền với hoàn cảnh. Nhờ văn cảnh, cùng với ngữ điệu câu nói, nét mặt, cử chỉ của trẻ mà người nghe hiểu được điều mà trẻ muốn nói.

Ví dụ: *Đi.* (trẻ đòi đi chơi)
Nước. (trẻ muốn uống nước)

Sau câu 1 từ là sự xuất hiện của câu cụm từ. Câu cụm từ là hình thức câu xuất hiện đầu tiên được tạo thành do sự liên kết các từ (trẻ có thể liên kết 2, 3, 4 từ thành câu cụm từ). Đặc điểm của câu cụm từ là chưa phân biệt được các thành phần câu.

Ví dụ: *Anh Thành; mẹ Hương...*

Tiếp sau có cụm từ là sự xuất hiện của các loại câu đơn hai thành phần chính. Đó là thành phần chủ ngữ và thành phần vị ngữ.

Ví dụ: *Hà ngủ.*
Lan khóc.

Đến cuối 3 tuổi, các dạng câu đơn của trẻ phong phú hơn. Câu đơn của trẻ đã được mở rộng các thành phần khác: Bổ ngữ, định ngữ, trạng ngữ.

Ví dụ: *Cháu ăn kẹo.*
Cái áo của cháu màu xanh.
Mai cháu đi đu quay.

Để diễn tả được nội dung, những yêu cầu ngày càng phức tạp hơn, đến cuối 3 tuổi trẻ đã bắt đầu sử dụng các loại câu ghép. Loại câu trẻ sử dụng đầu tiên là câu ghép mô tả các sự vật hiện tượng.

Ví dụ: *Bác cho cháu ăn kẹo, anh Thành cho cháu ăn kẹo.*

Cùng với các loại câu ghép, trẻ đã dần biết sử dụng các câu ghép chính phụ chỉ mục đích, nguyên nhân, điều kiện.

Ví dụ: *Nếu cháu ngoan dì sẽ cho cháu đi xe máy.*
Cháu đánh anh Thành nên bố cháu đánh cháu.

Qua điều tra vốn ngôn ngữ của trẻ, các nhà nghiên cứu đã rút ra nhận xét: Tỷ lệ nói câu đúng ngữ pháp, câu mở rộng thành phần, câu ghép tăng dần theo lứa tuổi. Các câu có cấu trúc đơn giản giảm dần. Điều này hoàn toàn phù hợp với

nhận thức của trẻ. Trẻ càng lớn, sự hiểu biết của trẻ càng tăng, do vậy biểu hiện trao đổi càng nhiều. Từ đó dần đến sự thay đổi càng đa dạng trong cấu trúc câu nhằm thoả mãn nhu cầu giao tiếp của trẻ.

Trẻ 13- 18 tháng câu 1 từ chiếm 50%; câu cụm từ chiếm 46,21%

Trẻ 19-24 tháng tuổi câu cụm từ chiếm 42,21%; câu chủ ngữ - vị ngữ chiếm 24, 29%.

Trẻ 25- 30 tháng tuổi câu chủ vị chiếm 29,42%; câu chủ ngữ - vị ngữ - bổ ngữ chiếm 24,84%.

Trẻ 31- 36 tháng câu chủ -vị chiếm 19, 57%; câu chủ ngữ - vị ngữ - bổ ngữ chiếm 22,84%; câu ghép đẳng lập chiếm 25, 57%.

Mặc dù đã có những tiến bộ lớn trong việc tiếp nhận và sử dụng các loại câu trong hệ thống câu tiếng Việt, song trẻ còn mắc một số lỗi khi tạo câu.

Chẳng hạn: - Từ trong câu sắp xếp sai trật tự từ, như:

Mẹ gấp cho con tôm hai con to.

- Thiếu từ trong câu: *Ông bà bánh.* (*Ông đưa bánh cho bà.*)

b. Giai đoạn từ 4- 6 tuổi

So với trẻ 3 tuổi thì trẻ từ 4 - 6 tuổi rất ít khi sử dụng câu 1 từ mà thường sử dụng các loại câu: câu cụm từ, câu đơn đầy đủ hai thành phần (C-V), câu đơn mở rộng thành phần, câu ghép đẳng lập và câu ghép chính phụ.

Xét về loại hình câu, số lượng không tăng nhưng thành phần trong từng loại câu có sự mở rộng và phát triển.

Nếu trẻ 3 tuổi có câu đơn 2 thành phần như: *áo đẹp*; thì trẻ từ 4-6 tuổi đã nói câu có một nhóm từ (ngữ) làm chủ ngữ và vị ngữ.

Ví dụ: *Quả bóng này rất nảy.*

Thành phần trạng ngữ và bổ ngữ cũng được mở rộng.

Ví dụ: *Hôm nay ở lớp con thích ăn cơm với rau cải.*

Các loại câu phức mà trẻ sử dụng cũng được mở rộng. Trẻ biết cấu tạo các câu hoàn chỉnh để kể lại nội dung câu chuyện hoặc diễn tả sự hiểu biết, diễn tả điều mong muốn của cá nhân.

Ví dụ: *Cháu được bố mẹ cho đi chơi công viên. Cháu thích ngồi xem con hổ.*

Các câu phức chính phụ của trẻ cũng có đủ các quan hệ từ, ý của câu cũng được diễn đạt rõ ràng, mạch lạc hơn.

Ví dụ: *Bố đánh cháu vì cháu đánh anh Hùng.*

Tuy đã có bước tiến xa trong việc sử dụng các loại câu so với tuổi nhà trẻ nhưng trẻ mẫu giáo vẫn còn có hạn chế: từ dùng còn thiếu chính xác, khi thừa, khi thiếu, vị trí sắp xếp các từ của câu cũng chưa chính xác nên câu dài mà tối nghĩa.

2. Sự xuất hiện và phát triển các kiểu câu xét theo mục đích nói

Xét theo mục đích nói, các câu nói của tiếng Việt chia ra 4 loại: câu tường thuật, câu nghi vấn, câu mệnh lệnh, câu cầu khiến, câu cảm thán.

Trong các loại câu trên, câu tường thuật xuất hiện sớm nhất và có số lượng cao nhất ở các độ tuổi. Trẻ sử dụng loại câu này nhiều lần để diễn đạt các hoạt động của bản thân hoặc của những người xung quanh, để nêu các sự vật hiện tượng xung quanh mà trẻ được tiếp xúc.

Câu tường thuật của trẻ ngày càng mở rộng nội dung phản ánh phát triển của từng độ tuổi.

ở trẻ 3 tuổi câu tường thuật mới dừng lại ở mức độ kể về các sự vật, đặc điểm của nó, về thời gian hành động, địa điểm, trạng thái.

Ví dụ: *áo siêu nhân của cháu rất đẹp.*

Cháu đi nhà bà nội.

Lúc này con được ăn kẹo ở lớp.

Câu tường thuật của trẻ 4 -6 tuổi có nội dung phản ánh khả năng đánh giá về tính chất của hành động, sự vật, nhận ra dấu hiệu đặc trưng của đồ vật (*Nước*

hoa thơm lắm), mối quan hệ giữa các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên (*Ông ơi, có ông sấm trời mưa đấy.*)

Câu nghi vấn là loại câu tăng nhanh và khá phong phú về nội dung do nhu cầu tìm hiểu về thế giới xung quanh của trẻ rất cao.

Trẻ dưới 3 tuổi thường sử dụng câu hỏi về tên gọi sự vật hiện tượng (cái gì đây, con gì đây), hỏi về hành động (*Bà làm gì đấy? Mẹ ăn gì đấy?*), hỏi về nơi chốn (*Cô đi đâu?*), hỏi về chủ thể hành động (*Ai làm đổ nước ra bàn đấy?*).

Trẻ từ 4- 6 tuổi còn thêm các loại câu hỏi về thời gian (*Hôm nay về bà chơi mẹ nhỉ?*), hỏi về số lượng (*Mấy tiền đây mẹ?*), hỏi về nguyên nhân (*Tại sao mẹ ốm?*), hỏi về nguồn gốc (*Cô ơi, nặn củ cà rốt như thế nào ạ?*), hỏi về mối quan hệ họ hàng...

Các loại câu mệnh lệnh, cảm thán trẻ có sử dụng nhưng số lượng không nhiều và sự phát triển của nó không rõ rệt như các loại câu trên.

3. Một số hạn chế trong câu nói của trẻ

Trong quá trình học nói trong việc tiếp và sử dụng đúng các từ các câu mà người lớn thường dùng, trẻ còn sử dụng một số từ, câu chưa đúng. Bởi vì việc tiếp thu ngôn ngữ của trẻ không chỉ là bắt chước lại, lặp lại những mô hình sẵn có mà nó phải trải qua quá trình biến đổi để trở thành vốn riêng của trẻ. Quá trình đó tạo nên những nét riêng trong ngôn ngữ của trẻ. Sau đây là một số lỗi sai trong câu nói của trẻ.

a. Hạn chế về từ

Về tính từ: đối với trẻ dưới 3 tuổi các tính từ chỉ màu sắc xuất hiện với số lượng ít và chưa chính xác. Ví dụ: với trẻ 28 tháng, tất cả các màu đều nói một màu nào đó, hoặc trẻ 33 tháng: *màu trắng nói màu xanh, màu vàng nói màu đỏ...*

Về danh từ chỉ thời gian cũng chưa chính xác. Ví dụ: để chỉ khoảng thời gian quá khứ dù đã xảy ra lâu hoặc chưa lâu các cháu cũng đều dùng từ: *hôm qua*, có cháu lại dùng *hồi trước, hồi nhỏ...*

Về phụ từ chỉ thời gian các từ chỉ thời gian xa gần trẻ vẫn chưa phân biệt được.

Về số từ: tuy trẻ đã dùng các số từ *một, hai, ba* ...nhưng thực tế trẻ chưa biết chính xác về số lượng (đối với trẻ 3 tuổi).

Từ 4 - 6 tuổi là thời kỳ trẻ tiếp thu các số lượng từ mới rất lớn. Vì vậy trong quá trình tiếp thu và sử dụng từ có một số trẻ nhớ nhưng không nắm được nghĩa của từ trong các hoàn cảnh giao tiếp nên sử dụng từ chưa đúng nghĩa với câu.

Ví dụ: *Khách đến nhà chơi, mình là chủ quán không phải chào.*

Lá cây gãy nhiều qua mẹ nhỉ.

Con chán xếp hình rồi, mẹ có vui xếp không?

b. Về câu

Việc tiếp thu và sử dụng các loại câu của trẻ ở các lứa tuổi đều có những khó khăn. Do đó số lượng câu nói chưa đúng của trẻ cho đến 6 tuổi vẫn còn chiếm tới 24,44%. Các câu nói chưa đúng của trẻ bao gồm các loại:

- *Câu rút gọn thành phần:*

Rút gọn câu nói là hiện tượng phổ biến trong ngôn ngữ của trẻ ở tất cả các độ tuổi. Câu rút gọn của trẻ có thể là câu rút gọn một thành phần hoặc nhiều thành phần.

Ví dụ: - Rút gọn vị ngữ: *Anh Tân.... xe của bố. (nghịch)*

- Rút gọn chủ ngữ: *.... lấy máy bay. (Anh)*

- Rút gọn bổ ngữ: *Cháu cầm ... cho cô.(ô tô)*

Trẻ sử dụng câu rút gọn một phần là dựa vào văn cảnh cụ thể. Những gì mà trẻ và người đối thoại cùng nhìn thấy thì bị rút gọn đi. Dựa vào văn cảnh ta có thể khôi phục lại thành phần mà trẻ rút gọn.

Ngoài ra trẻ sử dụng câu rút gọn sẽ làm hạn chế khả năng biểu đạt. Khi phản ánh mối quan hệ phụ thuộc giữa các sự vật, hành động chính còn các từ biểu

thì mối quan hệ phụ thuộc giữa các sự vật của quan hệ đó thì không được biểu thị.

Ví dụ: *Vì sao con khóc? (con rôm)*
Cô Lan đi chợ thịt cá. (để mua)
Em vẽ đồng hồ chú. (cho)

Rút gọn câu nói là một hình thức làm cho câu trở nên đơn giản trong ngôn ngữ nói. Song câu rút gọn không có khả năng truyền cảm rộng rãi, nhất là đối với trẻ em trong quá trình học nói.

- *Câu sai trật tự từ:*

Trong ngôn ngữ tiếng Việt, trật tự từ có ý nghĩa ngữ pháp rất quan trọng, nó quy định các thành phần trong câu. Song một số trường hợp do vội vàng hoặc do nhận thức của trẻ không rõ ràng nên trẻ phản ánh bằng ngôn ngữ cũng rời rạc, lộn xộn.

Ví dụ: *Cát thìa mẹ đi*
Cài cô cúc đi.

- *Những câu nói có cấu trúc không mạch lạc:*

Ví dụ: *Một hôm cô giáo bị ngã, cô buộc tóc rất xinh, đeo hoa tai, rất đẹp.*

Những câu nói không mạch lạc, sai trật tự từ thể hiện điều trẻ nhận thức được và muốn nói nhưng sắp xếp và lựa chọn từ chưa được, do đó câu nói của trẻ lộn xộn.

Từ những câu nói chưa đúng của trẻ chúng ta thấy được những khó khăn mà trẻ gặp phải trong giai đoạn tiếp thu và sử dụng. Vì vậy chúng ta cần giúp trẻ nhận thức biết diễn đạt suy nghĩ của mình rõ ràng hơn, mạch lạc hơn, đúng hơn, hay hơn.

III. Nội dung, phương pháp dạy trẻ nói đúng ngữ pháp

1. Nội dung

Tìm hiểu quá trình xuất hiện và phát triển các loại câu ở trẻ trước tuổi đi học ở trường phổ thông ta thấy: ở mỗi độ tuổi thường có một loại câu đặc trưng, các loại câu và chất lượng của các loại câu được phát triển theo sự phát triển của trẻ qua các lứa tuổi. Trẻ càng lớn thì loại câu càng phong phú, nội dung, cấu trúc thành câu được mở rộng hơn. Tuy vậy ở các lứa tuổi việc nắm vững và sử dụng các phương tiện diễn đạt của trẻ vẫn còn những thiếu sót cần khắc phục. Do vậy, trong nội dung dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, chúng ta cần quan tâm tới những vấn đề sau:

a. Nội dung dạy trẻ nói đúng ngữ pháp

- Dạy trẻ nói đúng cấu trúc ngữ pháp

Luyện cho trẻ nói đúng theo các quy tắc ngữ pháp tiếng Việt, trẻ biết nói câu đầy đủ các thành phần chính như chủ ngữ, vị ngữ và các thành phần phụ trạng ngữ, bổ ngữ, định ngữ. Trẻ phải biết sắp xếp theo trật tự từ trong câu tiếng Việt. Từ đó giúp cho nội dung diễn đạt của trẻ đúng, rõ ràng, mạch lạc.

- Dạy trẻ biết mở rộng thành phần câu để diễn đạt các nội dung càng ngày phong phú.

Cụ thể : + Dưới 3 tuổi dạy cho trẻ biết sử dụng thành thạo các loại câu đơn, câu mở rộng thành phần và bước đầu sử dụng các loại câu ghép.

+ ở trẻ 4- 6 tuổi dạy cho trẻ biết sử dụng thành thạo các câu đơn mở rộng thành phần, sử dụng đúng và ngày càng phong phú các kiểu câu ghép.

b. Phương pháp, biện pháp dạy trẻ nói đúng ngữ pháp

Việc tiếp thu vốn từ ở trẻ khác với việc tiếp thu và sử dụng vốn ngữ pháp. Khi học từ trẻ tiếp nhận ở phía người lớn từng đơn vị cụ thể (trẻ tiếp nhận ở người lớn từng từ). Khi học câu, trẻ không thể học hết tất cả các câu cụ thể, riêng lẻ rồi vận dụng vào trong trường hợp giao tiếp vì nội dung của những câu nói là vô cùng. Do vậy dạy nói cho trẻ nói đúng ngữ pháp là dạy trẻ nói đúng các mô hình câu, các thành phần câu cũng như vị trí của các thành phần câu, mà phải

bằng cách cho trẻ thường xuyên được nghe, được nói theo các mô hình câu chuẩn để từ đó dần dần nắm được cách cấu tạo các loại câu của tiếng mẹ đẻ.

- *Xây dựng mẫu câu:*

Mẫu câu mà giáo viên cho trẻ tiếp nhận phải đạt được các yêu cầu:

+ Câu phải đầy đủ các thành phần chính (chủ ngữ- vị ngữ).

+ Từ ngữ trong câu phải chính xác, sắp xếp đúng trật tự của câu tiếng Việt.

+ Nội dung câu thông báo của câu phải đơn giản, rõ ràng.

+ Mẫu câu đưa ra phải từ những mẫu đơn giản đến những mẫu câu phức tạp (chú ý đến yêu cầu của độ tuổi).

Ví dụ: Mẫu câu có cấu trúc C – V:

Gà gáy. Cờ bay.

Mẫu câu có cấu trúc C-V- B:

Cháu ăn kem. Cháu ăn phở.

Muốn giúp trẻ làm quen với các mô hình câu, giáo viên phải thường xuyên cho trẻ tập nói theo mẫu của mình.

- *Tập nói theo mẫu:*

Để hình thành các mẫu câu, giáo viên đặt cá câu hỏi. Mô hình câu hỏi sẽ ứng mô hình câu cần dạy trẻ (câu hỏi của cô là sự định hướng về nội dung và định hướng về mẫu câu).

Sau khi đặt câu hỏi, cô giáo trả lời hoặc một vài câu rồi giảng giải trẻ tập nói.

Ví dụ: Dạy trẻ mô hình câu C -V, cô giáo có thể đặt câu hỏi:

Lá cờ màu gì? Lá cờ màu đỏ.

Cái ca màu đỏ.

Dạy mô hình câu C-V nên cô giáo phải đặt câu hỏi:

Vì sao bạn Hà được cô khen?

Vì bạn Hà ngoan nên cô giáo khen.

Điều quan trọng của việc dạy trẻ nói theo mẫu câu là giáo viên cần lặp đi, lặp lại một cách có ý thức những mô hình câu. Trẻ nghe và hiểu nhiều lần sẽ bắt chước, ghi nhớ và khi cần giao tiếp trẻ sẽ vận dụng một cách tự nhiên.

Việc dạy trẻ các mô hình câu cho trẻ trước tuổi đến trường phổ thông sẽ có hiệu quả cao hơn nếu người giáo viên biết tạo sự hứng thú, tự nhiên trong quá trình học nói của trẻ bằng các biện pháp:

- Thường xuyên trò chuyện với trẻ các sinh hoạt hàng ngày theo các mô hình câu.

- Quan sát- đàm thoại theo các chủ đề.

- Cho trẻ xem tranh, mô hình, đồ dùng, đồ chơi rồi gợi ý cho trẻ trả lời theo các kiểu câu.

- Dạy trẻ kể chuyện.

Lưu ý: Khi dạy trẻ làm quen với các mô hình câu ghép, cô giáo cần giảng giải để trẻ hiểu được mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng trong thế giới xung quanh để trẻ liên kết các sự vật hiện tượng đó trong câu.

Ví dụ: để tạo thành câu ghép “*Vì bạn Nga cho cháu mượn đồ chơi nên cô khen bạn ấy*”, giáo viên cần giảng giải để trẻ hiểu: Bạn Nga rất ngoan, bạn Nga đã biết nhường đồ chơi cho bạn khi bạn mượn chơi. Những người biết nhường bạn, giúp bạn đều là người ngoan và đều đáng được khen.

Cô giáo đặt ra câu hỏi gợi ý:

Ai cho cháu mượn đồ chơi?

Vì sao bạn nghe được khen?

Sau đó hướng dẫn trẻ trả lời thành câu ghép.

- *Sửa lỗi:*

- + Sửa lỗi dùng từ sai

Trong quá trình dùng từ để cấu tạo câu, trẻ thường mắc phải lỗi dùng từ thiếu chính xác, trật tự từ trong câu sắp xếp không đúng với trật tự từ trong câu

tiếng Việt. Để giúp trẻ sửa chữa những lỗi này, cô giáo cần giảng giải lại để trẻ hiểu đúng nghĩa của từ cần dùng. Phân tích để trẻ hiểu đúng nghĩa của từ cần dùng. Phân tích để trẻ hiểu được giữa các hành động, sự việc, trên cơ sở đó giúp trẻ biết cách xếp thứ tự các từ để diễn đạt nội dung mình muốn thông báo. Giáo viên nói mẫu câu đúng và yêu cầu trẻ nói lại.

+ Sửa câu nói thiếu thành phần chính chủ ngữ- vị ngữ

Khi trẻ nói câu thiếu thành phần chủ ngữ hoặc vị ngữ, giáo viên đặt ra câu hỏi về thành phần thiếu, sai sau khi trẻ trả lời giáo viên giúp trẻ nói câu đủ thành phần.

Ví dụ:	Trẻ nói:	<i>Uống nước.</i>
	Cô hỏi:	<i>Ai uống nước?</i>
	Trẻ trả lời:	<i>Cháu uống nước.</i>

Biện pháp sửa sai nên sử dụng ở tuổi nhà trẻ và đầu tuổi mẫu giáo, giáo viên nên nói mẫu câu đúng rồi yêu cầu trẻ nói lại.

Câu hỏi tự học

1. Phân tích đặc điểm về khả năng sử dụng câu của trẻ mầm non.
2. Trình bày các nội dung dạy trẻ nói đúng ngữ pháp.
3. Trình bày các phương pháp, biện pháp dạy trẻ nói đúng ngữ pháp.

Hướng dẫn tự học

1. Cần nắm vững đặc điểm lời nói của trẻ về mặt ngữ pháp ở mỗi độ tuổi, từ đó giúp xác định các nội dung rèn luyện kỹ năng diễn đạt câu cho trẻ:
 - Khả năng sử dụng câu xét theo cấu tạo.
 - Khả năng sử dụng câu xét theo mục đích phát ngôn.
2. Nắm được các nội dung dạy trẻ nói đúng ngữ pháp là:

- Dạy trẻ nói câu đầy đủ các thành phần chính (chủ ngữ và vị ngữ).
- Dạy trẻ nói câu đúng trật tự sắp xếp các từ.
- Dạy trẻ nói câu có mở rộng thành phần phụ.

3. Hiểu và biết vận dụng các phương pháp, biện pháp để thiết kế hoạt động nhằm luyện trẻ nói câu đúng:

- Phương pháp nói mẫu thông qua trò chuyện, đàm thoại, kể chuyện.
- Phương pháp cho trẻ thực hành nói theo mẫu.
- Phương pháp sửa lỗi sai về câu cho trẻ.

CHƯƠNG VI. PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

MẠCH LẠC CHO TRẺ

I. Khái niệm ngôn ngữ mạch lạc, phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc

1. Ngôn ngữ mạch lạc

Ngôn ngữ mạch lạc không phải là phép cộng đơn thuần của những câu, những từ mà đó là những suy nghĩ có liên quan đến nhau về một chủ đề nhất định được diễn đạt bởi từ ngữ chính xác, có hình ảnh, trong những câu được xây dựng theo quy luật ngữ pháp, có liên kết với nhau.

2. Phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc

Phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc là luyện cho trẻ lời nói có nội dung thông báo rõ ràng, đầy đủ, lôgic, có hình ảnh. Khi nói trẻ diễn đạt rõ ràng, không ê a ấp úng, ngắt nghỉ giọng đúng chỗ, giọng nói có sắc thái biểu cảm.

II. Hai kiểu ngôn ngữ mạch lạc

1. Ngôn ngữ hội thoại

Ngôn ngữ hội thoại là ngôn ngữ của hai hay nhiều chủ thể nói năng. Ngôn ngữ hội thoại rất đơn giản cả về mặt ngôn ngữ và mặt tâm lý. Trong ngôn ngữ hội thoại các nhân vật hội thoại sử dụng các câu có cấu trúc ngữ pháp đơn giản, tinh lược các thành phần, có thể chỉ là một từ hay một mệnh đề. Vì ngôn ngữ hội thoại được sự ủng hộ của đối tượng giao tiếp và hoàn cảnh giao tiếp nên nó không phức tạp về mặt tâm lý. Trong ngôn ngữ hội thoại các phương tiện biểu cảm phi ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng.

2. Ngôn ngữ độc thoại

Ngôn ngữ độc thoại là câu chuyện của một chủ thể nói năng trước một hoặc nhiều đối tượng giao tiếp. Hình thức ngôn ngữ này rất phức tạp về mặt tâm lý và ngôn ngữ. Trong ngôn ngữ độc thoại các từ ngữ phải được sử dụng ở mức

độ chính xác rất cao. Các câu phải được xây dựng đúng theo cấu trúc ngữ pháp và theo quy luật diễn đạt như ngôn ngữ viết. Các từ nối phải được sử dụng một cách linh hoạt để câu chuyện được mạch lạc, trôi chảy. Ngôn ngữ độc thoại phức tạp về cả mặt tâm lý. Chủ thể nói năng phải chuẩn bị trước lời nói của mình một cách cẩn thận và phải có trí nhớ tốt, phải có ý thức kiểm tra lời nói của mình. Người nói phải có tính tự tin để trình bày thuyết phục người nghe. Các phương tiện biểu cảm phi ngôn ngữ trong ngôn ngữ độc thoại cũng đóng vai trò quan trọng.

3. Nguyên nhân hình thành ngôn ngữ độc thoại- một hình thức ngôn ngữ phức tạp của trẻ

a. Nguyên nhân bên ngoài (nguyên nhân xã hội)

Phạm vi giao tiếp của trẻ ngày càng được mở rộng đáng kể vượt ra ngoài phạm vi giao tiếp trong gia đình, trẻ được vui chơi ở trường mầm non, được tham gia vào các hoạt động xã hội, được tri giác sự vật hiện tượng xung quanh. Trẻ được làm quen với cuộc sống xã hội, được tri giác sự vật hiện tượng xung quanh, được nghe các câu chuyện do người lớn kể. Từ nhu cầu giao tiếp đơn giản dần dần phức tạp hơn. Chính nhu cầu giao tiếp đó là nguyên nhân làm xuất hiện ngôn ngữ bậc cao. Chẳng hạn: cuộc sống phát triển trong nhóm trẻ làm nảy sinh nhu cầu cần thiết phải bàn luận để thống nhất ý kiến chung trong hoạt động, trong quá trình chơi - học... Trên cơ sở này ngôn ngữ hội thoại tiếp tục phát triển, làm xuất hiện những hình thức mới như: chỉ dẫn, đánh giá, bàn luận... Hay sự hình thành lối sống, các mối quan hệ với bạn bè với người lớn dẫn đến sự đa dạng hoá, chuyên biệt hoá các hình thức và chức năng ngôn ngữ nên ở trẻ xuất hiện những nhiệm vụ giao tiếp mới: trẻ muốn truyền đạt cho người lớn những ấn tượng, tâm trạng, suy nghĩ của mình. Như vậy ngôn ngữ độc thoại xuất hiện (trẻ kể về những kinh nghiệm, cái đã nhìn thấy...).

b. Nguyên nhân bên trong (nguyên nhân tâm lý).

Ngôn ngữ đầu tiên phản ánh nhận thức của trẻ về thế giới xung quanh thông qua cơ quan cảm giác. Những ngôn ngữ này xuất hiện dưới hình thức là những từ đơn lẻ, tách biệt. Đến tuổi mẫu giáo nhỏ, đầu tuổi mẫu giáo lớn, tư duy trực quan hình tượng, tư duy lôgic được hình thành và phát triển với sự phát triển của các quá trình tâm lý bậc cao. Kết quả của những tiến bộ vượt bậc này là vốn tri thức ngày càng mở rộng về chiều rộng lẫn chiều sâu. Tức là trẻ vừa có tri thức về đặc điểm bên ngoài vừa có đặc điểm bên trong, bản chất, mối quan hệ của sự vật hiện tượng. Vốn hình thức ngôn ngữ này đòi hỏi một hình thức ngôn ngữ cao hơn, phức tạp hơn so với trước xuất hiện. Ngôn ngữ độc thoại xuất hiện.

Như vậy ngôn ngữ độc thoại xuất hiện cùng với sự xuất hiện của tư duy lôgic cùng với sự xuất hiện trong hoạt động trí tuệ. Ngôn ngữ độc thoại là phương tiện nhận thức lý tính, là phương tiện tiến hành các hoạt động trí tuệ, là phương tiện tiến hành các hoạt động trí tuệ, là phương tiện phát triển các hình thức tư duy bậc cao và các quá trình tâm lý bậc cao: tưởng tượng, ghi nhớ, điều khiển, phân tích, so sánh, tổng hợp và khái quát hoá.

III. Đặc điểm ngôn ngữ mạch lạc của trẻ

1. Trẻ từ 0-3 tuổi

Đầu năm thứ nhất, trẻ chưa hiểu được ngôn ngữ của người lớn. Từ 2 tháng tuổi có thể cảm nhận được ngữ điệu giọng nói của người lớn khi nựng yêu. Đến 3 - 4 tháng tuổi, trẻ có thể đáp ứng lại người lớn nói chuyện bằng những âm a, ư... và những cử động của chân tay, nét mặt.

Cuối năm thứ nhất, trẻ có thể hiểu được những yêu cầu đơn giản của người lớn, hiểu được ngữ điệu giọng nói của người lớn. Giai đoạn này, trẻ bắt đầu có ngôn ngữ chủ động. Nhưng ngôn ngữ của trẻ rất đơn giản. Trẻ chỉ dùng từ có cấu tạo âm thanh đơn giản để trả lời câu hỏi đơn giản của người lớn hoặc biểu thị ý muốn của mình. Khi nói, trẻ sử dụng kết hợp cả cử chỉ, nét mặt.

Sang năm thứ hai, trẻ hiểu được nhiều hơn và có thể làm theo một số chỉ dẫn đơn giản của người lớn. Đầu năm thứ hai trẻ vẫn sử dụng câu một từ là chủ yếu. Muốn hiểu trẻ người lớn phải dựa vào ngữ cảnh cụ thể. Trẻ có thể trả lời được một số câu hỏi đơn giản của người lớn. Cuối năm thứ hai, ngôn ngữ của trẻ phát triển hơn. Trẻ có thể sử dụng câu trọn vẹn để trả lời người lớn. Bắt đầu biết tham gia trò chuyện với người lớn, với bạn những ở mức độ và nội dung đơn giản.

Trẻ năm thứ ba, ngoài việc hiểu được ngôn ngữ của người lớn khi trò chuyện với mình, trả lời các câu hỏi của người lớn, trẻ có thể hiểu được những tác phẩm văn học có nội dung đơn giản, có thể kể lại theo trình tự hơn, người nghe dễ hiểu.

2. Trẻ từ 3 - 6 tuổi

a. Trẻ từ 3 - 4 tuổi

Trẻ hiểu và trả lời những câu hỏi của người lớn. Nhưng trẻ chỉ đàm thoại được những gì trẻ đang tri giác. Trẻ bắt đầu biết trình bày sự hiểu biết của mình một cách có liên kết. Trẻ có thể hiểu được lời của người lớn khi đọc hay kể về điều phù hợp với nhận thức của trẻ. Những ngôn ngữ của trẻ còn mang nặng tính ngữ cảnh, trẻ còn nói năng láu táu, chưa rõ ràng, còn phải sử dụng đến nhiều cử chỉ, điệu bộ trong khi diễn đạt.

b. Trẻ 4-5 tuổi

Trẻ mẫu giáo nhờ có vốn từ phong phú hơn trẻ mẫu giáo bé về số lượng cũng như từ loại. Trẻ sử dụng nhiều mẫu câu khác nhau. Tư duy của trẻ phát triển hơn, trẻ biết so sánh nhận ra đặc điểm giống và khác nhau của sự vật hiện tượng. ở trẻ bắt đầu khả năng tổng quát đưa ra kết luận. Những đặc điểm đó của tư duy ảnh hưởng rất lớn đến ngôn ngữ mạch lạc của trẻ. Ngôn ngữ của trẻ rõ ràng hơn, có nội dung hơn, người nghe dễ hiểu hơn. Trong ngôn ngữ độc thoại, trẻ thường dùng những câu, những đoạn ngắn. Trẻ thích được trò chuyện với

người lớn. Trẻ không chỉ đàm thoại về những gì đang tri giác mà còn biết đàm thoại về những nội dung mà trẻ đã biết và đưa ra nhận xét của bản thân. Mặc dù không phải lúc nào trẻ cũng đưa ra những nhận xét đúng. Trẻ có thể kể lại những câu chuyện mà trẻ biết hoặc đã được nghe kể, có thể kể theo tranh hoặc đồ vật, đồ chơi.

c. Trẻ từ 5 -6 tuổi.

ở mẫu giáo lớn, trẻ tích cực trò chuyện với người lớn, với bạn bè. Trẻ có thể đàm thoại về những gì mà trẻ biết hay đã được nghe. Trẻ có thể tranh luận, đưa ra ý kiến của bản thân. Tư duy của trẻ phát triển hơn, trẻ có thể nhận biết được những đặc điểm đặc trưng, có thể đưa ra phân tích đầy đủ về sự vật, hiện tượng. Bằng ngôn ngữ trẻ có thể diễn đạt rõ ràng, mạch lạc ý nghĩa, sự hiểu biết của mình. Trẻ biết xây dựng câu chuyện tương đối liên tục, rõ ràng, phong phú theo đề tài sẵn có hoặc theo tranh, đồ vật, đồ chơi. Nhưng trẻ vẫn cần có mẫu câu của cô giáo.

IV. Nhiệm vụ, nội dung phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ

1. Nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ mạch lạc

a. Trẻ từ 0 - 3 tuổi

- Hình thành kỹ năng nghe, hiểu lời nói của người lớn, thực hiện những yêu cầu đơn giản của người lớn.

- Dạy trẻ biết trả lời những câu hỏi đơn giản về những sự vật hiện tượng xung quanh trẻ.

- Dạy trẻ hiểu nội dung những câu chuyện đơn giản, biết trả lời những câu hỏi cô đặt ra theo nội dung câu chuyện.

b. Trẻ từ 3- 6 tuổi

** Trẻ từ 3 - 4 tuổi*

- Tiếp tục hình thành kỹ năng nghe hiểu lời nói của người khác trong khi giao tiếp, biết trả lời câu hỏi của người lớn.

- Dạy trẻ biết chào hỏi, trò chuyện với những người xung quanh, khi nói kèm theo cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với nội dung diễn đạt.

- Bước đầu dạy trẻ biết kể chuyện có sự gợi ý của cô.

** Trẻ từ 4 -5 tuổi*

- Tiếp tục dạy trẻ biết nghe hiểu và trả lời câu hỏi của người lớn, biết trò chuyện với những người xung quanh.

- Dạy trẻ biết kể chuyện theo tranh, đồ vật, đồ chơi theo mẫu của cô. Kể có trình tự, diễn cảm.

** Trẻ từ 5- 6 tuổi*

- Tiếp tục dạy trẻ biết nghe, hiểu ngôn ngữ của người lớn, biết trò chuyện đàm thoại, biết diễn đạt theo nguyện vọng và sự hiểu biết của mình.

- Dạy trẻ biết kể chuyện theo tranh, đồ chơi, đồ vật, kể chuyện sáng tạo. Kể có trình tự, diễn cảm, rõ ràng, mạch lạc, không lặp, không ngưng.

2. Nội dung phát triển ngôn ngữ mạch lạc

Căn cứ vào các nhiệm vụ phát triển vốn từ cho trẻ cần giúp trẻ thực hiện các yêu cầu sau:

a. Lựa chọn nội dung nói

- Lựa chọn nội dung cần nói: giúp cho lời nói của trẻ có nội dung thông báo ngắn gọn, rõ ràng. Xác định sự việc chính trong nhiều sự việc, xác định những đặc điểm cơ bản, nổi bật trong những đặc điểm của con vật, của cây, bức tranh..., xác định cốt truyện cơ bản của tác phẩm văn học.

- Sắp xếp nội dung đã lựa chọn: giúp cho lời nói của trẻ được rõ ràng, đầy đủ, logic...

Ví dụ: Nếu kể chuyện hay sự kiện thì có mở đầu, diễn biến, kết thúc.

Trẻ mẫu giáo chưa hoàn toàn có khả năng lựa chọn nội dung diễn đạt, vì vậy cần hướng dẫn và giúp đỡ trẻ.

b. Lựa chọn từ ngữ

Sau khi đã lựa chọn nội dung, trẻ cần lựa chọn từ ngữ để diễn đạt chính xác nội dung của mình cần thông báo. Việc lựa chọn từ ngữ giúp cho lời nói của trẻ rõ ràng và có sắc thái biểu cảm.

Việc lựa chọn từ ngữ được đặt ra ở hai mức độ:

+ Mức độ 1: Chọn từ ngữ phù hợp

Ví dụ: *Lan chạy vội vàng.*

Hoa cà màu tím.

+ Mức độ 2: Chọn từ ngữ mang sắc thái tu từ

Ví dụ: *Lan chạy vội vội vàng vàng.*

Hoa cà tím tím.

Mưa rơi nhẹ nhẹ

Như bụi mây bay.

Việc lựa chọn từ ngữ là một việc khó đối với trẻ mẫu giáo, cô giáo cần hướng dẫn, làm mẫu cho trẻ bắt chước, đặc biệt là lựa chọn từ có sắc thái tu từ.

c. Sắp xếp cấu trúc lời nói

Là giúp trẻ biết cách liên kết các câu lại với nhau thành chuỗi lời nói nhằm diễn đạt trọn vẹn một ý, một nội dung nào đó giúp người nghe hiểu được. Đây là sự sắp xếp toàn bộ nội dung thông báo một cách lôgic, nội dung nào trước, nội dung nào sau.

Để diễn đạt một ý, một nội dung nào đó thì việc sắp xếp cấu trúc lời nói có nội dung nào đó thì việc sắp xếp cấu trúc lời nói là đơn giản đối với trẻ. Nhưng nếu yêu cầu trẻ kể lại hay tự sáng tác, miêu tả những hiện tượng xảy ra trong đời sống thì trẻ gặp khó khăn, cần luyện tập dần cho trẻ.

c. Ngừng nghỉ, ngắt giọng đúng khi nói: Ngừng nghỉ giọng đúng chỗ khi nói làm cho việc diễn đạt của trẻ rõ ràng, trẻ không bị không bị ê a, âm ừ. Ngắt nghỉ, ngắt nghỉ còn giúp trẻ có điều kiện để nhớ tiếp nội dung, sự kiện tiếp theo.

V. Phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc

1. Phương pháp phát triển ngôn ngữ hội thoại

a. Trò chuyện

Đó là hình thức nói miệng đơn giản nhất được sử dụng để trao đổi thông tin, tình cảm, ý nghĩa của người lớn với trẻ và giữa trẻ với người lớn trong sinh hoạt hàng ngày. Nói chuyện mang tính xúc cảm hoàn cảnh lớn. Người nói chuyện, ngoài ngôn ngữ còn sử dụng các phương tiện biểu cảm khác như: cử chỉ, nét mặt, giọng nói... Ngôn ngữ nói chuyện thường đơn giản, thường là những câu đơn hoặc câu không trọn vẹn (câu chỉ có chủ ngữ hoặc vị ngữ). Trong giao tiếp tự do, trẻ tham gia giao tiếp với cô giáo, với các bạn.

- *Yêu cầu chung khi trò chuyện với trẻ:*

+ Cô phải tổ chức trò chuyện thường xuyên ở mọi lúc, mọi nơi, trong mọi hoạt động, mọi hoàn cảnh cô phải chuẩn bị trước về mặt chủ đề trò chuyện, ghi ngắn gọn nội dung trò chuyện.

+ Trò chuyện phải dựa trên sự hiểu biết của trẻ.

+ Cô phải để cho trẻ tự do suy nghĩ, tự do nói.

+ Giọng nói, nét mặt của cô phải thu hút, phải coi trẻ như bạn.

+ Trong quá trình trò chuyện không nên làm trẻ mất hứng.

Đối với trẻ nhà trẻ và mẫu giáo bé, việc trò chuyện phải được kết hợp với trực quan, hướng sự chú ý của trẻ vào đối tượng, sau đó gợi nhớ lại bằng những câu hỏi đơn giản. ở lứa tuổi này cần trò chuyện dựa trên hoạt động chính của trẻ hàng ngày.

Đối với trẻ mẫu giáo nhỡ và lớn, cô hướng vào việc trò chuyện, tiếp xúc một cách tự nhiên. Cô nghe trẻ nói làm cho cuộc nói chuyện nhẹ nhàng, thoải mái bằng những câu hỏi gợi ý.

Trò chuyện với trẻ có tác dụng rất lớn trong việc phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ, cho việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp, đồng thời có tác dụng mở rộng hiểu biết cho trẻ.

b. Đàm thoại

Đàm thoại là những cuộc nói chuyện có xu hướng và được chuẩn bị trước giữa giáo viên và trẻ theo một đề tài nhất định nhằm làm chính xác hoá cũng như hệ thống hoá tất cả những biểu tượng và kiến thức mà trẻ đã thu lượm được.

- ý nghĩa của đàm thoại

+ Đàm thoại ở trường mầm non giúp chính xác hoá những kiến thức, đào sâu và hệ thống hoá kiến thức cho trẻ.

+ Đàm thoại giúp phát triển các quá trình tư duy: đầu tiên là quan sát, sau đó là bàn bạc, thảo luận, suy luận, phân tích, tổng hợp và đánh giá vấn đề.

+ Đàm thoại giúp phát triển ngôn ngữ: phát triển vốn từ cho trẻ, đặc biệt là củng cố vốn từ và phát triển vốn từ tổng hợp khái quát, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ mạch lạc, nói năng trôi chảy có sức thuyết phục.

+ Đàm thoại giúp trẻ có ý thức tập thể, trao đổi thống nhất ý kiến, giúp phát triển khả năng tổng hợp vấn đề và nhận biết quan điểm của người khác qua ngôn ngữ.

- Yêu cầu của đàm thoại:

+ Đàm thoại phải được chuẩn bị kỹ, đầy đủ về nội dung cũng như phương pháp.

+ Đàm thoại phải nhẹ nhàng thoải mái, không áp đặt trẻ, nội dung đàm thoại phải đầy đủ các ý nghĩa.

+ Trong đàm thoại không nhồi nhét kiến thức kiến, không đi lệch khỏi đề tài đàm thoại.

+ Không đặt quá nhiều câu hỏi vụn vặt.

+ Phải khuyến khích trẻ tư duy, nêu nhận xét, trình bày ý kiến của bản thân.

- *Cấu trúc của đàm thoại: 3 phần*

+ Mở đầu đàm thoại có hướng sự chú ý của trẻ vào đề tài đàm thoại. Có nhiều cách, cô có thể dùng câu hỏi, câu đố, đọc thơ, cho trẻ xem tranh... Việc hướng sự chú ý của trẻ vào đàm thoại phải thật hấp dẫn, lôi cuốn, thu hút trẻ, giọng nói của cô cần truyền cảm.

+ Phát triển đề tài đàm thoại là phần chính và là phần khó nhất. Trong phần này cô sử dụng câu hỏi là chính. Câu hỏi phải có tính hệ thống, lôgic, chính xác, rõ ràng. Câu hỏi phải kích thích được trẻ trình bày được sự hiểu biết, suy nghĩ của mình. Không nên đặt quá nhiều câu hỏi vụn vặt nhưng cũng không nên gộp nhiều câu hỏi lại với nhau. Một câu hỏi có thể hỏi nhiều trẻ. Trong quá trình đàm thoại, cô có thể sử dụng khi cần thiết với mục đích minh họa, gợi mở cho đàm thoại. Không nên quá lạm dụng việc sử dụng trực quan. Làm như vậy sẽ giảm đi suy nghĩ và tư duy cho trẻ. Cô là người nên đưa đến kết luận cuối cùng về nội dung đàm thoại.

+ Phần kết thúc đàm thoại: cô nhận xét, động viên khuyến khích trẻ, nhắc những trẻ còn chưa tích cực trên hoạt động.

- *Các hình thức đàm thoại ở trường mầm non:*

+ *Đàm thoại mở đầu:* được tiến hành trước một hoạt động tập thể nào đó như trước một buổi chơi, một buổi lao động tập thể, trước khi tham quan, trước một hoạt động sáng tạo... Hình thức đàm thoại này thường mang tính ngắn gọn, mang tính biểu cảm nhằm gây hứng thú để tổ chức trẻ bắt đầu vào hoạt động sắp tới.

Ví dụ: Đàm thoại trước khi đi tham quan lăng Bác Hồ.

+ *Đàm thoại kết hợp với hoạt động quan sát:*

Hướng dẫn trẻ tri giác đối tượng một cách tổng hợp và toàn diện một cách có mục đích, tổ chức các hoạt động khảo sát và hoạt động nhận thức của trẻ.

Ví dụ: Cho trẻ quan sát các loại quả cho trẻ nhìn, sờ, ngửi, nếm và đặt câu hỏi đàm thoại cùng với trẻ.

+ *Đàm thoại tổng hợp, tổng kết một vấn đề:*

Nhằm trao đổi, bàn bạc thảo luận giữa cô và trẻ về một chủ đề nào đó theo một hệ thống câu hỏi - trả lời, có tác dụng tổng hợp, tổng kết một vấn đề. Hình thức đàm thoại này tương đối khó, giáo viên chỉ nên thực hiện ở cuối tuổi mẫu giáo. Chủ đề đàm thoại có tính tổng hợp cao.

Ví dụ: Đàm thoại về Bác Hồ, về các ngày tết thiếu nhi, ngày 8-3...

- *Những phương thức giáo dục được sử dụng trong quá trình tổ chức đàm thoại:*

+ Phương thức chủ yếu trong đàm thoại là những câu hỏi. Đặc biệt quan trọng là những câu hỏi đòi hỏi trẻ phải bàn luận, phải tìm được mối liên hệ giữa các đối tượng và đưa ra những kết luận.

+ Trong đàm thoại có thể sử dụng kết hợp trực quan. Điều đó sẽ giúp trẻ chú ý hơn và chính xác hoá và củng cố biểu tượng cho trẻ.

c. Trò chơi

Luyện nói cho trẻ thông qua trò chơi bao gồm nhiều nội dung:

- Chơi tự do: chơi tự do có nhiều cách để luyện nói cho trẻ

+ Trẻ tự do trong khi chơi. Đặc biệt trong trò chơi phân vai, khi chơi trẻ phải nói bằng ngôn ngữ nhân vật, phải trao đổi, do đó việc tập nói của trẻ được tự nhiên và hiệu quả hơn.

+ Cô có thể luyện nói cho trẻ nói đúng ngữ pháp, nói các mẫu câu bằng các trò chơi với lời nói.

- Chơi đóng kịch:

Cô giáo cần tổ chức các trò chơi đóng kịch. Nội dung kịch, cô nên chuyển thể từ tác phẩm văn học mà trẻ đã được làm quen. Việc tổ chức cho trẻ đóng kịch là một phương pháp tốt giúp trẻ phát triển ngôn ngữ đàm thoại và nói đúng ngữ pháp. Trẻ làm quen với các mẫu câu văn học đã được gọt giũa, chọn lọc, cách sử dụng từ tinh tế. Trẻ phải học nói diễn cảm theo đúng ngữ điệu của nhân vật mà trẻ đóng, giúp cho ngôn ngữ của trẻ có sắc thái biểu cảm rõ rệt.

2. Phương pháp phát triển ngôn ngữ độc thoại

Ngôn ngữ độc thoại bắt đầu dạy một cách có hệ thống từ mẫu giáo nhỏ. Nhưng sự chuẩn bị cho việc đó bắt đầu ngay từ tuổi nhà trẻ (trẻ cuối năm thứ hai) khi cô đọc kể cho trẻ nghe. Cái khó của ngôn ngữ độc thoại đối với trẻ là đòi hỏi ở trẻ cùng một lúc phải chú ý đến sự kiện có ý nghĩa với chúng, mặt khác trẻ phải biết ghi nhớ sự vật hiện tượng, mối quan hệ giữa chúng. Điều đó kích thích trí nhớ làm việc. Chính hoạt động của trí não là phương tiện để phát triển ngôn ngữ độc thoại. Trước khi cho trẻ kể lại một nội dung nào đó, cô giáo cần cho trẻ nắm vững được nội dung đó. Trong khi trẻ kể, cô giáo có thể sử dụng nhiều câu hỏi, gợi mở, nếu như trẻ quen.

Để phát triển ngôn ngữ độc thoại cho trẻ mẫu giáo, cô sử dụng phương pháp kể chuyện theo tri giác, kể lại tác phẩm văn học...

a. Dạy trẻ ngôn ngữ độc thoại trong giao tiếp tự do

Trong giao tiếp tự do, cô có thể dạy trẻ kể lại thông báo của cô. Đề tài thông báo rất đa dạng, phong phú: có thể là những sự kiện rất khác nhau cô gặp trên đường về làm về, có thể miêu tả một con vật, một bông hoa, một cành cây... Cô cần sắp xếp nội dung thông báo có trình tự, lôgic, súc tích trước khi kể cho trẻ. Trong lời nói mẫu của cô cô chỉ sử dụng kiến thức vốn từ, các mẫu câu quen thuộc để trẻ nghe và dễ hiểu. Bằng giọng nói tin tưởng gần gũi như kể chuyện với bạn hay ngược lại, bằng giọng hài hước, vui vẻ trẻ có thể kể lại cho trẻ nghe. Như

vậy, cô sẽ gây ấn tượng mạnh mẽ đối với trẻ. Trẻ sẽ rất thoải mái khi trẻ kể cho người khác nghe.

Cô có thể đề nghị cho trẻ kể lại những gì trẻ đã gặp. Trong khi trẻ kể, cô chú ý gợi mở, bổ sung những từ trẻ không nhớ, thay những từ hay hơn, cô cùng các trẻ khác phải làm chăm chú nghe lời kể của trẻ.

Cô đề nghị cha mẹ lắng nghe con mình kể lại những gì trẻ gặp ở trên con đường, trẻ được học, chơi ở trong trường. Gợi cho trẻ hứng thú kể lại chuyện.

b. Phát triển ngôn ngữ độc thoại trên tiết học

- + Kể lại tác phẩm văn học
- + Kể chuyện theo tranh
- + Kể về đồ chơi, đồ vật
- + Kể theo trí nhớ
- + Kể chuyện sáng tạo.

** Các phương thức dạy trẻ kể chuyện:*

- Kể chuyện mẫu:

Là phương thức học tập, trước hết là để cho trẻ bắt chước. Cũng như bất kỳ một câu chuyện kể nào, chuyện mẫu phải có nội dung giáo dục, gợi ý trẻ mô tả trong truyện của mình những hành động về tình đoàn kết...

Chuyện kể mẫu có thể không thể giải quyết toàn bộ vấn đề. Trẻ tự bổ sung nội dung mới, hoặc cô giáo cho những chỉ dẫn, câu hỏi bổ sung giúp trẻ đặt một câu chuyện.

- Cấu tạo tập thể một câu chuyện

Trẻ tự phân tích thứ tự dàn ý của câu chuyện của giáo viên, nghe những câu trả lời, phân tích những câu trả lời nào đạt. Giáo viên nhắc lại ý của trẻ nên xem câu chuyện bắt đầu như thế nào, sau đó chọn những câu trả lời cho những câu hỏi sau. Giáo viên liên kết từng câu vào hệ thống và thêm những câu cảm xúc của bản thân mình. Kết thúc cô hoặc trẻ nhắc lại câu chuyện.

- Cấu tạo câu chuyện theo từng phần

Phương thức này dễ làm cấu tạo câu chuyện. Giờ học trở nên hứng thú, chuyện kể đầy đủ và sâu sắc hơn. Giáo viên có thể hỏi được số trẻ nhiều hơn. Đưa ra một đề tài cho trẻ, giáo viên chia ra từng phần nhỏ. Sau đó mỗi phần nên lập một dàn ý.

- Câu hỏi trong khi kể chuyện

Câu hỏi trong việc dạy trẻ kể lại chuyện giữ vai trò quan trọng. Những câu hỏi nhằm gợi ý, dẫn dắt trẻ trong khi kể chuyện.

- Đánh giá của giáo viên

Sự đánh giá của giáo viên không chỉ có ảnh hưởng đến một trẻ, một câu chuyện mà còn có tác dụng với những câu chuyện sau và của trẻ khác.

Không nhất thiết phải sử dụng phương thức đánh giá làm phương thức giáo dục trong mỗi chuyện kể, nhưng trong một số truyện kể nên chỉ chỗ nào có giá trị. Như vậy mới có thể đưa ra nhận xét cái gì mới, cái gì tốt trong nội dung câu chuyện, hình thức kể chuyện.

Trên đây là một số phương thức dạy kể chuyện. Giáo viên cần phải biết nhiều biết nhiều phương thức khác nhau để dạy trẻ kể chuyện và tùy theo hoàn cảnh chọn những phương thức nào là chủ yếu.

*** Dạy trẻ kể lại chuyện**

- Các tác phẩm dùng để kể lại:

+ Câu chuyện không nên quá dài, cần phải chú ý đến đặc điểm về trí nhớ và sự chú ý của trẻ. Các câu chuyện phải phù hợp về nội dung, phát triển ở trẻ những đặc tính cần thiết của nhân cách.

+ Chủ đề của câu chuyện cần phải rõ ràng, các sự kiện cần diễn ra với một trình tự nhất định. Từ ngữ cần phải dễ hiểu, chính xác, các cấu trúc ngữ pháp không phức tạp, hành văn phải sáng sủa giàu hình ảnh. Sau khi nghe, trẻ có thể kể lại và thể hiện được thái độ tình cảm đối với các sự kiện trong truyện.

- *Yêu cầu đối với việc trẻ kể lại:*

+ Hiểu đầy đủ câu chuyện.

+ Truyền đạt lại đầy đủ nội dung câu chuyện, có thể bỏ sót một vài khía cạnh, tình tiết nhưng không làm mất tính logic của các sự kiện trong truyện.

+ Các chi tiết phải được kể theo một trình tự nhất định.

+ Sử dụng các từ ngữ của tác giả, hoặc thay thế các từ ngữ của tác giả nhưng phải đạt.

+ Trẻ phải kể với một nhịp điệu liên tục, không ngắt quãng.

+ Trong lúc kể chuyện, trẻ phải thể hiện sự lịch thiệp: bình tĩnh, rõ ràng, hướng về phía người nghe.

Những yêu cầu trên liên quan đến nhau không thể bỏ qua yêu cầu nào.

- *Phương pháp dạy trẻ kể lại chuyện:*

Kể lại chuyện không phải là ghi nhớ máy móc một tác phẩm văn học mà đó là sự tái tạo mang tính sáng tạo. Trong khi kể trẻ phải biết sử dụng ngôn ngữ tác giả một cách chính xác và vốn từ văn học nghệ thuật dần dần hình thành ở trẻ. Đây là nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ thông qua việc cho trẻ làm quen tác phẩm văn học. Qua việc dạy trẻ lại truyện giúp trẻ hiểu sâu tác phẩm, phát triển khả năng ghi nhớ, năng lực tư duy, đặc biệt là ngôn ngữ. Đồng thời, hoạt động này còn rèn luyện cho trẻ tự tin, mạnh dạn khi nói trước đám đông.

- *Yêu cầu của việc dạy trẻ kể lại truyện:*

+ Việc dạy trẻ kể lại truyện phải được bắt đầu bằng việc cô kể diễn cảm nhiều lần, sau đó, cô dùng hệ thống câu hỏi nhằm giúp trẻ nhớ lại nội dung câu chuyện. Câu hỏi cần tăng dần mức độ chi tiết. Chỉ khi nào trẻ hiểu và nhớ được nội dung câu chuyện, cô mới cho trẻ tập kể lại.

+ Có nhiều trẻ cùng được tham gia vào việc kể lại truyện.

+ Giáo viên chú ý sửa lỗi về ngôn ngữ, tư thế và cách diễn đạt ... của trẻ trong khi kể; động viên các cháu kể và gợi ý những chỗ cháu bị quên. Cô cũng có thể cho cháu tự nhận xét về cách kể của bạn mình.

+ Đối với những cháu nhút nhát hoặc khả năng ngôn ngữ kém, cô có thể cho các cháu kể một đoạn, hoặc vài câu và động viên các cháu mạnh dạn hơn để lần sau kể tốt hơn.

- *Các bước tiến hành:*

* *Hoạt động 1:* Đưa trẻ vào tiết học

* *Hoạt động 2:* Dạy bài mới

+ Bước 1: Giới thiệu tác phẩm, tác giả (đây là tiết hoặc tiến hành sau khi trẻ đã được nghe cô kể chuyện, vì thế, việc giới thiệu không nên cứng nhắc, cô có thể gợi ra một vài chi tiết hoặc nhân vật trong câu chuyện để trẻ nhớ lại tên tác phẩm).

+ Bước 2: Giáo viên kể mẫu một lần hoặc tóm tắt nội dung tác phẩm.

+ Bước 3: Giúp trẻ hiểu tác phẩm bằng cách giảng giải, đàm thoại hoặc kể trích đoạn (câu hỏi đàm thoại nên để trẻ nhắc lại câu nói của các nhân vật).

+ Bước 4: Dạy trẻ kể lại truyện bằng nhiều hình thức.

- Cho cả lớp cùng kể với giáo viên.

- Cho tổ, nhóm kể.

- Cá nhân lên cùng kể với cô (kể một câu, một đoạn hoặc hết tác phẩm tùy theo khả năng và trí nhớ của trẻ). Cô có thể dùng tranh ảnh hoặc mô hình để trẻ kể.

* *Hoạt động 3:* Kết thúc

- Cô nhận xét chung sau tiết học, khen ngợi, động viên các cháu.

- Cô chuyển sang các hoạt động khác một cách nhẹ nhàng, tự nhiên.

*** Kể chuyện theo tranh**

- *ý nghĩa của việc dạy trẻ kể chuyện theo tranh:*

Trẻ mẫu giáo chưa biết đọc những rất thích xem tranh vẽ. Tranh vẽ thể hiện thế giới xung quanh bằng các màu sắc một cách hình ảnh và có tính biểu tượng rất cao. Tranh vẽ là phương tiện, là dụng cụ trực quan phát triển tư duy và ngôn ngữ cho trẻ.

- *Yêu cầu của việc dạy trẻ kể chuyện theo tranh:* trong quá trình phát triển ngôn ngữ mạch lạc qua việc sử dụng tranh, chúng ta đề ra và giải quyết các nhiệm vụ sau:

Dạy trẻ hiểu nội dung bức tranh: hiểu các nhân vật trong tranh, các hành động của nhân vật (cây cối, con vật) và các mối quan hệ của các hiện tượng trong tranh.

Phát triển các vốn từ tương ứng thể hiện nội dung đã nói ở trên, phát triển vốn từ miêu tả (mở rộng vốn từ, tích cực hoá vốn từ, làm chính xác hoá vốn từ, đặc biệt là vốn từ đồng nghĩa).

Giáo dục cho trẻ thái độ đúng đắn đối với nội dung bức tranh (màu sắc, cấu trúc của bức tranh).

Giáo dục thẩm mỹ, hình thành năng lực cảm thụ và kỹ năng diễn đạt điều này bằng ngôn ngữ của mình.

Phát triển ngôn ngữ mạch lạc: kể chuyện về bức tranh, kỹ năng xây dựng câu chuyện.

- *Các hình thức dạy trẻ kể chuyện theo tranh như sau:*

+ Dạy trẻ xây dựng một câu chuyện có nội dung theo bộ tranh có nội dung trình tự.

+ Dạy trẻ lập truyện theo một tranh

+ Dạy trẻ lập câu chuyện theo tranh tự vẽ.

- *Các bước thực hiện dạy trẻ kể chuyện theo tranh:*

- + Bước 1: Quan sát kết hợp với đàm thoại về nội dung bức tranh.
- + Bước 2: Cô kể mẫu
- + Bước 3: Cho trẻ kể
- + Bước 4: Cô nhận xét sửa sai cho trẻ.

Tương tự chúng ta có thể sử dụng vật thật, đồ chơi để dạy trẻ kể chuyện. Có thể thực hiện các bước như dạy trẻ kể chuyện theo tranh.

*** *Dạy trẻ kể chuyện theo kinh nghiệm (trí nhớ)***

- *y nghĩa*: Trí nhớ cũng như tri giác là quá trình phản ánh thực tế những trí nhớ phản ánh những gì tri giác được từ trước. Kể theo trí nhớ là rèn luyện trí nhớ có chủ định, trong đó có quá trình hình dung lại, nhớ lại. Trước khi bắt đầu hoạt động, giáo viên nên thu hút trẻ sự chú ý của trẻ vào đối tượng để sau này trẻ nhớ lại được chính xác. Khi đó trí nhớ của trẻ sẽ tốt hơn những gì đã tri giác được trước đó.

Trong tâm lý ghi nhớ xúc cảm là loại tình xảm ghi nhớ mạnh nhất. Vì vậy cần chọn những chủ đề mà trẻ yêu thích nhất gây ấn tượng mạnh trong ý thức và tình cảm của trẻ.

Ở trường mầm non chúng ta dạy trẻ kể chuyện theo trí nhớ là dạy trẻ kể về những điều trẻ trải nghiệm trong cuộc sống của cá nhân trẻ hay của cả lớp.

- *Các bước dạy trẻ kể chuyện theo trí nhớ*:

+ Bước 1: Đàm thoại với trẻ làm sống lại những biểu tượng, những kinh nghiệm mà trẻ đã trải nghiệm, tổ chức sắp xếp cấu trúc các sự kiện của câu chuyện (có thể sử dụng tranh minh họa).

- + Bước 2: Cô có thể kể mẫu.
- + Bước 3: Hướng dẫn trẻ tự kể.
- + Bước 4: Cô nhận xét sửa sai cho trẻ.

Đây là hình thức kể chuyện kể đối với trẻ vì trẻ phải dựa vào trí nhớ và phải tự sắp xếp trình tự câu chuyện. Câu chuyện mẫu của cô ở giai đoạn đầu là

rất cần thiết. Dần dần chúng ta yêu cầu trẻ sáng tạo và tự kể ngày càng cao hơn phù hợp với sự phát triển của trẻ.

*** *Dạy trẻ kể chuyện sáng tạo***

Dạy trẻ kể sáng tạo được tổ chức ở lớp mẫu giáo lớn. Trẻ tự do kể câu chuyện theo trí tưởng tượng của mình, có đầu, có cuối, đúng ngữ pháp và diễn cảm. Trước khi trẻ kể cô gợi ý đề tài, nội dung câu chuyện.

Ví dụ: *Mẹ bảo cháu mang quà biếu bà. Cháu quên lời mẹ dặn, bỏ đi chơi. Lúc về mẹ hỏi, cháu xin lỗi mẹ và hứa lần sau không như thế nữa.*

Sau khi gợi ý đề tài, nội dung, cô kể mẫu theo một đề tài. Sau đó tự trẻ sáng tác một câu chuyện theo đề tài cô gợi ý. Về cấu trúc câu chuyện thì theo truyện mẫu của cô. Cô giúp trẻ kể, gợi ý phải dùng những từ, những câu hay, chú ý sửa lỗi sai của trẻ. Kết thúc cô nhận xét.

Kết luận

Phát triển ngôn ngữ mạch lạc là mục đích cuối cùng của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ để trẻ có phương tiện giao tiếp, tư duy. Nó là sự tổng hoà toàn bộ nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ trước tuổi học, đồng thời nó tạo ra cơ sở cho việc chuẩn bị cho việc học tập ở trường phổ thông, đặc biệt là môn tiếng Việt.

Việc phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ không chỉ được thực hiện trong giao tiếp tự do mà còn phải có những tiết học với mục đích phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ (giờ đàm thoại, dạy trẻ kể chuyện). Đó là hoạt động khó, đòi hỏi cô giáo phải chuẩn bị cẩn thận và nắm vững hệ thống phương pháp này.

Câu hỏi tự học

1. Trình bày đặc điểm ngôn ngữ mạch lạc của trẻ mầm non.
2. Trình bày nội dung dạy trẻ ngôn ngữ mạch lạc.
3. Phương pháp phát triển ngôn ngữ đối thoại cho trẻ mầm non.

4. Trình bày hệ thống phương pháp phát triển ngôn ngữ hội thoại cho trẻ mầm non.

5. Trình bày hệ thống phương pháp phát triển ngôn ngữ độc thoại cho trẻ mầm non.

Hướng dẫn tự học

1. Cần nắm được đặc điểm ngôn ngữ mạch lạc của trẻ từ 0 – 6 tuổi.

- Đối với trẻ từ 0 – 3 tuổi: trẻ có khả năng nghe, hiểu lời nói đơn giản của người lớn; biết trò chuyện với người xung quanh về những đề tài gần gũi quen thuộc; bước đầu biết kể chuyện dựa theo sự gợi ý của người lớn.

- Đối với trẻ từ 3 – 6 tuổi: trẻ có khả năng giao tiếp với mọi người xung quanh, biết lại câu chuyện đã được nghe, kể chuyện theo tranh, theo trí nhớ, kể sáng tạo...

2. Các nội dung dạy trẻ nói mạch lạc:

- Dạy trẻ biết lựa chọn nội dung cần nói.
- Dạy trẻ biết lựa chọn từ ngữ phù hợp.
- Dạy trẻ sắp xếp cấu trúc lời nói.
- Dạy trẻ biết cách ngừng nghỉ, ngắt giọng đúng lúc, đúng chỗ.

3. Nắm được hệ thống các phương pháp phát triển ngôn ngữ hội thoại cho trẻ và biết cách thức sử dụng phương pháp đó:

- Phương pháp trò chuyện
- Phương pháp đàm thoại
- Phương pháp thực hành – trò chơi.

4. Nắm được hệ thống các phương pháp phát triển ngôn ngữ độc thoại cho trẻ và biết cách thức sử dụng phương pháp đó:

- Phương pháp dạy trẻ kể lại chuyện

- Phương pháp dạy trẻ kể chuyện theo tri giác (kể theo tranh, theo đồ vật, đồ chơi).
- Phương pháp dạy trẻ kể chuyện theo tri giác
- Phương pháp dạy trẻ kể chuyện sáng tạo.

CHƯƠNG VII. PHƯƠNG PHÁP DẠY TRẺ LÀM QUEN CHỮ CÁI

I. Ý nghĩa và nhiệm vụ của việc dạy trẻ làm quen chữ cái

1. Ý nghĩa

Làm quen với chữ cái là nội dung có vai trò quan trọng trong chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mẫu giáo lớn (5-6 tuổi). Đó là hoạt động giúp hình thành và phát triển các năng lực cần thiết chuẩn bị cho việc học đọc, học viết cho trẻ ở trường tiểu học.

Cụ thể:

- Năng lực hoạt động trí óc như: bước đầu hình thành các thao tác tư duy để nhận ra mặt chữ cái, bước đầu hiểu được sự tương ứng giữa ký hiệu chữ cái và âm: nghe âm tìm chữ cái, nhìn chữ cái đọc được âm tương ứng. Từ đó hình thành cho trẻ các tri thức và biểu tượng ban đầu về các âm và chữ cái tiếng Việt.

- Năng lực hoạt động ngôn ngữ như khả năng nghe hiểu ngôn ngữ tiếng Việt khi chơi các trò chơi chữ cái, bắt chước cách đọc diễn cảm các bài thơ, đồng dao, ca dao... nhằm giúp trẻ tiến tới hoàn thiện ngôn ngữ nói, chuẩn bị cho việc hình thành năng lực đọc và viết ở bậc tiểu học.

- Khả năng điều khiển ngón tay, bàn tay

Các thao tác xếp hột hạt, cắt xé chữ cái, tô màu trong tranh, tô trùng khít các nét chữ lên các chữ cái in mờ đã thể hiện khả năng biết phối hợp các tốt các hoạt động tay mắt của trẻ. Các thao tác đó đã được tập dượt nhiều lần trong các tiết học làm quen chữ cái giúp trẻ phát triển tâm thế vận động, biết định hướng không gian và thời gian (tô các nét chữ cái từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, biết tri giác về đúng hướng chữ cái qua các bước so sánh các chữ cái trong nhóm).

2. Nhiệm vụ

Các bài học làm quen chữ cái cần giải quyết các nhiệm vụ sau:

- *Về kiến thức*: hình thành ở trẻ các biểu tượng về 29 chữ cái tiếng Việt giúp trẻ để hiểu và ghi âm tiếng mẹ đẻ chúng ta có thể dùng các chữ cái.

- *Về kỹ năng*: hình thành và rèn luyện ở trẻ các kỹ năng sau:

+ Nghe âm tìm được chữ cái tương ứng.

+ Nhìn chữ cái đọc được âm tương ứng.

+ Tìm chữ cái trong từ.

+ Tô được các nét chữ cái.

- *Phát triển*:

+ Phát triển ở trẻ khả năng chú ý có mục đích, trí nhớ, thính giác tinh tế chính xác, khả năng quan sát, kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp.

+ Rèn luyện sự cử động khéo léo các ngón tay.

+ Hình thành và phát triển tâm thế chuẩn bị đi học.

- *Về giáo dục*:

+ Thói quen ngồi học nghiêm túc.

+ Biết hành động theo yêu cầu chung.

+ Biết lắng nghe ý kiến, mạnh dạn phát biểu, trả lời câu hỏi rõ ràng mạch lạc.

II. Cơ sở xây dựng chương trình dạy trẻ làm quen chữ cái

1. Cơ sở tâm lý học

Chương trình dạy trẻ làm quen chữ cái được xây dựng trên những đặc điểm của quá trình nhận thức của trẻ mẫu giáo lớn. Đó là những đặc điểm sau:

- Trẻ mẫu giáo suy nghĩ bằng hình thức tư duy trực quan hình tượng. Điểm xuất phát của sự hình thành đó là hành động thực với đối tượng vật chất. Vì vậy dạy trẻ làm quen với chữ cái phải sử dụng đồ thật, tranh ảnh, đồ chơi, động tác, giọng nói... nhằm làm phong phú biểu tượng cảm tính của trẻ, thiết lập mối quan hệ giữa tranh vẽ với chữ cái đi kèm.

Như vậy trong phương pháp dạy trẻ làm quen với chữ cái cần quán triệt quan điểm tư duy cụ thể là chủ yếu. Ví dụ: Dạy trẻ làm quen chữ cái **a**, nếu cô chỉ định đưa chữ cái “*a*” đơn thuần để giới thiệu với trẻ thì sẽ không có hiệu quả. ở đây chúng ta dùng bức tranh vẽ quả na có từ “*quả na*” đi kèm để giới thiệu với trẻ. Bằng cách này, tranh quả na là hệ thống tín hiệu thứ nhất, từ “*quả na*” là hệ thống tín hiệu thứ hai, sự kết hợp giữ hai hệ thống này được lặp đi lặp lại nhiều lần giúp trẻ thiết lập mối liên hệ tạm thời trên võ não... Từ đó trẻ sẽ nhận ra ký hiệu chữ cái một cách dễ dàng.

- Trẻ mẫu giáo lớn tri giác sự vật theo kiểu trực quan toàn bộ, tổng thể. Chúng nhìn nhận sự vật theo kiểu chụp ảnh, phân biệt sự vật theo dạng tổng quát. Với đặc điểm sự vật này, chương trình cho trẻ làm quen chữ cái trước hết là cho trẻ nhận biết chữ cái thông qua từ, ví dụ: chữ “*a*” trong từ “*quả na*”, hay trong một câu đồng dao... Sau khi trẻ nhận được mặt chữ cái rồi mới tiến hành cho trẻ sắp xếp so sánh các chữ cái trong nhóm.

- Tư duy của trẻ mẫu giáo gắn liền với yếu tố tình cảm, hành động và suy nghĩ thì theo trước mắt. Trẻ ghi nhớ những gì gây ấn tượng mạnh: một bức tranh màu sắc tươi sáng, một câu thơ êm ái, nhẹ nhàng, một câu chuyện gây hứng thú ... Vì vậy khi dạy trẻ làm quen chữ cái cô giáo phải tổ chức giờ học phù hợp với yêu cầu và hứng thú của trẻ: có dùng đồ thật, tranh ảnh... Quan trọng là cô giáo cho trẻ chơi với đồ vật, tranh ảnh đẹp mắt.

2. Cơ sở ngôn ngữ học

Chương trình dạy trẻ làm quen chữ cái xây dựng trên đặc điểm ngữ âm và chữ viết của tiếng Việt. Hiện nay chữ viết của tiếng Việt là chữ viết ghi âm. Nguyên tắc của chữ viết ghi âm là một chữ cái ghi một âm và một âm ghi bằng một chữ cái (có một số trường hợp ngoại lệ). Để dạy chữ cái cho trẻ, chương trình đã lấy bảng chữ cái tiếng Việt làm căn cứ. Dựa vào đặc điểm hình dáng con

chữ, chương trình sắp xếp thành các nhóm khác nhau để xây dựng thành các bài học.

3. Cơ sở thực tiễn

Một trong những nhiệm vụ của lớp mẫu giáo lớn là chuẩn bị một số kỹ năng, thói quen để trẻ có thể thuận lợi khi bước vào lớp Một. Dạy trẻ làm quen chữ cái nằm trong chương trình chuẩn bị đó nên đã xây dựng đúng tầm tư duy của trẻ, từng bước giúp trẻ tiến tới một khả năng tư duy trừu tượng, tư duy logic. Điều đó cũng có nghĩa là trẻ mẫu giáo lớn sẽ có cơ hội để chuyển sang một giai đoạn mới trong cuộc đời - giai đoạn hoạt động chủ đạo là học tập.

III. Yêu cầu, nội dung và phân phối chương trình

1. Yêu cầu

- Nhận biết 29 chữ cái ghi âm tiếng Việt.
- Phát âm đúng các âm của 29 chữ cái tiếng Việt.
- Biết ngồi đúng tư thế và cách cầm bút khi tập tô các chữ cái theo mẫu.

2. Nội dung

- Dạy trẻ nhận biết các chữ cái ghi âm tiếng Việt theo kiểu chữ in thường, viết thường thông qua các trò chơi. Đây là nội dung giúp trẻ tri giác biểu tượng chữ cái, tri giác bằng mắt, bằng tay để trẻ làm quen và nhận dạng chữ cái. Do đặc điểm tâm lý lứa tuổi, cô giáo đóng vai trò hướng dẫn trẻ tìm chữ cái trong từ, gắn đồ dùng trực quan với trò chơi: nhận chữ, tìm chữ, nối chữ...

- Dạy trẻ nhớ được tên âm chữ cái: cô giáo giúp trẻ nhớ được tên chữ cái qua thẻ chữ, qua trò chơi. Đây là nội dung giúp trẻ 5- 6 tuổi chuẩn bị học ghép vần thành tiếng ở bậc tiểu học.

- Dạy trẻ làm quen với tư thế ngồi và cách cầm bút viết khi tập tô chữ cái:

Muốn giúp trẻ ngồi đúng tư thế và biết cách cầm bút tập tô, người lớn phải chuẩn bị bàn ghế đúng quy cách, vở tập tô, bút chì mềm... Cô dạy trẻ cách ngồi,

cách cầm bút đúng trước khi dạy trẻ tập tô các chữ cái theo mẫu. Đây là một nội dung không thể thiếu được trong việc chuẩn bị cho trẻ mẫu giáo lớn lên lớp Một.

- Dạy trẻ kỹ năng tô các nét cơ bản: nét xiên, nét thẳng đứng, nét móc, nét cong và kỹ năng tô 29 chữ cái tiếng Việt: tô theo mẫu, tô theo hướng dẫn nét nào trước, nét nào sau.

3. Phân phối chương trình

Trong chương trình dạy trẻ làm quen chữ cái, các bài dạy được phân phối theo các nhóm chữ cái. Những chữ cái có đặc điểm giống và khác nhau rõ nét về hình dạng và cách phát âm được xếp thành một nhóm (mỗi nhóm có 2-3 chữ cái), 29 chữ cái được chia thành 12 nhóm. Các nhóm được phân bố như sau:

+ o, ô, ơ

+ a, ă, â

+ e, ê

+ u, ư

+ i, t, c

+ d, đ, b

+ l, m, n

+ h, k

+ p, q

+ g, y

+ s, x

+ v, r

Dạy trẻ làm quen với chữ cái theo nhóm giúp trẻ so sánh được đặc điểm giống và khác nhau của các chữ cái trong nhóm. Khi so sánh trẻ phải quan sát đầy đủ, chính xác từng chữ cái để phân biệt các dấu hiệu khác nhau về hình dạng, về cách phát âm, giúp trẻ nhận ra chữ cái một cách chính xác và không bị nhầm lẫn khi phát âm.

Mỗi nhóm chữ cái dạy theo hai loại tiết: Làm quen chữ cái mới và tập tô chữ cái.

Iv. Phương pháp dạy trẻ làm quen chữ cái

1. Phương pháp dạy trẻ làm quen chữ cái mới

- Dạy trẻ làm quen với từng chữ cái qua tranh ảnh, vật thật có gắn từ chứa chữ cái cần làm quen. Cô giáo treo tranh (hoặc đưa vật thật) có kèm từ. Cô chỉ cho trẻ xem tranh (vật thật) và hỏi trẻ đây là tranh gì? Tranh gì đây? cái gì đây? Sau khi trẻ trả lời cô chỉ vào từ dưới tranh.

Ví dụ: Đây là tranh vẽ quả na, dưới tranh có từ “*quả na*”. Cô đọc cho trẻ từ dưới tranh.

- Dạy trẻ làm quen với chữ cái qua thẻ chữ rời, sau khi trẻ đọc từ dưới tranh, cô dùng thẻ chữ rời ghép thành từ giống từ dưới tranh. Cô giới thiệu chữ cái mới bằng cách: cho trẻ tìm chữ cái đã học, chọn chữ cái giống nhau, tìm chữ cái chưa học. Cô rút thẻ chữ cái cần làm quen ở tiết học này và giới thiệu chữ cái mới.

- Dạy trẻ làm quen với chữ cái qua cách phát âm: cô đổi thẻ chữ cái vừa mới giới thiệu thành chữ cái to hơn để trẻ dễ thấy và giới thiệu chữ cái mới. Cô cần phát âm chuẩn to, rõ ràng khi đọc tên âm chữ cái. Cô cho trẻ đọc tên âm chữ cái mới (cô cho cả lớp đọc rời đến tổ và cuối cùng là cá nhân đọc).

- Dạy trẻ làm quen với chữ cái mới qua cách so sánh 2 chữ cái:

Sau khi dạy trẻ làm quen với từng chữ cái theo 3 bước trên, cô giáo tiến hành hướng dẫn trẻ so sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa hai chữ cái về hình dạng và về cách phát âm (nếu chữ cái đó có thể so sánh được, trong trường hợp 2 chữ cái hoàn toàn khác nhau về chữ viết và cách phát âm thì không cần so sánh).

Ví dụ: Cô hướng dẫn trẻ so sánh chữ m và chữ n giống và khác nhau ở điểm nào?

Giống nhau: cùng có một nét thẳng đứng, cùng có một nét móc.

Khác nhau: Chữ n có hai nét (một nét thẳng đứng và một nét móc), chữ m có ba nét (một nét thẳng đứng và hai nét móc).

- *Phương pháp dạy trẻ chơi các trò chơi chữ cái*: Các trò chơi chữ cái gồm các trò sau:

- + Trò chơi tìm chữ cái trong từ
- + Trò chơi tìm chữ cái theo hiệu lệnh của cô
- + Trò chơi xếp hạt theo hình dạng chữ cái
- + Trò chơi tìm đúng nhà bé
- + Trò chơi biểu diễn, đọc thơ, ca dao để luyện phát âm
- + Trò chơi hái hoa.
- + Trò chơi quay số số
- + Trò chơi tìm lá cho hoa
- + Trò chơi tô màu chữ cái và tô màu tranh
- + Trò chơi tập nói chữ cái trong cuốn “Bé tập tô”...

Trong khi tổ chức các trò chơi với chữ cái, cô giáo cần lưu ý lựa chọn các trò chơi theo nguyên tắc tĩnh và động. Nghĩa là các trò chơi cho trẻ phải có hoạt động “tĩnh” và hoạt động “động” giúp cho giờ chơi được sinh động, hấp dẫn tạo cảm giác dễ chịu, không căng thẳng.

Phương pháp tổ chức trò chơi làm quen chữ cái:

- * Cô giới thiệu tên trò chơi
- * Cô giới thiệu cách chơi từng trò chơi
- * Cô cho trẻ chơi và theo dõi sửa sai cho trẻ.

- *Phương pháp dạy trẻ tô các chữ cái theo mẫu*:

Phương pháp dạy trẻ tô các chữ cái theo mẫu là phương pháp giúp trẻ mẫu giáo làm quen với một số thao tác, kỹ năng của hoạt động học tập, nhằm chuẩn bị tốt cho trẻ tập viết ở lớp một phổ thông.

- + Cho trẻ tìm chữ cái trong từ, thẻ chữ (qua tranh ảnh, trò chơi)

Ví dụ: Trò chơi hái nấm. Mỗi cái nấm mang tên một chữ cái cần tô, cô cho trẻ hái nấm và đọc tên chữ cái trong nấm, cả lớp cùng đọc.

+ Cô cho trẻ quan sát thẻ chữ cái: cô đổi thẻ chữ nhỏ thành chữ cái to để trẻ dễ quan sát.

+ Cô hướng dẫn trẻ tô màu chữ cái in rỗng bằng bút chì màu, tô đều phần màu vào phần rỗng của chữ cái, tô từ trên xuống, từ trái qua phải.

+ Cô hướng dẫn trẻ tô liền chữ cái bằng bút chì đen. Cô tô mẫu trước, hướng dẫn trẻ chú ý điểm đặt bút và tô đúng chiều mũi tên hướng dẫn.

+ Cho trẻ thực hành tô chữ cái. Trước khi cho trẻ thực hành tô chữ cái theo mẫu, cô giáo nhất thiết phải dạy trẻ ngồi đúng, giúp trẻ làm quen với các thao tác và kỹ năng học tập là hết sức quan trọng và cần thiết. Nó giúp trẻ hình thành những thói quen tốt như ngồi ngay ngắn, không tỳ ngực vào bàn, không cúi sát mặt vào vở.

+ Khi ngồi tô chữ cái, trẻ phải ngồi ngắn, lưng thẳng, đầu hơi cúi, mắt cách vở 25- 30 cm, không tỳ ngực vào bàn. Tay phải cầm bút điều khiển bút bằng 3 ngón tay (ngón cái, ngón trỏ và ngón giữa), kết hợp với cổ tay, cánh tay và khuỷu tay, tay trái giữ vở.

Câu hỏi tự học

1. Ý nghĩa và nhiệm vụ của chương trình dạy trẻ làm quen với chữ cái.
2. Cơ sở khoa học của việc xây dựng chương trình cho trẻ làm quen chữ cái.
3. Nội dung dạy trẻ làm quen chữ cái?
4. Trình bày phương pháp dạy trẻ làm quen với nhóm chữ cái mới.
5. Trình bày phương pháp dạy trẻ tập tô chữ cái.

Hướng dẫn tự học

1. - ý nghĩa của chương trình dạy trẻ làm quen chữ cái là:

Hình thành và rèn luyện năng lực hoạt động trí óc để trẻ chuẩn bị học đọc học viết ở trường tiểu học; khả năng thực hành ngôn ngữ; kỹ năng vận động bàn tay ngón tay

- Nhiệm vụ của chương trình:

+ *Về kiến thức*: hình thành ở trẻ các biểu tượng về 29 chữ cái tiếng Việt giúp trẻ dễ hiểu và ghi âm tiếng mẹ đẻ chúng ta có thể dùng các chữ cái.

+ *Về kỹ năng*: hình thành và rèn luyện ở trẻ các kỹ năng sau:

+ Nghe âm tìm được chữ cái tương ứng

+ Nhìn chữ cái đọc được âm tương ứng

+ Tìm chữ cái trong từ

+ Tô được các nét chữ cái.

- *Phát triển*:

+ Phát triển ở trẻ khả năng chú ý có mục đích, trí nhớ, thính giác tinh tế chính xác, khả năng quan sát, kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp.

+ Rèn luyện sự cử động khéo léo các ngón tay.

+ Hình thành và phát triển tâm thế chuẩn bị đi học.

- *Về giáo dục*:

+ Thói quen ngồi học nghiêm túc.

+ Biết hành động theo yêu cầu chung.

+ Biết lắng nghe ý kiến, mạnh dạn phát biểu, trả lời câu hỏi rõ ràng mạch lạc.

2. Cơ sở khoa học của việc xây dựng chương trình dạy trẻ làm quen chữ cái:

- Cơ sở tâm lý học

- Cơ sở ngôn ngữ học

- Cơ sở thực tiễn.

3. Nội dung của chương trình dạy trẻ làm quen chữ cái:

- Dạy trẻ nhận biết các chữ cái ghi âm tiếng Việt theo kiểu chữ in thường, viết thường thông qua các trò chơi.

- Dạy trẻ nhớ được tên âm chữ cái. Đây là nội dung giúp trẻ 5- 6 tuổi chuẩn bị học ghép vần thành tiếng ở bậc tiểu học.

- Dạy trẻ làm quen với tư thế ngồi và cách cầm bút viết khi tập tô chữ cái:

- Dạy trẻ kỹ năng tô các nét cơ bản: nét xiên, nét thẳng đứng, nét móc, nét cong và kỹ năng tô 29 chữ cái tiếng Việt.

4. Trình bày phương pháp dạy trẻ làm quen với nhóm chữ cái mới, gồm các bước cơ bản:

- Dạy trẻ làm quen với từng chữ cái qua tranh ảnh, vật thật có gắn từ chứa chữ cái cần làm quen.

- Dạy trẻ làm quen với chữ cái qua thẻ chữ rời.

- Dạy trẻ làm quen với chữ cái qua cách phát âm.

- Dạy trẻ làm quen với chữ cái mới qua cách so sánh 2 chữ cái:

5. Trình bày phương pháp dạy trẻ tập tô chữ cái, gồm các bước cơ bản:

+ Cho trẻ tìm chữ cái trong từ, thẻ chữ (qua tranh ảnh, trò chơi)

+ Cô cho trẻ quan sát thẻ chữ cái: cô đổi thẻ chữ nhỏ thành chữ cái to để trẻ dễ quan sát.

+ Cô hướng dẫn trẻ tô màu chữ cái in rộng.

+ Cô hướng dẫn trẻ tô liền chữ cái bằng bút chì đen.

+ Cho trẻ thực hành tô chữ cái.

Tài liệu tham khảo chính

1. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo, Nguyễn Xuân Khoa, NXBĐHQG Hà Nội, 1999.
2. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ dưới 6 tuổi, Hoàng Thị Oanh, Phạm Thị Việt, Nguyễn Kim Đức, NXBĐHQG Hà Nội, 2000.
3. Phương pháp phát triển lời nói cho trẻ, Đinh Hồng Thái, NXBĐHSP, 2005.
4. Phát triển ngôn ngữ trẻ em, E.I.Têkhiva, NXB Giáo dục, 1977.
5. Từ hoạt động đến ngôn ngữ trẻ em, Nguyễn Huy Cận, NXBGD, 1999.
6. Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ từ 3-36 tháng.
7. Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi.
8. Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non - Lê Thu Hương - Bùi Thị Kim Tuyền - Lưu Thị Lan - Vũ Thị Hồng Tâm - Đặng Thu Quỳnh, NXBGD, 2007.
9. Các hoạt động làm quen chữ cái theo hướng tích hợp – Lê Thị ánh Tuyết - Đặng Thu Quỳnh, NXBGD, 2005.

Mục lục

Chương I

Những vấn đề chung

về bộ môn phương pháp phát triển ngôn ngữ

I. Đối tượng nghiên cứu của bộ môn	1
II. Vai trò của ngôn ngữ trong sự phát triển trẻ em	9
III. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học nói của trẻ	14
IV. Các giai đoạn phát triển ngôn ngữ của trẻ em	16
V. Các lý thuyết về sự phát triển ngôn ngữ của trẻ em	18
VI. Các chức năng ngôn ngữ của trẻ	28

Chương II

Nhiệm vụ, phương pháp và các hình thức phát triển

ngôn ngữ cho trẻ

I. Nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ	30
II. Các phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ	34
III. Các hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ	39
IV. Các yêu cầu chung đối với hoạt động giáo dục có nội dung phát triển ngôn ngữ.	43
V. Những phương tiện và điều kiện thực hiện chương trình	46

Chương III

Phương pháp luyện phát âm cho trẻ

I. Khái niệm phương pháp luyện phát âm cho trẻ	45
II. Đặc điểm ngữ âm của trẻ từ 0- 6 tuổi	46
III. Nội dung, phương pháp luyện phát âm cho trẻ ở từng lứa tuổi	53
IV. Tổ chức công tác luyện phát âm cho trẻ	62
V. Một số dạng bài tập luyện phát âm cho trẻ	63

Chương IV

Phương pháp phát triển vốn từ cho trẻ

66

I. Khái niệm phương pháp phát triển vốn từ cho trẻ	66
II. Đặc điểm vốn từ của trẻ	66

III. Nhiệm vụ phát triển vốn từ cho trẻ	54
IV. Nội dung vốn từ cần cung cấp cho trẻ theo độ tuổi	72
V. Phương pháp phát triển vốn từ cho trẻ	75
VI. Các hình thức phát triển vốn từ cho trẻ	81
VII. Một số yêu cầu cần đạt được khi cung cấp vốn từ cho trẻ	85
VIII. Một số dạng bài tập tham khảo cho các lứa tuổi	87

Chương V

Phương pháp dạy trẻ nói đúng ngữ pháp

I. Khái niệm phương pháp dạy trẻ nói đúng ngữ pháp	88
II. Đặc điểm ngữ pháp của trẻ từ 1- 6 tuổi	89
III. Nội dung, phương pháp dạy trẻ nói đúng ngữ pháp	95

Chương VI

Phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ

I. Ngôn ngữ mạch lạc và phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc	99
II. Hai kiểu ngôn ngữ mạch lạc	99
III. Đặc điểm ngôn ngữ mạch lạc của trẻ	101
IV. Nhiệm vụ, nội dung phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ	103
V. Phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc	105

Chương VII

Phương pháp dạy trẻ làm quen chữ cái

I. ý nghĩa và nhiệm vụ của việc dạy trẻ làm quen chữ cái	116
II. Cơ sở xây dựng chương trình phương pháp dạy trẻ làm quen chữ cái	117
III. Yêu cầu, nội dung và phân phối chương trình	119
IV. Phương pháp dạy trẻ làm quen chữ cái	121

